

Marcel Dumais

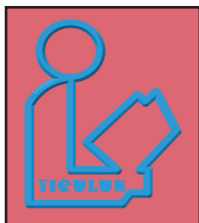
Gặp Gỡ Thiên Chúa Tình Yêu

Chúa Cha Trong Kinh Thánh



GẶP GỠ THIÊN CHÚA TÌNH YÊU CHÚA CHA TRONG KINH THÁNH

MARCEL DUMAIS



Cha Marcel Dumais, linh mục dòng Dòng Hiến Sĩ Đức Mẹ Vô Nhiễm (Oblati Mariae Immaculatae, OMI), là một nhà chú giải nổi tiếng quốc tế. Giáo sư Tân Ước tại Đại học Saint Paul, Ottawa, Cha được công nhận vì công việc của mình về các tác phẩm của Lu-ca (Phúc âm và Công vụ các Sứ đồ), về việc cập nhật Kinh thánh và Bài giảng trên núi. Là thành viên của Ủy ban Kinh thánh Giáo hoàng trong mười hai năm, Cha đã cộng tác với các chuyên gia khác từ khắp nơi trên thế giới, soạn thảo tài liệu quan trọng «Giải thích Kinh Thánh trong Giáo hội».

Cha Guylain Prince, một học giả Kinh thánh dòng Phanxicô, Cha nghiên cứu và phát triển cho Cuối tuần Kinh thánh và các phiên họp tại Hiệp hội Kinh thánh Công giáo từ năm 1992. Với khả năng này, Cha đã điều phối việc phát triển và xuất bản hai cuốn sách của Médiaspaul được sinh ra từ các thư mục cuối tuần. Cha Prince cũng là Thư ký Biên tập của trang web Kinh thánh mới trên Internet : www.interbible.org.

Giới Thiệu Chung

Guylain Prince

Hiệp Hội Kinh Thánh Công Giáo

Vai trò làm cha đang khủng hoảng ! Ở ngưỡng cửa thiên niên kỷ thứ ba, hơn bao giờ hết trong các xã hội phương Tây, người ta đặt câu hỏi về căn tính của người cha và vai trò của ông trong gia đình và xã hội. Liệu có thể khác đi được không ? Sự trỗi dậy của cái gọi là “chủ nghĩa nữ quyền” đã kéo theo một cuộc chất vấn sâu sắc đến mức ban đầu thật khó để đo lường chính xác tác động của nó sẽ là gì. Ngày nay, người ta nhận ra phong trào này - có lẽ chính xác hơn là nên nói đến một “xu thế” - đã đặt ra nhiều câu hỏi lớn, và điều này trên nhiều phương diện : căn tính cá nhân và tập thể, các cấu trúc xã hội và chức năng của giáo dục, v.v... Những hệ quả còn nhiều hơn nữa chắc chắn sẽ làm rung chuyển xã hội, nhất là ở những nơi các cá nhân và nhóm người hy vọng vào một sự thay đổi nào đó.

Việc đặt lại vấn đề về vai trò của người cha và người mẹ - hay nói chung hơn là về các căn tính nam tính và nữ tính - không thể không dẫn đến một suy tư về hình ảnh của Thiên Chúa. Dù theo cách nào đi nữa, khi chúng ta bắt đầu nói về Thiên Chúa, mô tả Thiên Chúa

bằng các thuật ngữ đã quen thuộc với chúng ta. Ví dụ, hình ảnh người cha và người mẹ được dùng để gọi tên những gì thuộc về thế giới vô hình và hệ quả của nó đối với chúng ta : Thiên Chúa là ai và chúng ta sẽ bước đi như thế nào trong sự đồng hành của Ngài.

Thế giới Kinh Thánh không nằm ngoài quy luật này. Mặc dù Israel luôn cẩn trọng không diễn tả sự sinh ra của mình theo nghĩa chặt là “sự sinh hạ” - như một số nền văn hóa xung quanh từng làm - nhưng các hình ảnh về tình phụ tử và tình mẫu tử vẫn được dùng để diễn tả mối tương quan với Thiên Chúa. Thật vậy, đặc biệt trong Tân Ước, việc gọi “Thiên Chúa là Cha” mang ý nghĩa sâu sắc và chưa từng có. Không nơi nào khác trong thế giới Kinh Thánh chúng ta tìm thấy điều tương đương với lời xưng hô táo bạo “Abba - Cha ơi” như từ miệng của chính Chúa Giêsu (Mc 14, 36). Ngoài ra, chúng ta biết rằng điều đó là một dữ kiện lịch sử vững chắc, là cánh cửa mở ra mối tương quan mà Chúa Giêsu thành Nazareth đã sống với Thiên Chúa mà Người gọi là “Cha”.

Tuy nhiên, Chúa Giêsu không chỉ “miêu tả” Đấng ngự trong Người - thực ra, Người rất ít khi làm vậy - mà chủ yếu Người mời gọi các môn đệ bước vào mối tương quan ấy với Thiên Chúa. Nếu Chúa Giêsu chỉ kể

lại, thì chúng ta chỉ có thể nhận ra vẻ đẹp của một mối thân tình như thế với Chúa Cha. Vấn đề trở nên hoàn toàn khác khi Người đề nghị lấy mối tương quan ấy làm mẫu mực cho các môn đệ của mình : “ Khi cầu nguyện, anh em hãy nói : Lạy Cha, xin làm cho danh thánh Cha vinh hiển” (Lc 11, 2) ; “Hãy đi gặp anh em Thầy và bảo họ : Thầy lên cùng Cha của Thầy, cũng là Cha của anh em, lên cùng Thiên Chúa của Thầy, cũng là Thiên Chúa của anh em” (Ga 20, 17) ; v.v.

Một vài nhận định này đặt ra một thách đố lớn : Làm sao hòa giải được di sản không thể chối cãi này với những chất vấn hiện nay về căn tính người cha ? Có nên chấp nhận nó mà không do dự ? Điều chỉnh hay đặt lại vấn đề ? Hay là từ bỏ, như đôi khi người ta vẫn làm, trước toàn bộ di sản Kinh Thánh, bởi vì, với tư cách là sản phẩm của một xã hội phụ hệ, nên nó đã bị nhuốm màu một cách không thể tẩy xóa ? Những câu hỏi này là nghiêm túc và các câu trả lời thì đầy hệ quả. Thật vậy, người ta tự hỏi phải tiếp cận vấn đề này như thế nào.

Đó là kiểu tình phụ tử nào ?

Thật khó để biết, ở thời điểm này trong lịch sử, số phận sẽ ra sao đối với hình ảnh Thiên Chúa là “Cha” trong Giáo hội và trong một số môi trường Giáo hội. Chính vì lý do đó, và nhất là khi chuẩn bị cho Năm

Thánh 2000, chúng tôi cho rằng điều thiết yếu là phải đề xuất một suy tư về tình phụ tử của Thiên Chúa, như được khám phá trong Kinh Thánh. Bởi vì điều quan trọng là phải biết đọc và giải mã chính xác các hình ảnh mà Kinh Thánh đưa ra. Như chính Kinh Thánh đã làm chứng, những lời nói về Thiên Chúa chỉ có ích khi chúng ta hiểu được điều được nói và điều không nói. Nói rằng Thiên Chúa là “Cha”, đó là nói điều gì đó đúng về Thiên Chúa, điều đó là sự thật ! Nhưng nói rằng Thiên Chúa là “Cha” theo cách mà người cha của chúng ta là cha thì vẫn chưa đủ. Bởi vì Thiên Chúa vượt trên mọi cố gắng của con người nhằm gán cho Ngài các mô hình, các khái niệm hoặc cách diễn tả. Thiên Chúa là “Đáng Hoàn Toàn Khác”, hay là “Đáng Thánh Ba Lần”, như ngôn sứ Isaia đã nói.

Trong các sách Tin Mừng, Chúa Giêsu gọi Thiên Chúa là “Cha”. Nhưng đó là kiểu cha nào ? Người đang nghĩ đến điều gì ? Có phải Người chỉ đơn giản nhắm đến hình ảnh của người cha trong xã hội Palestine xưa ? Có cần phải hiểu được toàn bộ nền văn hóa Do Thái để hiểu điều đó không ? May thay, không ! Không phải tất cả công trình nghiên cứu đã hoàn tất - còn nhiều người khác cũng đã làm - nhưng chúng tôi đề xuất ở đây một hướng tiếp cận đơn giản dựa trên những câu Tin Mừng nơi Chúa Giêsu nói về “Cha”. Đó là một điều rất cụ

thể, gần gũi, sinh động, nơi mà chính Chúa Giêsu đã sống mỗi tương quan của mình với Chúa Cha, tóm lại, là cách mà Người đã trình bày về Cha cho những ai đi theo Người.

Khuôn mặt của “Chúa Cha” mà Chúa Giêsu vẽ nên qua đời sống của Người mang những nét vẫn không ngừng khiến chúng ta kinh ngạc. “Chúa Cha” trong các sách Tin Mừng đi theo những con đường đầy bất ngờ đối với thời đại ấy, và thật lòng mà nói, vẫn khiến chúng ta bối rối ngay cả hôm nay. Hoặc là chúng ta hoàn toàn không hiểu gì về những hình ảnh mà Chúa Giêsu làm cho nhảy múa để kể về Thiên Chúa.

Để thực hiện một bước đi như vậy, tại Hiệp Hội Kinh Thánh Công giáo, chúng tôi đã mời Cha Marcel Dumais, giáo sư Tân Ước tại Đại học Saint-Paul ở Ottawa. Những ai quen thuộc với các nghiên cứu Kinh Thánh, không cần giới thiệu dài dòng : Cha Dumais được biết đến với các công trình nghiên cứu về các văn bản của Luca (Tin Mừng và Công vụ Tông đồ), về việc cập nhật các bản văn Kinh Thánh, và trong khoảng mười lăm năm gần đây, về Bài giảng trên núi. Suốt mười hai năm, Cha là thành viên của Ủy ban Kinh Thánh Giáo hoàng. Trong nhiệm kỳ của mình, Cha đã cộng tác với các chuyên gia khác trong việc biên soạn tài liệu quan trọng “Việc giải

thích Kinh Thánh trong Giáo hội”¹. Khi đến lúc bàn về hình ảnh “Thiên Chúa là Cha” trong Kinh Thánh, Cha Dumais luôn có một bước đi trước : các trích dẫn trong Tin Mừng theo Thánh Luca và trong Bài giảng trên núi (Mt 5-7) rất phong phú và dồi dào ! Không thể tìm được người nào tốt hơn !

Mặt khác, việc đọc cuốn sách này sẽ cho bạn cảm nhận được một trong những phẩm chất đẹp nhất của Cha Marcel Dumais : năng lực chuyên môn được thể hiện một cách dễ tiếp cận với mọi người. Dù các chương mà Cha chia sẻ ở đây là kết quả của một học giả uyên bác, Cha không bao giờ khiến chúng ta có cảm giác rằng Cha biết tất cả và chúng ta thì chẳng hiểu gì. Trái lại ! Qua từng trang sách, trong chúng ta dần dần hình thành một niềm xác tín rằng mình đang hiện diện trước một Kitô hữu đang kiếm tìm Thiên Chúa, và bằng sự hiểu biết của mình, Cha giúp chúng ta thoáng thấy sự phong phú của một gia sản mà Cha vẫn tiếp tục khám phá. Lời văn của Cha không chỉ thể hiện sự tìm kiếm mang tính trí tuệ mà còn, và trên hết, là sự khao khát Thiên Chúa. Hơn nữa, văn phong mang tính khẩu ngữ của những chương này - vốn là bốn bài thuyết trình trong khuôn

1 Ủy ban Kinh Thánh Giáo hoàng, Việc giải thích Kinh Thánh trong Giáo hội, Montréal, Nhà xuất bản Paulines, 1994, 121 trang.

khô một kỳ cuối tuần Kinh Thánh của SOCABI - cho thấy sức sống mãnh liệt của người thuyết trình. Chính vì vậy, chúng lại càng quý giá hơn !

Phương pháp được đề xuất

Cũng giống như tác phẩm đầu tiên trong loạt sách này ², cuốn sách này đưa ra bốn chương tạo thành trục xương sống của phương pháp tiếp cận. Trong chương đầu tiên, Cha Marcel Dumais trình bày những nét chính trong dung mạo của Thiên Chúa, như được xác định rõ trong Kinh Thánh. Nhiều yếu tố nhất quán hiện lên, nhưng cũng có những điều dường như là mâu thuẫn.

Chương thứ hai, “Thiên Chúa là Cha” được giới thiệu qua một vài đoạn văn then chốt của Tân Ước. Một khi đã nhận ra điều đó, Thiên Chúa là Cha mời gọi chúng ta đến gặp Ngài. Bởi lẽ, hơn cả một nhận định đơn thuần, việc Chúa Giêsu trình bày về Thiên Chúa chủ yếu là một lời mời gọi bước vào mối tương quan. Đó chính là nội dung của chương ba : Khẳng định rằng “Thiên Chúa là Cha” cũng đồng thời đặt ra câu hỏi : “Làm thế nào để bước vào mối tương quan mà một vị Thiên Chúa như vậy mở ra cho tôi ? ” Cuối cùng, Cha Marcel Dumais dẫn dắt chúng ta suy nghĩ về cách sống của

2 Đồng tác giả, Theo dấu chân Chúa Giêsu : Hành trình lịch sử và Kinh Thánh, Montréal, Médiaspaul, 1998, 181 trang.

những “người con trai và con gái của Chúa Cha”. Bởi lẽ, như chúng ta đã biết, mọi nỗ lực để đến gần Thiên Chúa đều kéo theo một phản hồi từ Ngài, phản hồi đó đưa chúng ta trở về với tha nhân. Tuyên xưng đức tin mà Chúa Giêsu mời gọi chúng ta thốt lên có ảnh hưởng gì đến các mối quan hệ giữa con người với nhau ?

Cũng như trong tác phẩm trước, bạn sẽ tìm thấy những đoạn văn ngắn đề cập đến một số câu hỏi được đặt ra trong các dịp cuối tuần Kinh Thánh do SOCABI tổ chức. Cuối cùng, bạn sẽ thỉnh thoảng gặp phần “Nguồn tư liệu của chúng tôi”, liệt kê một số tài liệu chuyên sâu đã góp phần nuôi dưỡng suy tư của chúng tôi, và phần “Những gợi ý của chúng tôi”, cung cấp cho bạn danh sách các văn bản để tiếp cận hơn để bạn tiếp tục đào sâu suy tư của mình về chủ đề này.

Chúng tôi hy vọng rằng những văn bản và công cụ này sẽ đáp ứng được khát vọng hiểu biết của bạn... để sống tốt hơn. Chúc bạn đọc vui vẻ !

1. Thiên Chúa Giận Dữ ? Thiên Chúa Tình Yêu ?

Marcel Dumais

Khi tôi còn nhỏ, trên tường nhà chúng tôi có một bức tranh nổi bật hơn hẳn tất cả những bức khác. Nó được treo rất rõ ràng trong nhà bếp, phía trên cánh cửa dẫn vào phòng khách. Điều mà bức tranh ấy mô tả thì rất đơn giản : một con mắt to nằm trong một hình tam giác. Đó là con mắt của Thiên Chúa. Con mắt Thiên Chúa này có thể tìm thấy trong hầu hết các ngôi nhà ở Québec vào thời của tôi. Nó minh họa rất rõ cho một trong những câu trả lời đầu tiên mà chúng tôi học trong sách giáo lý : Thiên Chúa ở khắp mọi nơi ; Ngài luôn nhìn thấy chúng ta...

Tôi nhận ra hôm nay rằng tôi đã áp đặt cái nhìn của cha mẹ mình lên con mắt Thiên Chúa ấy. Tôi gán cho nó những cảm nhận mà tôi có về tâm trạng của cha mẹ mình. Thế nên, con mắt ấy đôi khi hiện lên nghiêm nghị, đôi khi nghiêm khắc, đôi khi trừng phạt. Tóm lại, Thiên Chúa trong trí tưởng tượng non nớt của tôi ít nhiều được vẽ nên theo hình ảnh của cha mẹ. Và dù sao đi nữa, con mắt ấy thường nhìn tôi với ánh mắt phán xét nhiều hơn là ánh nhìn yêu thương và bảo vệ. Tuy vậy,

Thiên Chúa, Đấng mà tôi gán cho đủ mọi cảm xúc và ý định, vẫn luôn hiện ra trong mắt tôi qua một góc nhìn như thế.

Vậy Thiên Chúa là ai ? Chúng ta thường có khuynh hướng tạo dựng Ngài theo hình ảnh của chính mình, dựa trên kinh nghiệm sống, đặc biệt là kinh nghiệm về các mối tương quan của chúng ta với những người xung quanh. Hình ảnh nào về Thiên Chúa đang in đậm trong tâm khảm tôi hôm nay ? Có phải là hình ảnh một Thiên Chúa đang giám sát tôi, ghi chép từng hành vi tốt và xấu của tôi và sẽ lập bản tổng kết vào lúc tôi chết ? Có phải là hình ảnh của một Đấng siêu việt, toàn năng, bất biến, xa cách ? Hay là một hình ảnh khác ? Hình ảnh nào khiến tôi được thúc đẩy, dù ý thức hay vô thức, để sống theo một cách nào đó trong cuộc đời ?

Vậy Thiên Chúa là ai ? Để có một sự hiểu biết đúng đắn về Ngài, chỉ có một con đường : lắng nghe điều Ngài nói với chúng ta về chính mình. Bởi vì chính Thiên Chúa đã chủ động đến gặp gỡ chúng ta và từng bước, nghĩa là, theo thuật ngữ kỹ thuật, đã tự mạc khải. Việc tự mạc khải của Thiên Chúa diễn ra một cách đặc biệt qua một dân tộc mà Ngài đã chọn : dân tộc Israel. Dân tộc này đã mất nhiều thời gian để hiểu Thiên Chúa, và sự chậm hiểu của họ giúp chúng ta hiểu rõ hơn những

gì đang diễn ra trong lòng mình. Kinh Thánh kể lại cho chúng ta sự mạc khải từ từ của Thiên Chúa qua nhân tính của chúng ta và sự đón nhận lắm khi lộn xộn, mù mờ của dân riêng. Trong chương đầu tiên này, tôi mời các bạn cùng tôi xem xét lại những nét chính về chân dung Thiên Chúa của đức tin chúng ta. Dưới ánh sáng của các trải nghiệm về Thiên Chúa được Kinh Thánh kể lại, chúng ta sẽ có thể hiểu sâu hơn kinh nghiệm của chính mình về Thiên Chúa trong đời sống ngày nay.

Một Thiên Chúa giải thoát, tham dự vào lịch sử nhân loại [đặc điểm thứ nhất]

Câu chuyện gặp gỡ Thiên Chúa của dân tộc Do Thái bắt đầu từ một điểm xuất phát là một trải nghiệm sống thực đã định đoạt vận mệnh của dân tộc này : kinh nghiệm Xuất Hành. Nhưng hãy xem Kinh Thánh kể lại cho chúng ta thế nào. Chúng ta hãy đọc một vài câu trong sách Đệ Nhị Luật :

Bấy giờ, anh (em) sẽ lên tiếng thưa trước tôn nhan ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh (em) rằng : “Ông tổ tôi là người A-ram phiêu bạt, đã xuống Ai-cập và trú ngụ tại đó cùng với một số người ít ỏi ; tại đó, người đã trở thành một dân tộc lớn, mạnh và đông. Người Ai-cập đã ngược đãi, hành hạ chúng tôi và đặt ách nô lệ trên vai chúng tôi. Bấy giờ, chúng tôi đã kêu lên cùng ĐỨC

CHÚA, Thiên Chúa của cha ông chúng tôi ; Người đã nghe tiếng chúng tôi, đã thấy cảnh khổ cực, lầm than, áp bức chúng tôi phải chịu. ĐỨC CHÚA đã dang cánh tay mạnh mẽ uy quyền, đã gây kinh hồn táng đờm và thực hiện những dấu lạ điềm thiêng, để đưa chúng tôi ra khỏi Ai-cập. Người đã đưa chúng tôi vào đây, ban cho chúng tôi đất này, đất tràn trề sữa và mật". (Đnl 26, 5-9, bản dịch của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ ; xem thêm Đnl 6, 21-23)

Đoạn văn chúng ta vừa đọc chính là bản tuyên xưng đức tin đầu tiên của dân tộc. Bản tuyên xưng đầu tiên này, lời tuyên tín vào Thiên Chúa, không bắt đầu như lời tuyên xưng mà chúng ta đọc hôm nay : “Tôi tin kính Thiên Chúa, là Cha toàn năng, Đấng tạo thành trời đất...”. Tín biểu này là một tín biểu lịch sử. Nó kể lại kinh nghiệm khổ đau của một dân tộc đã kêu cầu giữa đêm tối và đã được Thiên Chúa lắng nghe, đến giải thoát họ. Nó kể lại kinh nghiệm giải phóng của dân tộc này, bao gồm ba biến cố : giải thoát khỏi tình trạng nô lệ ở Ai Cập ; ra khỏi đất của kẻ áp bức ; và được ban cho một vùng đất để sống và lớn lên trong tự do. Kinh nghiệm gặp gỡ giữa Thiên Chúa và dân tộc đã được đóng ấn bằng một Giao Ước tại Sinai, nơi Thiên Chúa và dân tộc cam kết với nhau, theo hình thức mà ngôn sứ Giêrêmia đã diễn tả : “Ta sẽ là Thiên Chúa các ngươi,

và các người sẽ là dân của Ta.” (Gr 7, 23).

Kinh nghiệm Xuất Hành được nhắc lại suốt trong Cựu Ước ³.

Nó sẽ mãi mãi ghi dấu cách mà dân được chọn sẽ hiểu Thiên Chúa : Người là Đấng hiện diện và hành động trong lịch sử của họ. Toàn bộ Cựu Ước là, có thể nói như vậy, một bản tường thuật về sự hiện diện và hành động của Thiên Chúa trong đời sống dân của Người.

Thiên Chúa trong Kinh Thánh, Thiên Chúa của chúng ta, vì thế không được mặc khải hay được biết đến nơi chính bản thân Người. Người chỉ được nhận biết từ khi Người đến với chúng ta, loài người, trong thế giới mà Người đã tạo dựng cho chúng ta. Đó là một Thiên Chúa đến với chúng ta và hiện diện trong lịch sử của chúng ta, một Thiên Chúa được nhận biết trước hết qua dung mạo của Đấng giải thoát.

3 Kinh nghiệm này được trình bày như là khuôn mẫu cho sự giải thoát, cả trong các sách tiên tri và các Thánh vịnh cũng như trong các sách lịch sử. Một vài tham chiếu: Xh 20,1; Đnl 5,6; 16,1-6; 26,1-11; Tl 6,13; Am 2,10; 3,1; Hs 6,3-4; Gr 2; Ed 19,20; 23; Tv 80 et 136. Việc nhắc nhớ kinh nghiệm này nuôi dưỡng lời cầu nguyện của tác giả Thánh vịnh, người thấy đó là một dấu chỉ rõ ràng rằng Thiên Chúa tiếp tục tỏ lòng thương xót đối với những ai thuộc về Người.

Thiên Chúa này có một tên. Người được gọi là Yahvé. Tên riêng này của Thiên Chúa được lặp lại gần 7000 lần trong Cựu Ước ⁴. Chính Thiên Chúa đã mặc khải tên này cho Môsê, theo sách Xuất Hành ⁵. Đáng để chúng ta nghe lại đoạn văn kể lại mặc khải này về tên của Thiên Chúa. Bạn có biết câu chuyện đó không ? Chính là câu chuyện về bụi gai đang cháy. Từ giữa bụi gai, Thiên Chúa phán với Môsê : «Ta đã thấy rõ cảnh khổ cực của dân Ta bên Ai-cập, Ta đã nghe tiếng chúng kêu than vì bọn cai hành hạ. Phải, Ta biết [nghĩa là Ta cảm

4 Chính xác hơn là 6828 lần. Ngược lại, từ ngữ Do Thái Elohim, có nghĩa là “Thiên Chúa”, xuất hiện khoảng 2600 lần trong Kinh Thánh Do Thái. Bản dịch TOB dịch Yahweh là “Chúa”, theo truyền thống Do Thái không phát âm tên thánh, để tôn kính tên thiêng liêng, và thay vào đó dùng từ khác trong phụng vụ, theo lệnh truyền của Lễ Luật: không được kêu danh Thiên Chúa vô cớ (Xh 20,7), nên người ta thay Yahweh bằng Adonay, nghĩa là Chúa.

5 Trong sách Xuất Hành, Thiên Chúa nói: “Ta là Giavê. Ta đã hiện ra với Abraham, Isaac và Giacóp dưới danh El Shaddai, nhưng danh Giavê của Ta, họ chưa biết. Ta lập giao ước với họ...” (Xh 6,2-3, bản dịch của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ; xem thêm Xh 17,1; 28,3; 35,11; v.v...). Danh El Shaddai không được xác định rõ ràng: có thể là “Thiên Chúa của núi non” hoặc “Thiên Chúa của cơn bão”. Trong sách Sáng Thế, những đoạn khác nhau có thể được hòa giải theo ánh sáng của sách Xuất Hành: Enosh “bắt đầu kêu cầu danh Yahvé” (St 4,2).

nhận] các nỗi đau khổ của chúng.» (Xh 3,7) Rồi Thiên Chúa nói với Môsê rằng Ngài đã chọn ông để giải thoát dân của mình và Ngài hứa sự hiện diện sống động của mình: «Ta sẽ ở với ngươi» (Xh 3,12). Và bản văn tiếp tục (chú ý đến cách Thiên Chúa giải thích tên của Ngài):

Ông Mô-sê thưa với Thiên Chúa : “Bây giờ, con đến gặp con cái Ít-ra-en và nói với họ : Thiên Chúa của cha ông anh em sai tôi đến với anh em. Vậy nếu họ hỏi con: Tên Đấng ấy là gì? Thì con sẽ nói với họ làm sao?” Thiên Chúa phán với ông Mô-sê : “Ta là Đấng Hiện Hữu.” Người phán : “Người nói với con cái Ít-ra-en thế này : “Đấng Hiện Hữu sai tôi đến với anh em.” Thiên Chúa lại phán với ông Mô-sê : “Người sẽ nói với con cái Ít-ra-en thế này : ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của cha ông anh em, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-xa-ác, Thiên Chúa của Gia-cóp, sai tôi đến với anh em. Đó là danh Ta cho đến muôn thuở, đó là danh hiệu các ngươi sẽ dùng mà kêu cầu Ta từ đời nọ đến đời kia.” (Xh 3,13-15).

Thiên Chúa mặc khải tên của Ngài cho Môsê : Yahvé, và Ngài giải thích tên đó, dựa trên gốc động từ tiếng Do Thái Yahweh, có nghĩa là «hiện hữu» : «Ta là Đấng hiện hữu». Cách giải thích này vẫn còn mơ hồ. Thiên Chúa giữ lại sự huyền nhiệm của mình. Nhưng đồng

thời, Ngài cũng mặc khải một điều gì đó. Từ «Ta là» bằng tiếng Do Thái là một động từ ở thì chưa hoàn tất, như chính Thiên Chúa đã nói trước đó khi hứa với Môsê sự nâng đỡ của Ngài : «Ta sẽ ở với ngươi» (Xh 3,12). Chúng ta có thể hiểu cách này : «Ta là Đấng sẽ hiện diện». Đây là một cách mặc khải rằng Thiên Chúa sẽ luôn luôn hiện diện trong cuộc đời của bạn ; chính nhờ sự đồng hành đó với lịch sử của bạn mà bạn sẽ hiểu Ngài là ai.

Ta có thể hiểu lời giải thích về danh Thiêng theo cách sau : «Ta là Đấng luôn hiện diện cách sống động trong cuộc sống của các ngươi ; chính qua việc Ta đồng hành trong lịch sử đời các ngươi mà Ta sẽ bày tỏ Ta là ai, và như thế, các ngươi sẽ nhận ra Ta là Đấng nào. ⁶»

Yahvé, Thiên Chúa của đức tin chúng ta, chính là một Thiên Chúa trung tín : Ngài ở với dân của mình, Ngài đồng hành với họ và bảo đảm sự nâng đỡ của Ngài ; Ngài đến để giải thoát. Điều đó, người Do Thái sẽ cảm nghiệm suốt chiều dài lịch sử của họ. Chẳng hạn, bảy thế kỷ sau cuộc Xuất Hành, dân lại một lần nữa bị lưu đày nơi đất khách. Ở đâu ? Lần này là tại Babylon. Khi ấy, các ngôn sứ sẽ đứng lên và nói : điều Thiên Chúa đã ⁶ Ý nghĩa năng động của lời tuyên bố huyền nhiệm trong Xh 3,14 có lẽ được diễn đạt rõ hơn qua bản dịch của TOB : «Ta là Đấng sẽ là.»

làm ngày xưa cho dân của Ngài, Ngài sẽ thực hiện một lần nữa ; sẽ có một cuộc Xuất Hành mới, một cuộc canh tân Giao Ước giữa Thiên Chúa và dân của Ngài ⁷. Điều ấy thực sự đã xảy ra khi dân được trở về đất Israel.

Từ những lần Thiên Chúa can thiệp để giải thoát dân Ngài, cũng như từng cá nhân, người Do Thái nhớ lại nguồn gốc thuở ban đầu của họ (hồi tưởng về quá khứ xa xôi của mình). Tổ phụ Ápraham của họ cũng đã có một kinh nghiệm giải thoát. Việc ông rời khỏi xứ Candê cùng với cả bộ tộc của mình là kết quả của một tiếng gọi từ Thiên Chúa mà ông đã lắng nghe bằng đức tin, và lời gọi ấy chất chứa một lời hứa từ Thiên Chúa : lời hứa về một miền đất và một dòng dõi đông đúc (St 12 và các đoạn sau).

Khi nhớ lại những ân huệ của Thiên Chúa trong quá khứ, dân hướng về tương lai với niềm tin tưởng. Thiên Chúa của quá khứ cũng là Thiên Chúa của tương lai. Bởi vì họ biết rõ rằng Thiên Chúa không bao giờ bỏ rơi những người thuộc về Ngài. Họ biết rằng Thiên Chúa sẽ mãi là Đấng cứu độ của họ. Sự trợ giúp của Ngài sẽ luôn được mong đợi, được hy vọng, được kêu cầu, được cầu nguyện. Vì Thiên Chúa là Đấng trung tín và chắc chắn. Trung tín và chắc chắn : đặc tính cốt yếu này

⁷ Xem, đặc biệt là Is 40-55.

của Thiên Chúa thường được diễn tả bằng những hình ảnh, đặc biệt trong Sách Thánh Vịnh : Thiên Chúa là núi đá của tôi, là thành trì của tôi, là nơi trú ẩn của tôi... Đối với tổ tiên chúng ta trong đức tin, tin không chỉ đơn thuần là chấp nhận rằng Thiên Chúa hiện hữu. Tin là cậy dựa vào Thiên Chúa, là đặt trọn niềm tin nơi Ngài.

Vậy là, đây là một nét đầu tiên của Thiên Chúa, một nét căn bản, trên đó các nét khác sẽ được gắn kết vào: Thiên Chúa hiện diện trong lịch sử nhân loại của chúng ta để ban cho chúng ta được sống những kinh nghiệm giải thoát. Nét này, vốn đã được ghi khắc trong Cựu Ước, được lặp lại và nhấn mạnh trong Tân Ước. Bởi vì, nơi Chúa Giêsu, không những Thiên Chúa trở nên người bạn đồng hành trong cuộc sống con người của chúng ta, mà còn trở thành một người trong chúng ta. Và, với Chúa Giêsu Kitô, đối tượng của sự giải thoát và những người thụ hưởng nó được mở rộng một cách phi thường. Hồng ân sự sống mà Thiên Chúa trao ban cho chúng ta trong Con của Người, là Đức Giêsu, không thể nào so sánh với ân huệ ban đầu là một vùng đất, và ân huệ đó được trao ban cho toàn thể nhân loại ⁸.

⁸ Thiên Chúa giải thoát là Thiên Chúa của sự sống. Kinh Thánh thường gọi Thiên Chúa là “Đấng Hằng Sống” (xem Is 49,18; Gr 10,10; Ed 5,11; v.v.). Chính khi làm cho Chúa Giêsu sống lại, Thiên Chúa đã tỏ mình cách tối thượng là Thiên Chúa của

Cái nhìn đầu tiên này về Thiên Chúa trong Kinh Thánh khiến tôi đặt ra một câu hỏi : Vậy Thiên Chúa là ai đối với tôi ? Một Đấng nào đó trên cao, ở tận trời xanh ? Hay là một Đấng Hiện Diện trong đời sống tôi ?

Một Thiên Chúa tốt lành và nhân hậu, nhưng cũng là một Thiên Chúa xét xử và trừng phạt [nét thứ hai]

Vậy Thiên Chúa là ai ? Để khám phá những nét nơi khuôn mặt của Ngài, chúng ta hãy đọc một đoạn khác trong sách Xuất Hành :

ĐỨC CHÚA đi qua trước mặt ông [Môsê trên núi Sinai] và xướng :

“ĐỨC CHÚA ! ĐỨC CHÚA ! Thiên Chúa nhân hậu và từ bi, hay nén giận, giàu nhân nghĩa và thành tín, giữ lòng nhân nghĩa với muôn ngàn thế hệ, chịu đựng lỗi lầm, tội ác và tội lỗi, nhưng không bỏ qua điều gì, và trừng phạt con cháu đến ba bốn đời vì lỗi lầm của cha ông. ⁹” (Xh 34, 6-7).

sự sống (xem Rm 8,11) : “Ngài không phải là Thiên Chúa của kẻ chết, nhưng là Thiên Chúa của kẻ sống, vì đối với Ngài, tất cả đều đang sống.” (Lc 20,38)

⁹ Xem theo cùng ý nghĩa đó, Ds 14,18; Đnl 7,9-10. Về sau, một sám ngôn của Êdêkien sẽ nói rằng hình phạt dành cho người tội lỗi không lan đến con cháu họ (Ed 18,2-4).

Chân dung bắt đầu rất đẹp, nhưng dường như sau đó lại trở nên rối rắm...

Vừa là một Thiên Chúa tốt lành, biết tha thứ... vừa là một Thiên Chúa trừng phạt lỗi lầm.

Đó là những nét tưởng chừng khó mà hòa hợp được với nhau. Hình ảnh về Thiên Chúa trở nên mờ nhạt. Trở nên mơ hồ.

Tất nhiên, nét đầu tiên, nổi bật, vẫn là lòng tốt, sự dịu dàng của Thiên Chúa. Chúng ta đã thấy điều đó trong đoạn văn đầu tiên vừa đọc lúc nãy : chính vì Thiên Chúa thấy nỗi khốn khổ của dân Do Thái tại Ai Cập, chính vì Ngài động lòng trắc ẩn trước những người đang đau khổ ấy, nên Thiên Chúa đã làm tất cả để giải thoát họ. Trong Cựu Ước, có rất nhiều đoạn văn tuyệt đẹp nói về lòng nhân hậu và sự dịu dàng của Thiên Chúa (đặc biệt là sách Hôsê, Isaia và nhiều Thánh Vịnh). Tôi xin đưa hai ví dụ:

“CHÚA là Đấng từ bi nhân hậu [...]; CHÚA nhân ái đối với mọi người, tỏ lòng nhân hậu với muôn loài Chúa đã dựng nên.” (Tv 145, 8-9)

“Có phụ nữ nào quên được đứa con thơ của mình, hay chẳng thương đứa con mình đã mang nặng đẻ đau?

Cho dù nó có quên đi nữa, thì Ta, Ta cũng chẳng quên người bao giờ.” (Is 49,15)

Thật là điều tốt lành khi ghi nhớ những đoạn văn như thế này, đặc biệt là khi mọi chuyện trở nên tồi tệ.

Người Do Thái sẽ bị giằng xé giữa hình ảnh về lòng nhân hậu của Thiên Chúa và hình ảnh về sự công chính cũng như cơn thịnh nộ của Ngài. Tức là : Thiên Chúa nhân lành, Ngài tha thứ ; nhưng đồng thời, Ngài cũng phải thưởng phạt mỗi người theo hành động, theo công trạng của họ. Ngài sẽ chỉ giữ ân sủng của mình cho dân nếu dân đó trung thành với Lề Luật. Nếu dân này chất chứa quá nhiều sự bất trung, Thiên Chúa sẽ rút lại sự bảo vệ của Ngài và dân đó sẽ phải trả giá bằng việc rơi vào tay kẻ thù. Thật vậy, qua các thế kỷ, dân đã quá đổi bất trung, đã bao lần phá vỡ Giao Ước, tức là sự hiệp thông với Thiên Chúa và giữa các thành viên trong dân, đến nỗi họ đã phải chịu thử thách của cuộc lưu đày ở Babylon. Cuộc lưu đày xa quê hương này đã được hiểu như một hình phạt, một sự trừng phạt của Thiên Chúa. Trong thời gian lưu đày ấy, dân sẽ học được cái giá của sự bất trung và nhận ra rằng họ cần phải sám hối. Cũng cần nói thêm rằng sự công chính của Thiên Chúa còn áp dụng cho từng cá nhân. Thật vậy, Thiên Chúa, trong sự công chính của mình, buộc phải trừng phạt những cá

nhân bất trung với Lễ Luật bằng nhiều hình phạt khác nhau: bệnh tật, bất hạnh, khốn cùng, v.v...

Vậy là có lòng nhân hậu và lòng thương xót của Thiên Chúa, nhưng cũng có sự công chính của Thiên Chúa. Người ta đã gặp khó khăn khi hòa giải điều đó. Thật ra, sự công chính của Thiên Chúa đã được hiểu theo cách của sự công chính con người: đó là một thứ công lý có thể gọi là trả công xứng đáng : mỗi người được trả công - hay bị phạt, nếu bạn muốn - tùy theo điều họ đáng nhận. Vào giai đoạn cuối của Cựu Ước, sách Gióp sẽ làm lung lay hình ảnh về một Thiên Chúa công lý như thế ; ai cũng biết rằng Gióp đã cố gắng trong vô vọng để hiểu tại sao ông lại rơi vào cảnh khốn cùng dù ông không phạm tội (điều đó vẫn là một mâu thuẫn đối với ông). Thỉnh thoảng, các ngôn sứ sẽ mang lại cho từ “công chính” một nghĩa khác, hoàn toàn đảo ngược, khi họ nói đến “công lý cứu độ” : sống công chính đối với Thiên Chúa, nghĩa là cứu độ một cách nhưng không¹⁰. Tuy nhiên, nhìn chung, dân của Cựu Ước thật sự chưa ra khỏi tôn giáo dựa trên sự thưởng phạt. Và điều đó thật dễ hiểu. Họ có khuynh hướng rất bản năng, rất tự nhiên, khi hình dung Thiên Chúa giống như chúng ta,

10 “Công lý cứu độ” của Thiên Chúa được nhắc đến đặc biệt trong nửa sau của sách Ê-sai (Is 40-66), được viết trong thời gian lưu đầy hoặc sau lưu đầy.

giống như những gì xảy ra trong các mối tương quan giữa con người với nhau : một cách tự phát, chúng ta thiết lập các mối quan hệ dựa trên quyền và bổn phận, và chúng ta phán xét nhau theo hành động, tốt hay xấu. Hơn nữa, chúng ta có khuynh hướng tự nhiên đặt mình trước Thiên Chúa như những đứa con trước cha mẹ mình, như những đứa con ngoan ngoãn hoặc nổi loạn, hoặc như những đầy tớ sợ sệt trước chủ của họ. Có thể nói rằng, mặc dù các ngôn sứ đã dạy rằng Thiên Chúa là sự dịu dàng và tha thứ, những người nam và nữ của Cựu Ước, theo một cách nào đó, đã buộc Thiên Chúa phải giữ họ trong một tôn giáo của sự sợ hãi, sợ hãi trước Lễ Luật. Họ đã bị ngăn cản không thể nhận ra Ngài trong bản chất sâu xa nhất, nơi điều định nghĩa hoàn toàn Ngài : tình yêu ¹¹.

Phải có một Đấng đến từ phía Thiên Chúa để mặc khải cho dân, để mặc khải cho chúng ta, một khuôn mặt hoàn toàn khác của Thiên Chúa, một khuôn mặt quá khác biệt với khuôn mặt của con người chúng ta, ít nhất là theo cách mà chúng ta thường cảm nhận lẫn nhau, và theo cách mà chúng ta có xu hướng hình dung về Đấng

11 Trong Gl 4, 1-6, Phao-lô sẽ nói rằng Thiên Chúa đã sai Con của Ngài đến thế gian để giải thoát con người khỏi sự sợ hãi và ách nô lệ đối với Lễ Luật, bằng cách kêu gọi họ đến một ơn gọi làm nghĩa tử.

Tôi Cao. Chúng ta thật khó để nhận ra Thiên Chúa là tình yêu, hoàn toàn là tình yêu.

Thiên Chúa đã từ từ mặc khải chính Ngài trong dân tộc Do Thái. Ngài đã tôn trọng những giai đoạn mà dân cần để dần dần bước vào bên trong mầu nhiệm của Ngài. Ngài biết rằng chỉ có Chúa Con nhập thể của Ngài mới có thể là hình ảnh phản chiếu nhân loại của mầu nhiệm ấy ; rằng chỉ có Người, qua cuộc sống và lời nói của Người, mới có thể giúp chúng ta hiểu được phần nào chiều sâu của Chúa Cha (giúp chúng ta thật sự nhận ra Ngài như Ngài là ¹²).

Vậy thì, ngày nay, hình ảnh nào về Thiên Chúa mà chúng ta đang mang trong lòng, dù ít hay nhiều một cách vô thức ? Có phải hình ảnh Thiên Chúa báo ứng là hình ảnh đang ngự trị trong tôi ? trong Giáo hội của tôi ? Thiên Chúa báo ứng, tức là Thiên Chúa thưởng phạt mỗi người tùy theo việc họ làm hay không làm. Đừng vội nói rằng chúng ta đã vượt qua hình ảnh đó. Chẳng phải những cách diễn đạt mà ta vẫn dùng là phản ánh

12 Người hiền triết đã viết sách Huân Ca - còn được gọi là Giảng viên -, Ben Sira, đã diễn tả rất rõ sự bất lực của con người trong việc hiểu thấu sự cao cả của Thiên Chúa : « [...] Con người là chi ? Nó có ích lợi gì ? Đây là cái hay cái dở của nó ? Số ngày đời của con người nhiều lắm là một trăm năm » (Hc 18, 6-7)

một tôn giáo dựa trên sự báo ứng và hình ảnh một Thiên Chúa công minh đó sao : «làm cho được ơn cứu độ», «xứng đáng lên thiên đàng... hay xuống hỏa ngục»? ¹³ Hãy nhớ đến hình ảnh Thiên Chúa được chuyển tải qua bài thánh ca “Đêm linh thiêng” mà vẫn luôn khiến ta rung động : «Thiên-Chúa-làm-người đã hạ sinh đến với chúng ta để xóa bỏ vết nhơ nguyên tổ và làm nguôi cơn thịnh nộ của Cha mình ¹⁴». Các phương tiện truyền thông vẫn thường xuyên gợi lại hình ảnh Thiên Chúa đó cho chúng ta. Năm ngoái, khi nơi tiếp đón Bonneau ở Montréal sụp đổ vì vụ nổ, tờ Le Journal de Montréal đã chạy tít : «Rất nhiều người được Thiên Chúa tha cho!»

13 Kinh nghiệm trong việc đồng hành thiêng liêng cho thấy rằng nhiều linh mục, tu sĩ nam nữ - và dĩ nhiên, cả giáo dân - dù đã nhấn mạnh trong các bài giảng hay lời rao giảng của mình về Tình Yêu và Lòng Thương Xót của Thiên Chúa, vẫn còn mang nặng trong lòng một hình ảnh về Thiên Chúa công bằng, mà họ sợ phải gặp mặt khi cái chết cận kề.

14 Những lời này diễn tả một quan niệm về Mầu nhiệm Nhập Thể đã in dấu sâu đậm trong quá khứ tập thể của chúng ta : để làm nguôi cơn thịnh nộ của Chúa Cha vì tội lỗi của chúng ta, cần phải có một sự chuộc tội, một sự thanh toán món nợ ; chỉ có Con Thiên Chúa hiến dâng mạng sống mình làm hy lễ mới có thể đền bù cách công bằng điều ác đã xúc phạm đến Thiên Chúa và làm cho Ngài trở nên nhân hậu với chúng ta một lần nữa.

Với bước ngoặt của năm 2000, có một sự gia tăng trở lại của các giáo phái và các ngôn sứ về thời tận thế. Người ta loan báo cho chúng ta sự trở lại của Đức Kitô như một vị thẩm phán để trừng phạt nhân loại... ngoại trừ, dĩ nhiên, một số ít những người được cứu rồi, tức là các thành viên của giáo phái.

Chúng ta có khuynh hướng tự nhiên là làm cho Thiên Chúa giống hình ảnh của mình hơn là để mình trở nên giống hình ảnh của Thiên Chúa. Phải cần đến Chúa Giêsu để đảo ngược điều đó. Nhưng, trước khi nói đến Người, cần hoàn thiện bản phác họa chân dung Thiên Chúa như được phác họa xuyên suốt Cựu Ước. Tôi thêm hai nét nữa vào bản phác họa của mình. Tôi sẽ nói ngắn gọn, vì đây là những chi tiết bổ sung cho điều đã nói.

Một Thiên Chúa của ân sủng nhưng không [nét thứ ba]

Nếu trong Cựu Ước, Thiên Chúa thường xuất hiện dưới hình ảnh của vị thẩm phán, thì việc phán xét luôn hướng tới sự cứu độ của dân, chứ không phải để tiêu diệt họ. Sau cùng, chính lòng xót thương mới chiến thắng nơi Thiên Chúa ¹⁵. Điều này có nghĩa là Thiên Chúa thực sự muốn thực hiện dự án làm cho dân của Ngài được sống và lớn lên về mặt nhân bản lẫn thiêng
15 Đọc, chẳng hạn, Hs 11, 8-9.

liêng, ngay cả khi họ không xứng đáng với điều đó, thậm chí ngược lại, họ đáng bị bỏ lại trên con đường dẫn đến sự chết. Các ngôn sứ sẽ hiểu được điều này sau kinh nghiệm trở về từ cuộc lưu đày ở Babylon. Việc trở về đó, do bàn tay Thiên Chúa thực hiện, đã giúp họ nhận ra rằng Thiên Chúa đã tha thứ các lỗi lầm của họ và rằng chính do ân sủng nhưng không mà Ngài đã cho họ sống lại kinh nghiệm giải thoát mới này.

Đây thực sự là điều mà ta có thể gọi là đặc điểm chính yếu của Thiên Chúa : sự nhưng không. Tình yêu tự do và nhưng không của Thiên Chúa dành cho những ai mà Ngài bước vào tương quan là chiếc chìa khóa chính để hiểu Cựu Ước.

Tại sao dân tộc nhỏ bé Do Thái lại được chọn để thiết lập một Giao Ước với Thiên Chúa, để trở thành người thân tín và phát ngôn viên cho Mạc Khải của Ngài với toàn thể nhân loại ? Dân tộc này không tốt hơn các dân tộc khác. Họ không xứng đáng để được chọn. Tại sao cậu bé David lại được chọn để trị vì Israel thay vì các anh trai to lớn hơn hay những người con trai của giới quý tộc thời đó ¹⁶ ? Tại sao Amos, Isaia, Giêrêmia lại được kêu gọi trở thành các ngôn sứ của Gia-vê ? Chính họ đã nói rằng họ không thấy mình có khả năng cho sứ

16 Xem 1 Sm 16, 1-13

mạng ngôn sứ này ¹⁷.

Trước tất cả những câu hỏi “tại sao” ấy - và còn có thể đặt ra nhiều câu hỏi khác nữa - không có câu trả lời nào cả. Hoặc đúng hơn, chỉ có một câu trả lời : đó là tất cả những chọn lựa ấy đều được thực hiện cách tự do và nhưng không, không do công trạng gì nơi những người được chọn. Chính vì Ngài yêu cách nhưng không dân Israel và muốn họ được tự do và sống trọn vẹn, mà Thiên Chúa đã thực hiện tất cả những hành động ấy... và Ngài hứa với dân sẽ thực hiện một hành vi yêu thương tối thượng : sai Đấng Mêsia đến.

Khi Người đến, Chúa Giêsu, Đấng Mêsia, sẽ làm cho con người hiểu rằng sự chọn lựa nhưng không và đầy yêu thương của Thiên Chúa dành cho dân tộc không có uy tín, không có giá trị đặc biệt này, chính là hình ảnh tiên báo cho tình yêu nhưng không và giải phóng mà Ngài dành cho tất cả mọi người, cho tất cả chúng ta là những người mà Ngài đã tạo dựng.

Một Thiên Chúa gần gũi, nhưng cũng ẩn mình, huyền nhiệm, không thể diễn tả [nét đặc trưng thứ tư]

Toàn bộ câu chuyện được kể trong Cựu Ước cho chúng ta thấy rõ rằng Thiên Chúa không ngự trị trên

17 Xem Am 7, 10-15; Is 6, 5; Gr 1, 6.

cao nơi các tầng trời, mà Ngài hiện diện với chúng ta trên mặt đất. Tuy nhiên, đối với dân Do Thái, Thiên Chúa vẫn luôn ẩn mình và huyền nhiệm.

Tôi đã phác họa một vài nét về Thiên Chúa, nhưng những nét đó không đủ để bày tỏ dung nhan của Ngài. Thật vậy, việc tìm cách nhìn thấy dung nhan của Thiên Chúa là điều bị cấm đoán. Nhìn thấy dung nhan Thiên Chúa đồng nghĩa với cái chết, như sách Xuất Hành thường nói ¹⁸ (Xh 3, 6; 19, 21; 33, 20-23; xem thêm Lv 16, 2; Ds 4, 20). Tại sao việc nhìn thấy Thiên Chúa lại bị coi là một trải nghiệm đáng sợ dẫn đến cái chết ? Bởi vì người ta cảm nhận được một vực sâu không thể vượt qua giữa sự thánh thiện của Thiên Chúa và thân phận nghèo hèn của con người.

Dung nhan của Thiên Chúa trong Cựu Ước, xét cho cùng, vẫn là một dung nhan ẩn giấu, chưa được tỏ bày. Dĩ nhiên, đối với chúng ta ngày nay, ngay cả sau khi Chúa Giê-su Ki-tô đã đến, Thiên Chúa vẫn vượt quá khả năng hiểu biết của chúng ta và vẫn là một mầu nhiệm, nhưng chúng ta có thể gọi được tên của Ngài rõ ràng hơn, chúng ta biết nhận diện căn tính của Ngài và, nhất là, chúng ta biết rằng “thấy Thiên Chúa” là một

¹⁸ Ngay cả việc nghe tiếng Thiên Chúa (Xh 20, 19; Đnl 5, 24-26) cũng có thể dẫn đến cái chết.

trải nghiệm tối cao của sự sống, chứ không phải của cái chết.

Nếu trong quá khứ, trước khi Chúa Giê-su Ki-tô đến, Thiên Chúa xuất hiện như là Đấng Không Thể Biết Được, là Đấng Hoàn Toàn Khác Biệt, thì đó là vì Ngài không thể so sánh với bất kỳ điều gì mà con người từng biết, như chính Đức Chúa đã nói : “Các ngươi so sánh Ta với ai, đặt Ta đồng hạng với ai nào ? Đối chiếu Ta với ai, để cả hai bên cùng tương xứng ¹⁹ ?” (Is 46, 5). Nhưng rồi một ngày kia, một con người được Thiên Chúa sai đến sẽ có thể được so sánh với Thiên Chúa : đó chính là Chúa Giê-su thành Na-da-rét.

Ở đây, không còn là một nét đặc trưng của Thiên Chúa nữa. Đây là dung mạo của Thiên Chúa được mạc khải trọn vẹn cho chúng ta. Nhưng chúng ta không còn ở trong Cựu Ước nữa.

Vậy Thiên Chúa là ai ? Sau khi Chúa Giêsu đã hiện diện trên trần gian, sau cuộc sống, cái chết và sự phục sinh của Người, sau khi người ta đã suy ngẫm về phẩm chất độc nhất vô nhị của đời sống và con người của Chúa Giêsu, thì người ta mới có thể nói điều đó. Chính thánh Gioan, trong lá thư thứ nhất của ngài, đã mạc

19 Cũng vậy : «Các ngươi sẽ sánh Ta với ai ? Ai sẽ là Đấng giống như Ta ? sấm ngôn của Đấng Thánh.» (Is 40, 25)

khải cho chúng ta như chưa từng có trước đây về Thiên Chúa là ai. Ngài diễn tả điều đó bằng một từ duy nhất, một từ dường như trở thành định nghĩa về Thiên Chúa: “Thiên Chúa là Tình Yêu.” Thánh Gioan đã nói điều đó hai lần trong thư của ngài (1 Ga 4, 8.16). Định nghĩa này là kết quả của một quá trình suy niệm lâu dài, trong Thánh Thần, về việc Chúa Giêsu đã yêu đến tận cùng, đã hiến mạng sống mình vì chúng ta : “Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình ²⁰.” (Ga 15,13)

Thiên Chúa là Tình Yêu. Thiên Chúa chỉ là Tình Yêu. Tình yêu không phải là một phẩm tính trong số nhiều phẩm tính khác của Thiên Chúa. Tình yêu chính là bản thể của Thiên Chúa. Quyền năng toàn năng của Thiên Chúa chính là quyền năng toàn năng của tình yêu.

Nói rằng “Thiên Chúa là Tình Yêu” thì đẹp, thì cao cả. Nhưng điều đó có nghĩa là gì ? Yêu, đối với Thiên Chúa, là gì ? Cần phải nhìn vào và lắng nghe Chúa Giêsu để hiểu được điều đó, Chúa Giêsu trong mối tương quan với chúng ta và với Thiên Chúa là Cha của Người. Đó chính là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong 20 Việc hiến dâng mạng sống của Người trên thập giá biểu lộ không chỉ tình yêu mà Chúa Giêsu dành cho Chúa Cha (Ga 14, 31; 15, 10) và cho con người (Ga 13, 1; 15, 9.13), mà còn tình yêu của Chúa Cha dành cho thế gian (Ga 3, 16).

chương tiếp theo.

Thời Gian Suy Niệm

Hình ảnh nào về Thiên Chúa đang ở sâu trong tôi, đang thực sự ảnh hưởng đến cuộc sống của tôi ?

2. Thiên Chúa, Cha Chúng Ta

Marcel Dumais

Tôi đã kết thúc chương đầu tiên khi nói rằng chính Chúa Giêsu đã dẫn đưa mạc khải về Thiên Chúa đến chỗ viên mãn bằng cách mạc khải cho chúng ta rằng Thiên Chúa là Tình Yêu. Nói rằng “Thiên Chúa là Tình Yêu”, là nói lên tất cả... mà cũng là chẳng nói gì cả. Là nói lên tất cả, bởi vì “tình yêu” là từ đẹp nhất, phong phú nhất, từ chạm đến chúng ta sâu sắc nhất. Nhưng cũng là nói quá ít, hoặc có nguy cơ nói sai. Bởi vì, làm sao có thể hiểu được từ đó khi áp dụng cho Thiên Chúa? Từ “tình yêu”, mỗi người trong chúng ta hiểu nó theo cái nhìn riêng, theo kinh nghiệm sống của mình về tình yêu. Dưới từ “tình yêu”, người ta đặt vào đó những nội dung khác nhau tùy theo con người mình là ai, mình đã sống thế nào : lúc thì thế này, lúc thì thế khác...

Để hiểu Thiên Chúa là Tình Yêu, chỉ có một con đường duy nhất : nhìn vào cách Chúa Giêsu diễn tả Thiên Chúa qua đời sống và lời nói của Người. Mà khi đọc các Tin Mừng, người ta sẽ nhanh chóng nhận ra điều gây ấn tượng mạnh, tên mà Chúa Giêsu dùng để gọi Thiên Chúa. Người gọi Thiên Chúa là “Cha của

Người” hoặc “Cha chúng ta”. Hai từ “Cha” và “Tình yêu” khi dùng để nói về Thiên Chúa dường như mang nội dung tương tự nhau. Nhưng điều đó có thật sự làm sáng tỏ cho chúng ta không ? Điều đó còn xa mới chắc chắn. Từ “Cha” ngày nay chứa nhiều sự mơ hồ, nhất là trong thời đại này, khi chúng ta đang sống giữa những lời chỉ trích và khủng hoảng về vai trò làm cha... Thế nhưng, chính Chúa Giêsu lại mời gọi chúng ta nhận biết Thiên Chúa là Cha của chúng ta và gọi Ngài bằng tên ấy trong lời cầu nguyện của mình.

Để nhìn rõ hơn, tôi sẽ tiến hành bằng cách tự đặt cho mình hai câu hỏi, và đó sẽ là hai phần của bài trình bày này : 1. Từ Cha dùng để gọi Thiên Chúa bắt nguồn từ đâu ? 2. Cha là ai ?

Từ Cha bắt nguồn từ đâu ?

Trước hết, chúng ta hãy ghi nhận một thực tế : trong Tân Ước, Thiên Chúa không còn được gọi là Gia-vê... mặc dù Ngài vẫn là Gia-vê, nghĩa là Ngài vẫn luôn hiện diện và hành động một cách sâu sắc trong dân của Ngài mà chúng ta là một phần. Trong Tân Ước, một tên gọi khác chiếm ưu thế và hoàn toàn thay thế, chỉ riêng trong các sách Tin Mừng, chúng ta gặp không dưới 170 lần từ “Cha” được dùng để chỉ Thiên Chúa, trong lời nói

của chính Chúa Giêsu ²¹. Và nơi thánh Phaolô, hai từ “Thiên Chúa” và “Cha” luôn đi liền với nhau ; hầu như tất cả các thư của ngài đều bắt đầu bằng lời chào nhân danh “Thiên Chúa, Cha chúng ta và Cha của Đức Giêsu Kitô ²², Chúa chúng ta”. Trong Tân Ước, từ “Cha” trở thành cách gọi đơn giản và trực tiếp nhất để chỉ Thiên Chúa, như chính danh xưng của Ngài. Vậy tên gọi này có nguồn gốc từ đâu ? Nó có xuất phát từ Cựu Ước không ?

Thiên Chúa là Cha trong Cựu Ước

Trong toàn bộ Cựu Ước, danh xưng “Cha” chỉ được dùng để gọi Thiên Chúa khoảng mười lăm lần là nhiều nhất. Tuy có rất nhiều tước hiệu được dùng để gọi Thiên Chúa trong Cựu Ước, nhưng người ta lại rất dè dặt với danh xưng này. Tại sao ? Bởi vì danh xưng ấy đã được sử dụng rộng rãi để gọi các vị thần trong những tôn giáo xung quanh, nhưng với một ý nghĩa rất đặc biệt. Thiên Chúa được gọi là cha theo nghĩa là Đấng sinh ra. Chẳng hạn, trong thế giới Hy Lạp, người ta nói Zeus là “Cha của các thần linh và loài người” ; ở đó, chức năng làm

21 Có 109 lần từ “Cha” được nhắc đến trong Tin Mừng Gioan, 43 lần trong Tin Mừng Mátthêu, 15 lần trong Tin Mừng Luca và 4 lần trong Tin Mừng Máccô.

22 Hoặc những công thức tương đương. Xem 1 Tx 1,1; 1 Cr 1,3; 2 Cr 1,2; Gl 1,3; Rm 1,7; Pl 1,2; v.v.

cha mang nghĩa sinh sản, hiểu theo cách nào đó là nghĩa đen, nghĩa thể lý ²³.

Người Do Thái luôn phản ứng trước quan niệm đó về Thiên Chúa. Ví dụ, họ không bao giờ gọi Thiên Chúa là cha của Ápraham, đơn giản vì Thiên Chúa không phải là cha theo cách của con người ²⁴. Trong một số bản văn, các ngôn sứ có nói về Thiên Chúa như là Cha của dân được tuyển chọn ²⁵. Nhưng khi đó, ý nghĩa hoàn toàn không thể bị lẫn lộn với những tôn giáo ngoại giáo. Nếu Gia-vê là Cha của dân Do Thái và dân này có thể được gọi là con của Ngài, thì đó là vì Ngài đã chọn dân tộc này giữa muôn dân. Tình phụ tử của Thiên Chúa có

23 Những ví dụ khác : nơi người Sumer, Anu, vị thần của bầu trời, được xem là vị tổ tiên đầu tiên, là “cha và mẹ của các vị thần và muôn loài thụ tạo” ; còn ở Ai Cập, nhà vua được gọi là “con trai của thần” vì người ta tin rằng nhà vua được thần trời sinh ra trực tiếp.

24 Điều này cũng giải thích vì sao, trong Hồi giáo, người ta luôn phản đối việc gọi Thiên Chúa là “Cha” và không thể chấp nhận rằng Ngài có một “Con”. Những thuật ngữ này dường như không thể hòa hợp với tính tuyệt đối của Thiên Chúa.

25 Is 63,16; 64,7-8; Gr 3,4.19; 31,9; Ml 2,10; Tv 103,13. Trong Thánh Vịnh 89, dựa trên giao ước Thiên Chúa lập với Đavít như là vua của dân Ngài (c. 4), vị vua này có thể thừa với Thiên Chúa rằng: “Ngài là Cha con, là Thiên Chúa của con, là núi đá đem lại ơn cứu độ cho con” (c. 27).

nghĩa là sự tuyển chọn của Thiên Chúa. Dân Do Thái là con nhờ được nhận làm nghĩa tử. Nhưng vì mối tương quan đặc biệt giữa Thiên Chúa và dân được biểu lộ bằng khải niệm giao ước, một từ thường dùng cho mối quan hệ giữa đôi lứa, nên Thiên Chúa thường được gọi là phụ quân của dân Do Thái hơn là cha của dân này ²⁶.

Chỉ vào cuối các sách của Cựu Ước, trong hai hoặc ba bản văn thuộc truyền thống khôn ngoan, Thiên Chúa mới được gọi là Cha không chỉ của dân tộc, mà còn của những cá nhân : “Lạy Chúa, Cha và Chủ của đời con”, ông Si-rác nói khi cầu nguyện với Thiên Chúa (Hc 23,1.4; xem 51,10) ; “ [...] vì Người là Chúa chúng con, Thiên Chúa chúng con, Cha chúng con”, ông Tôbia kêu lên (Tb 13,4) ²⁷.

Ta có thể kết luận rằng : nếu tên gọi “Cha” đã được chọn để nói về Thiên Chúa trong Tân Ước, thì điều đó không bắt nguồn từ Do Thái giáo trong Cựu Ước. Vậy nó đến từ đâu ? Câu trả lời thật đơn giản : từ chính Chúa Giêsu.

26 Voir Es 54, 5, tout le livre d’Osée et le Cantique des Cantiques.

27 “Người công chính lấy làm hãnh diện vì có Thiên Chúa là Cha mình”, ta đọc thấy trong sách Khôn Ngoan (Kn 2,16).

Thiên Chúa của Chúa Giêsu

Tên gọi “Cha” mà chúng ta, các Kitô hữu, dùng để gọi Thiên Chúa bắt nguồn từ Chúa Giêsu ; nó xuất phát từ kinh nghiệm riêng của Người trong mối tương quan với Thiên Chúa, từ sự thân mật sâu xa của Người với Chúa. Chúa Giêsu nói về Thiên Chúa và gọi Ngài là “Cha” hay “Cha của con”, và điều đặc biệt gây kinh ngạc là : Người cũng mời gọi chúng ta gọi Thiên Chúa là “Cha chúng con”. Nhưng hãy xem kỹ hơn nữa.

Trong sự thân mật sâu xa của cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa, Chúa Giêsu cầu nguyện bằng cách gọi *Abba*. Từ này được giữ nguyên bằng tiếng Aram, ngôn ngữ của Chúa Giêsu, trong Tân Ước : “Abba, Lạy Cha, Cha có thể làm được mọi sự”, Chúa Giêsu cầu nguyện tại Ghết-sê-ma-ni ²⁸ (Mc 14, 36). Trước Chúa Giêsu, chưa ai dám gọi Thiên Chúa bằng danh xưng thân mật *Abba* ²⁹. Từ này là tiếng đầu tiên mà một đứa trẻ học để gọi cha

28 Lời cầu nguyện *Abba* chắc chắn là một lời đích thực (một *ipsissima vox*, chính lời) của Chúa Giêsu ; nếu không, ta không thể nào giải thích được tại sao lời cầu này lại xuất hiện bằng tiếng Aram ngay cả trong các văn bản Tân Ước vốn được viết nguyên thủy bằng tiếng Hy Lạp (Gl 4,6 ; Rm 8,15). Về điểm này, hầu hết các nhà chú giải Kinh Thánh đều rất đồng thuận.

29 Những nghiên cứu gần đây đã xác nhận một trong những kết luận của nhà chú giải Kinh Thánh J. Jeremias - chuyên gia hàng

mình : Abba, nghĩa là ba, cha ơi, hay bố ơi. Nhưng từ này không chỉ dành riêng cho ngôn ngữ trẻ thơ. Người lớn cũng sử dụng nó... giống như chúng ta vẫn gọi cha mình là “ba” hay “bố” dù đã trưởng thành. Khi chúng ta, ở tuổi 50, gọi cha mình là “cha”, chúng ta diễn tả một tình cảm thân thiết, một mối liên kết rất sâu đậm, một sự gần gũi mà ở tuổi lên năm, khi ta cũng gọi là “cha”, có thể vẫn chưa đầy đủ như vậy. Trong cách gọi đó, ta muốn nói : “người cha thân yêu”.

Khi dám gọi Thiên Chúa là *Abba*, cha ơi, Chúa Giêsu đã diễn tả một sự thân mật và gần gũi với Thiên Chúa đến mức gây sốc cho người Do Thái đương thời. Thật ra, qua lời cầu đó, Chúa Giêsu bày tỏ một mối tương quan duy nhất với Thiên Chúa : một sự hiệp thông trọn vẹn, một sự thân mật tuyệt đối với Thiên Chúa là Cha của Người. Và chính điều đó, Người đã mặc khải cho

đầu về thuật ngữ “Cha” trong Tân Ước và Do Thái giáo thời cổ: chúng ta không có bất kỳ chứng cứ nào cho thấy từ *abba* từng được dùng để chỉ Thiên Chúa trong Do Thái giáo đương thời vào thời điểm Kitô giáo khai sinh; và càng không có văn bản nào cho thấy *abba* từng được dùng như một lời khấn cầu Thiên Chúa trong lời cầu nguyện. Xem, trong số những tài liệu liên quan, J. Schlosser, *Thiên Chúa của Đức Giêsu*, Paris, Cerf, 1987, tr. 104 và 195-205 ; J. A. Fitzmyer, “Abba và mối tương quan của Đức Giêsu với Thiên Chúa”, trong tuyển tập *Vì Tin Mừng* (Mélanges Dupont), Paris, Cerf, 1985, tr. 26-31.

các môn đệ khi cất lời kinh tạ ơn Thiên Chúa :

“Ngay giờ ấy, được Thánh Thần tác động, Đức Giêsu hớn hởi vui mừng và nói : ‘Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu kín không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn. Vâng, lạy Cha, vì đó là điều đẹp ý Cha. Cha tôi đã giao phó mọi sự cho tôi. Và không ai biết người Con là ai, trừ Chúa Cha, cũng như không ai biết Chúa Cha là ai, trừ người Con, và kẻ mà người Con muốn mặc khải cho’.” (Lc 10, 21-22; so sánh Mt 11, 25-27)

Chính vì liên quan trước hết đến Chúa Giêsu mà Thiên Chúa được gọi là Cha. Là Con, Chúa Giêsu biết Cha theo một cách thức độc nhất. Nhưng Người muốn truyền đạt sự hiểu biết của mình về Chúa Cha cho chúng ta, những “kẻ bé mọn” của Người, tức là các môn đệ; Người muốn chúng ta được tham dự vào kinh nghiệm làm con của Người, vào sự thân mật riêng của Người với Cha mình : *«Không ai biết [...] Chúa Cha là ai, trừ người Con, và kẻ mà người Con muốn mặc khải cho.» (Lc 10, 22)* ³⁰. Vào một thời điểm then chốt khác 30 Chúng ta cũng có một lời khẳng định tương tự trong Lời Tựa của Tin Mừng Gioan : *«Thiên Chúa, chưa bao giờ có ai thấy cả; nhưng Con Một vốn là Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, chính Người đã tỏ cho chúng ta biết.» (Ga 1,*

trong cuộc đời mình, Chúa Giêsu sẽ chia sẻ một tâm sự lớn với các môn đệ và mời gọi họ sống, trong lời cầu nguyện của mình, cùng một sự thân mật với Thiên Chúa là Cha của Người. Khoảnh khắc quan trọng ấy được kể lại ở đầu chương 11 của Tin Mừng Luca :

Có một lần Đức Giê-su cầu nguyện ở nơi kia. Người cầu nguyện xong, thì có một người trong nhóm môn đệ nói với Người : “Thưa Thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện, cũng như ông Gio-an đã dạy môn đệ của ông.” Người bảo các ông : “Khi cầu nguyện, anh em hãy nói: “Lạy Cha, xin làm cho danh thánh Cha vinh hiển, Triều Đại Cha mau đến, [...]”» (Lc 11,1-2)

Kinh Lạy Cha mà chúng ta cầu nguyện là một lời cầu nguyện độc nhất, bởi vì đó chính là biểu hiện của lời cầu nguyện của Chúa Giêsu. Chúa Giêsu chia sẻ với các môn đệ nội dung lời cầu nguyện của Người và mời gọi họ cầu nguyện như Người đã làm, bắt đầu như Người, bằng lời khẩn cầu : *Abba*, Cha ơi. Khi chúng ta cầu nguyện Kinh Lạy Cha một cách nghiêm túc, chúng ta tham dự vào kinh nghiệm thân mật của Chúa Giêsu với Thiên Chúa, chúng ta được thúc đẩy từ bên trong bởi chính Thần Khí của Chúa Giêsu, như thánh Phaolô nhắc nhở chúng ta :

Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên : “Áp-ba, Cha ơi !” (Gl 4,6)

[...] anh em đã không lãnh nhận Thần Khí khiến anh em trở thành nô lệ và phải sợ sệt như xưa, nhưng là Thần Khí làm cho anh em nên nghĩa tử ; nhờ đó, chúng ta được kêu lên : “Áp-ba ! Cha ơi !” (Rm 8,15)

Chẳng phải điều đó thật kỳ diệu sao ?

Ai là Chúa Cha ?

Nhưng Thiên Chúa là ai mà chúng ta lại có thể thân mật gọi Ngài là *Abba*, Cha ơi ? Đó chính là câu hỏi mà các môn đệ đã đặt ra sau khi Chúa Giêsu nói với họ về Chúa Cha. Hẳn là bạn đã từng nghe đoạn đối thoại giữa Thánh Philíp-phê và Chúa Giêsu... và có lẽ bạn vẫn còn nhớ câu trả lời của Người. Hãy cùng nhìn lại, như được thuật lại trong Tin Mừng theo Thánh Gioan, chương 14, câu 8-9 :

Ông Phi-líp-phê nói : “Thưa Thầy, xin tỏ cho chúng con thấy Chúa Cha, như thế là chúng con mãn nguyện.” Đức Giê-su trả lời : “Thầy ở với anh em bấy lâu, thế mà anh Phi-líp-phê, anh chưa biết Thầy ư ? Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha. Sao anh lại nói : ‘Xin tỏ cho

chúng con thấy Chúa Cha' ?” (Ga 14, 8-9)

Với những ai đi tìm Thiên Chúa nơi một chốn xa vời nào đó, trên trời chẳng hạn, Chúa Giêsu trả lời : “Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha.” Cũng như xưa kia Thiên Chúa đã mặc khải chính mình trong lịch sử cụ thể của một dân tộc, dân Do Thái, thì nay, Ngài cũng tự mặc khải mình trong lịch sử của một con người đại diện cho Ngài ; Thiên Chúa tỏ mình ra trong mọi sự xảy đến với vị đại diện ấy : trong những gì Người làm và nói, nhưng nhất là trong chính con người của Người ³¹. Làm sao một con người lại có thể trở thành khuôn mặt của Thiên Chúa ? Cách duy nhất để hiểu điều này, đó là phải đảo ngược câu hỏi : chính Thiên Chúa đã mang lấy khuôn mặt con người, khuôn mặt nhân loại. Thật vậy, Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã nhập thể, trở nên một trong chúng ta. Vì thế, Chúa Giêsu chính là mặc khải trọn vẹn của Thiên Chúa. Người là hình ảnh hoàn hảo của Thiên Chúa, là hình ảnh chân thật và trọn vẹn của Chúa Cha ³².

31 Nói cách khác : biến cố Chúa Giêsu trở thành cuộc hiển trị của Thiên Chúa trong thế giới chúng ta.

32 Chúa Giêsu là Đấng duy nhất làm chứng trọn vẹn về Thiên Chúa, vì Người là Đấng duy nhất sống hoàn toàn từ Thiên Chúa.

Toàn bộ cuộc đời của Chúa Giêsu là một mạc khải về Chúa Cha

Chúa Giêsu, bằng toàn thể con người và hành động của mình, mạc khải Thiên Chúa, là Chúa Cha đầy yêu thương. Vậy điều gì đặc trưng cho cuộc sống nhân loại của Chúa Giêsu ? Không thể nào tóm gọn trong vài đoạn văn. Thật ra, phải cần đến bốn sách Tin Mừng để nói lên những điều cốt yếu về Chúa Giêsu và để cho chúng ta thấy, qua Người, khuôn mặt của Chúa Cha.

Tuy nhiên, hình ảnh Chúa Giêsu được phác họa từ bốn sách Tin Mừng thì về căn bản là giống nhau. Hãy lấy một Tin Mừng làm ví dụ, đó là Tin Mừng theo thánh Luca. Ngay từ đầu sứ vụ của mình, trong hội đường làng quê Nadarét, Chúa Giêsu đã công bố chương trình đời mình bằng cách trích dẫn đoạn văn nổi tiếng trong Isaia chương 61 : *«Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn [...] công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, trả lại tự do cho người bị áp bức.»* (Lc 4,18)

Trong suốt cuộc đời mình, Chúa Giêsu luôn có một tình yêu ưu tiên dành cho những người nghèo khổ và bị áp bức trong xã hội thời đó, nghĩa là những người bị gạt ra bên lề, bị loại trừ cả về mặt xã hội lẫn tôn giáo. Cụ thể trong bối cảnh của Người, đó là những người

bệnh tật, những người thu thuế, những người tội lỗi, và cả phụ nữ. Chúa Giêsu đã ở cùng với những người ấy, chia sẻ bữa ăn với họ, điều vốn là một biểu hiện rõ ràng của sự trân trọng và tình bạn. Người xoa dịu những đau khổ của họ và mời gọi họ sống sự giải thoát nội tâm bằng cách ban ơn tha thứ tội lỗi. Việc Chúa Giêsu đứng về phía những người bị loại trừ chính là cách Người cho thấy Nước Thiên Chúa dành cho tất cả mọi người, rằng Thiên Chúa bày tỏ tình yêu và ban ơn cứu độ cho hết thảy, nhưng theo một cách ưu tiên đặc biệt dành cho những ai là người nghèo, hiểu theo nghĩa rộng nhất của từ này : nghĩa là những ai đang sống trong mất mát, bị bỏ rơi hoặc bị loại trừ khỏi xã hội.

Vậy Chúa Giêsu là ai ?

Để diễn tả điều đó bằng một từ ngữ dễ hiểu : Chúa Giêsu là một con người đầy lòng trắc ẩn, một lòng trắc ẩn bao la. Và lòng trắc ẩn ấy là phản ánh lòng trắc ẩn của Chúa Cha. Qua nhân tính chan chứa sự dịu dàng của mình, Chúa Giêsu mặc khải sự dịu dàng của Chúa Cha đối với hết thảy mọi người.

Giờ đây, trong Tin Mừng theo thánh Luca, chúng ta có được niềm hạnh phúc - hay đúng hơn là hồng ân - khi có một đoạn văn đặc biệt, trong đó chính Chúa Giêsu ban cho chúng ta chìa khóa để hiểu hành động

của Người, và cho chúng ta biết Chúa Cha là ai. Đoạn văn này nằm ở trung tâm Tin Mừng Luca : Lc 15, 11-32. Đó là dụ ngôn người cha và hai người con, thường được gọi là “dụ ngôn người con hoang đàng”. Dụ ngôn này tóm lược một cách tuyệt vời giáo huấn của Chúa Giêsu về Chúa Cha, đồng thời dạy chúng ta thái độ cần có để thực sự sống như con cái của Ngài.

Dụ ngôn tập trung vào người cha (Lc 15,11-32)

Trước hết, chúng ta hãy chú ý đến hoàn cảnh sống đã khiến Chúa Giêsu kể dụ ngôn này :

“Các người thu thuế và những người tội lỗi đều lui tới với Đức Giê-su để nghe Người giảng. Những người Pha-ri-sêu và các kinh sư bèn xâm xì với nhau : ‘Ông này đón tiếp phường tội lỗi và ăn uống với chúng !’ Đức Giê-su mới kể cho họ dụ ngôn này...” (Lc 15,1-3)

Hoàn cảnh thì rất rõ ràng : Chúa Giêsu niềm nở đón tiếp những người thu thuế, vốn bị xã hội coi thường, cũng như những người tội lỗi, tức là những người không sống trung tín với Lễ Luật. Chúa Giêsu thậm chí còn cùng ăn uống với những người bị coi là ô uế như thế. Thì hiện tại được dùng trong các động từ cho thấy đây là một cách hành xử thường xuyên của Chúa Giêsu. Những người Phariseu và các kinh sư, tức là

những người «đàng hoàng» trong xã hội, thì cần nhắc và chê trách. Và chính lúc ấy, Chúa Giêsu kể cho họ một dụ ngôn, rồi hai, rồi ba dụ ngôn. Người kể các dụ ngôn này để biện minh cho sự lựa chọn của mình : chọn đứng về phía những người bị loại trừ và những người tội lỗi. Người muốn nói với họ rằng : Tôi hành động như thế, là bởi vì Chúa Cha cũng hành động như thế. Nghĩa là : Người đặt nền tảng cho hành vi của mình trên hành vi của Thiên Chúa đối với con người. Người biện minh cho hành động của mình bằng hành động của Thiên Chúa. Thật là một lời khẳng định táo bạo... nhưng cũng là một mạc khải về con người của Chúa Giêsu : Cha hành động thế nào, thì Con cũng hành động như vậy ! Một lưu ý trước khi đi xa hơn : phần dẫn nhập này đã cho thấy rõ rằng nhân vật chính trong dụ ngôn không phải là người con hoang đàng hay người anh cả, mà chính là người cha.

Giờ đây, chúng ta sẽ cùng đọc lại dụ ngôn mà hẳn bạn đã quen thuộc, nhưng cũng là một dụ ngôn thật khó để nhìn bằng đôi mắt mới, vì chúng ta đã có một hình dung sẵn về nó, và cứ tưởng mình đã hiểu. Khi đọc lại dụ ngôn (Lc 15, 11-32), tôi mời bạn hãy chú ý đến người cha, chứ đừng quá tập trung vào người con hoang đàng hay người anh cả như người ta vẫn thường làm.

Rồi Đức Giê-su nói tiếp : “Một người kia có hai con trai.¹² Người con thứ nói với cha rằng: “Thưa cha, xin cho con phần tài sản con được hưởng.” Và người cha đã chia của cải cho hai con.¹³ Ít ngày sau, người con thứ thu góp tất cả rồi trốn đi phương xa. Ở đó anh ta sống phóng đãng, phung phí tài sản của mình.¹⁴ Khi anh ta đã ăn tiêu hết sạch, thì lại xảy ra trong vùng ấy một nạn đói khủng khiếp. Và anh ta bắt đầu lâm cảnh túng thiếu,¹⁵ nên phải đi ở đợ cho một người dân trong vùng; người này sai anh ta ra đồng chăn heo.¹⁶ Anh ta ao ước lấy đậu muông heo ăn mà nhét cho đầy bụng, nhưng chẳng ai cho.¹⁷ Bấy giờ, anh ta hồi tâm và tự nhủ: “Biết bao nhiêu người làm công cho cha ta được cơm dư gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói !¹⁸ Thôi, ta đứng lên, đi về cùng cha và thưa với người : “Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha,¹⁹ chẳng còn đáng gọi là con cha nữa. Xin coi con như một người làm công cho cha vậy.”²⁰ Thế rồi anh ta đứng lên đi về cùng cha. Anh ta còn ở đằng xa, thì người cha đã trông thấy. Ông chạnh lòng thương, chạy ra ôm chầm anh ta và hôn lấy hôn để.²¹ Bấy giờ, người con nói rằng : “Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa...”²² Nhưng người cha liền bảo các đầy tớ rằng: “Mau đem áo đẹp nhất ra đây mặc cho cậu, xỏ nhẫn vào ngón tay, xỏ dép vào chân cậu,²³ rồi đi bắt con

bê đã vỗ béo làm thịt để chúng ta mở tiệc ăn mừng!²⁴ Vì con ta đây đã chết mà nay sống lại, đã mất mà nay lại tìm thấy.” Và họ bắt đầu ăn mừng.²⁵ Lúc ấy người con cả của ông đang ở ngoài đồng. Khi anh ta về gần đến nhà, nghe thấy tiếng đàn ca nhảy múa,²⁶ liền gọi một người đầy tớ ra mà hỏi xem có chuyện gì.²⁷ Người ấy trả lời: “Em cậu đã về, và cha cậu đã làm thịt con bê béo, vì gặp lại cậu ấy mạnh khỏe.”²⁸ Người anh cả liền nổi giận và không chịu vào nhà. Nhưng cha cậu ra năn nỉ.²⁹ Cậu trả lời cha : “Cha coi, đã bao nhiêu năm trời con hầu hạ cha, và chẳng khi nào trái lệnh, thế mà chưa bao giờ cha cho lấy được một con dê con để con ăn mừng với bạn bè.³⁰ Còn thằng con của cha đó, sau khi đã nuốt hết của cải của cha với bọn điếm, nay trở về, thì cha lại giết bê béo ăn mừng !”³¹ Nhưng người cha nói với anh ta : “Con à, lúc nào con cũng ở với cha, tất cả những gì của cha đều là của con.³² Nhưng chúng ta phải ăn mừng, phải vui vẻ, vì em con đây đã chết mà nay lại sống, đã mất mà nay lại tìm thấy.”

Bạn đã theo dõi kỹ hành vi của người cha trong dụ ngôn chưa, người cha ấy chính là hình ảnh của Thiên Chúa ? Vậy thì đối với Thiên Chúa, làm Cha yêu thương có nghĩa là gì ? Làm sao để yêu con cái như một người Cha ? Chắc hẳn bạn đã nhận ra nhiều dấu chỉ trong bản văn. Tôi xin nêu bật một số điểm chính yếu để khơi gợi

suy tư cá nhân của bạn. Tôi sẽ nhấn mạnh bảy điểm, theo sát trình tự của dụ ngôn.

Làm Cha yêu thương, với Thiên Chúa, là tôn trọng tự do của con cái.

1) Người cha tôn trọng tự do của đứa con trai út : ông để nó ra đi, để nó trải nghiệm cuộc sống, dù biết rằng nó có thể lạm dụng tự do đó. Ông cũng để cho nó tự do quay về, chủ động trở về. Hãy lưu ý rằng ngay từ đầu câu chuyện, người cha không hành xử theo lối thông thường của các người cha thời đó. Ông vượt xa những gì phong tục cho phép. Và điều đó sẽ tiếp diễn suốt cả câu chuyện.

- Ở câu 12, đứa con út dám yêu cầu phần tài sản thuộc về mình. Theo thông lệ, người cha mới là người quyết định chia tài sản khi ông thấy đã đến lúc, và người con cả sẽ được gấp đôi phần con út (đó là “quyền trưởng nam”). Tuy nhiên, người cha vẫn còn toàn quyền sử dụng tài sản cho đến khi qua đời.

- Đến câu 13, chúng ta đọc thấy : “Ít ngày sau, người con út thu góp tất cả rồi chạy đi phương xa” (Lc 15,13). Điều đó nghĩa là : nó đã bán hết phần gia tài của mình, đổi ra tiền, rồi ra đi. Thông thường, người ta chỉ được sử dụng phần thừa kế sau khi cha qua đời. Thế mà người

cha trong dụ ngôn này lại rộng lượng hơn cả phong tục cho phép..., bởi vì ông tôn trọng quyết định tự do của người con.

2) Người cha cũng tôn trọng tự do của người con cả, ở phần sau của dụ ngôn. Ông không ép buộc anh ta phải vào nhà để dự tiệc mừng người em trở về, nhưng nhẹ nhàng mời gọi anh bằng lời thân tình và tế nhị (x. cc. 28 và 32).

Thiên Chúa là Cha muốn thiết lập với con cái mình, là chúng ta, một mối tương quan đặt nền tảng trên tự do. Tình yêu của Ngài dành cho chúng ta là một tình yêu biết tôn trọng hành trình cá nhân, là tình yêu mời gọi, chứ không ép buộc.

Yêu thương, đối với Thiên Chúa, là luôn hiện diện và chờ đợi người con còn ở nơi xa trở về.

Chắc hẳn bạn đã nhận ra sự thay đổi đột ngột ở câu 20. Cho đến lúc đó, câu chuyện xoay quanh người con út. Thế nhưng, bỗng nhiên “ống kính” chuyển sang người cha (và sẽ ở lại với ông cho đến hết dụ ngôn) : “Anh ta đứng dậy và đi về với cha mình. Khi anh ta còn ở đằng xa, thì người cha đã trông thấy...” Điều này cho thấy : người cha chưa bao giờ ngừng hiện diện với người con, ngay cả khi nó ở xa.

Tình yêu của Thiên Chúa là tình yêu hiện diện, ngay cả khi ta xa cách, quên lãng, quay lưng lại với Ngài. Tình yêu ấy luôn luôn ở đó, dành cho chúng ta, là con cái của Ngài. Chỉ thiếu một điều duy nhất : phản hồi từ phía chúng ta, sự chú ý, sự hồi tâm, sự đáp trả với tình yêu ấy.

Yêu thương, đối với Thiên Chúa, là nhìn người con bằng ánh mắt đầy trù mến và cảm thương.

Kể từ câu 20, toàn bộ cách hành xử của người cha khiến ta bất ngờ : “Người cha trông thấy anh ta và chạnh lòng thương.” Tôi muốn dùng từ “chạnh lòng thương” hơn là “động lòng thương” hoặc “cảm thấy thương hại”, như ta thường thấy trong nhiều bản dịch Kinh Thánh. Vì những từ ấy không diễn tả được hết chiều sâu phong phú của động từ Hy Lạp *esplagchnisthè*, mà dịch sát là: “bị xúc động trong lòng dạ”. Trong bối cảnh Palestine thời đó, động từ này gọi lại từ *rehem* trong tiếng Do Thái : dạ con hay lòng dạ người mẹ. Nói cách khác, trong dụ ngôn này ta có thể hiểu : “Người cha xúc động tận sâu lòng mẫu tử của mình.” Người cha xúc động từ nơi đã sinh ra sự sống, và chính nhờ đó, ông có thể trao lại sự sống cho đứa con tưởng chừng đã chết. Quả vậy, ông sẽ thốt lên ở câu 24 (và lặp lại ở câu 32) : “Con ta đây đã chết mà nay sống lại, đã mất mà nay lại tìm

thấy.”

Bạn có cảm nhận được vẻ đẹp của điều này không ? Người cha trong dụ ngôn được mô tả bằng những nét đặc trưng của người mẹ. Họa sĩ Rembrandt đã nắm bắt thật sâu sắc điều đó : trong bức tranh tuyệt đẹp của ông, hai bàn tay của người cha ôm lấy đứa con, một bàn tay có nét nam tính, bàn còn lại mang nét nữ tính (bạn có thể xem lại bức tranh này để cảm nhận rõ hơn). Bạn biết đấy, Kinh Thánh cũng thường dùng những hình ảnh mang tính nữ để nói về Thiên Chúa ³³. Thiên Chúa trong đức tin của chúng ta không phải là nam hay nữ. Ngài vượt trên mọi phân biệt về giới tính ³⁴.

Hãy để ý đến ánh mắt của người cha : “Ông thấy anh ta và chạnh lòng thương.” Ánh mắt đầy trìu mến ấy không phải là “con mắt của Thiên Chúa” nghiêm khắc, như ánh mắt từng dõi theo tôi thuở nhỏ trong ngôi nhà thời thơ ấu ! Trong Tin Mừng theo thánh Luca, còn hai lần khác cũng xuất hiện ánh mắt như thế, một ánh mắt

33 Về những hình ảnh mẫu tử của Thiên Chúa trong Cựu Ước, người ta có thể đọc cách riêng các đoạn sau: Đnl 32, 6.18; Ds 11, 12-14; Hs 11, 1-4; Is 42, 14; 45, 10; 49, 15; 63, 15-16; 64, 7; 66, 13. (Xem “Thiên Chúa dưới hình ảnh nữ tính?”, tr. 109)

34 Biểu tượng người cha, cũng như tất cả các biểu tượng khác mà Kinh Thánh áp dụng cho Thiên Chúa, cần được hiểu theo nghĩa loại suy.

khởi đi từ trái tim trắc ẩn : Lc 7,13 : Chúa Giê-su “thấy” người goá phụ ở Nain, vừa mất đi người con trai duy nhất của mình, và “chạnh lòng thương” bà. Lc 10, 33: Người Samaritano nhân hậu “thấy” người bị cướp đánh như tử, bỏ mặc bên vệ đường, và “chạnh lòng thương”. Người Cha, Chúa Giê-su và người Samaritano ấy đều nhìn bằng ánh mắt của con tim. Trong cả ba trường hợp, ánh mắt phát xuất từ trái tim ấy đều sinh ra sự sống. Ánh mắt là cửa sổ của trái tim. Chúng ta làm cho người khác sống hay chết đi từ bên trong, tùy thuộc vào ánh mắt mà ta trao cho họ. Người nào được nhìn bằng ánh mắt của tình yêu, hay sự tha thứ, thì cuộc đời người ấy có thể được biến đổi bởi chính ánh mắt ấy ³⁵.

Người cha “trông thấy anh ta và chạnh lòng thương”. Chính thái độ nội tâm này đã khơi dậy toàn bộ những hành động tiếp theo.

Yêu thương, đối với Thiên Chúa, là chạy ra đón người con trở về.

Tôi tiếp tục với câu 20 : “Ông chạy lại, ôm cổ anh ta.” Đây là một hành vi hoàn toàn không bình thường

35 Thật là soi sáng khi đọc các sách Tin Mừng với sự chú ý đến những “ánh nhìn” : ánh nhìn của Chúa Giêsu dành cho con người; ánh nhìn của những người Pharisêu dành cho Chúa Giê-su và cho người khác...

vào thời đó. Đối với một người cha phương Đông, việc chạy là một sự hạ mình ; một người cha, một vị tộc trưởng mặc áo dài, không làm điều đó !

Tình yêu của Thiên Chúa đến đón chúng ta. Ngài “chạy theo” chúng ta ngay khi có một dấu hiệu nhỏ nhất của sự mở lòng từ phía ta.

Yêu thương, đối với Thiên Chúa, là tha thứ mà không đặt điều kiện.

Phần cuối của câu 20 : “Ông hôn lấy hôn đề.” Cái hôn ở đây không chỉ là dấu hiệu của tình cảm. Trong bối cảnh của trình thuật, nó là dấu chỉ của sự tha thứ³⁶. Hãy chú ý rằng người cha ban ơn tha thứ trước khi người con thốt ra một lời nào trong bài xưng thú mà cậu ta đã chuẩn bị. Cậu đã được tha thứ ngay cả trước khi xưng tội.

Người cha thể hiện những hành động nói rằng : “Cha yêu con”, thể thôi. “Cha yêu con như con là; cha yêu con vì con là con của cha, ngay cả khi con làm điều sai trái, ngay cả khi cha không thấy điều gì đáng yêu

36 Trong những trình thuật Kinh Thánh khác, cái hôn cũng là biểu hiện của sự tha thứ đã được ban. Chẳng hạn, trong 2 Sm 14, 33, vua Đavít hôn Absalon, kẻ có tội, như một dấu chỉ rằng ông đã tha thứ cho người ấy.

nơi hành vi của con.” Người cha nhìn thấy người con, chứ không phải tội lỗi của nó; điều khiến ông quan tâm chính là con người của đứa con. Hãy để ý rằng ông trao ban sự tha thứ của mình mà không đặt điều kiện nào. Ông không nói : “Cha tha thứ cho con... với điều kiện là con đừng tái phạm nữa !”

Những gì người cha «không nói» và «không làm» cho thấy rõ các chiều kích của tình yêu ông, một tình yêu vượt trên tất cả các bậc cha mẹ trần gian. Ví dụ, khi đứa con út trở về, người cha không trách móc nó kiểu như: “Lẽ ra con phải...”, “Cha đã nói với con là chuyện đó sẽ kết thúc tệ hại !” Và ông cũng không nhấn mạnh đến việc mình đã tha thứ, như cách chúng ta thường làm. Ông không tỏ ra gia trưởng. Ông không nói hay hàm ý : “Con thấy đấy, cha đã tha thứ cho con ! Cha thật tốt với con !” Ông không nói gì cả, nhưng thực hiện những cử chỉ nói lên rất nhiều.

Yêu, đối với Thiên Chúa, là vui mừng trước sự trở về và tổ chức tiệc mừng.

Người cha không nói, nhưng hành động : ông ôm hôn đứa con, rồi không để nó nói hết lời thú tội, ông ra lệnh cho các đầy tớ : “Mau đem áo đẹp nhất ra, mặc cho cậu; xỏ nhẫn vào tay cậu, xỏ dép vào chân cậu.” (c. 22). Áo lễ là chiếc áo người ta dành cho khách quý để vinh

danh họ. Chiếc nhẫn tượng trưng cho việc được phục hồi toàn quyền. Đôi dép là dấu hiệu của một người tự do (đầy tớ thì đi chân trần³⁷). Như vậy, thay vì bị đối xử như một người đầy tớ, điều mà đưa con út cho là may mắn nhất có thể, nó được phục hồi phẩm giá và quyền làm con.

Việc phục hồi người con phải được công bố cho mọi người và được cử hành bằng một bữa tiệc linh đình, có âm nhạc và múa hát (c. 25). Để nhấn mạnh tầm quan trọng của sự kiện này, người cha cho giết con bê béo (c. 23), con vật mà mỗi gia đình nuôi để dành cho một lễ hội lớn chung. Mọi người phải cùng dự tiệc và cùng chia sẻ niềm vui của người cha³⁸!

Nếu Thiên Chúa có thể đổ tràn tình yêu và sự tha thứ của Ngài trên chúng ta, thì đó là lễ hội ! Thiên Chúa ở

37 Câu 42 gọi lại đoạn văn trong sách Sáng Thế : “Pharaon nói với Giuse : ‘Ta đặt người cai quản toàn cõi đất Ai Cập.’ Rồi vua rút chiếc nhẫn khỏi tay mình và đeo vào tay Giuse, mặc cho cậu áo vải gai mịn, và đeo vào cổ cậu một dây chuyền bằng vàng.” (St 41, 41-42)

38 Lý do của bữa tiệc gia đình được nêu ra trong câu 24 và lặp lại ở câu 32 (đọc liên kết với câu 31): người con ấy đã chết dần trong đói khát và cô đơn (câu 16-17) nay đã tìm lại được mái nhà, và có thể nối lại các mối quan hệ giữa người với người với cha mình và với những người thân yêu.

trong niềm vui ³⁹!

Yêu thương, đối với Thiên Chúa, là hiền lành nhưng kiên quyết đối với người kết án và từ chối tha thứ.

Chúng ta đều biết phản ứng của người con cả, người trở về từ cánh đồng muộn nhất vì muốn chắc chắn rằng mọi sự đều ổn và hàng rào đã được đóng kỹ : anh ta tức giận, trách móc cha mình và tố cáo ông là bất công với anh, người con trung tín, và quá rộng lượng với đứa em phóng đảng đã phung phí tài sản (cc. 28-30). Thái độ của người cha đối với anh ra sao ? Trước hết, cũng như với người con út, ông chủ động bước ra và đến với con mình, và ông “nài nỉ một cách dịu dàng” (đó là ý nghĩa của động từ Hy Lạp *parakalei* ở câu 28). Rồi, trước những lời trách móc và giọng điệu giận dữ của người con cả, ông không phản ứng một cách gây hấn ; trái lại, lời đáp của ông tràn đầy dịu dàng : ông gọi anh là “con của cha” và mời gọi anh ý thức rằng, bên cạnh sự gần gũi thể lý, còn có sự gần gũi tình cảm (đó là ý

39 Thiên Chúa của tình yêu và niềm vui chính là Đấng mà Đức Giêsu là chứng nhân sống động : «Nhu Cha đã yêu thương Thầy, Thầy cũng đã yêu thương anh em : hãy ở lại trong tình yêu của Thầy [...]. Thầy nói với anh em những điều ấy để niềm vui của Thầy ở trong anh em, và để niềm vui của anh em được nên trọn vẹn.» (Ga 15, 9-11; xem thêm 17, 13)

nghĩa mạnh mẽ của câu “con luôn ở với cha” trong bối cảnh này). Hãy lưu ý rằng người con cả không gọi cha mình là “cha” ! Dụ ngôn kết thúc bằng một lời mời gọi của người cha, được nói ra cách tinh tế, để anh bước vào bữa tiệc của sự tha thứ và, qua đó, nhận ra em mình là một người anh em đích thực ⁴⁰ (người cha nói : “em con”, một từ mà người con cả không muốn dùng).

Tình yêu của Thiên Chúa luôn mời gọi chúng ta tiến xa hơn: thực hiện một bước để bước vào dòng chảy của sự tha thứ, để khôi phục các mối quan hệ huynh đệ đã bị đổ vỡ, và như thế, thực sự dần thân vào hành trình trở thành con trai/con gái của Cha chúng ta.

Kết luận

Trong dụ ngôn này, Thiên Chúa, Người Cha, được mạc khải như là một Thiên Chúa của tình yêu và của sự sống (cả hai luôn đi cùng nhau). Đối với Thiên Chúa, làm Cha có nghĩa là yêu thương tất cả con cái của mình bằng một tình yêu vô điều kiện, trọn vẹn và không giới hạn. Một tình yêu dẫn đến sự tha thứ. Và tình yêu đó là tình yêu sáng tạo sự sống.

40 Lời mời gọi cuối cùng của dụ ngôn (câu 32) cho chúng ta thấy rằng, đối với người cha ấy, niềm vui lớn nhất, đỉnh cao của tình phụ tử, chính là có những người con biết nhận nhau là anh em.

Tình yêu ấy làm tăng thêm khát vọng được sống của người con út, người đã rời nhà vì khao khát sự sống; thế nhưng khi trở về, anh chỉ mong sống cầm hơi, thì lại được người cha ban tặng một sự sống dồi dào mà trước đây anh chưa từng biết tới. Những cử chỉ yêu thương của người cha trở thành cơ hội để người con cả bắt đầu thật sự sống, nghĩa là cuối cùng biết được thế nào là yêu thương.

Dụ ngôn này, chúng ta không nên gọi là dụ ngôn về «đứa con hoang đàng», mà phải gọi là dụ ngôn về «người cha hoang phí» : người cha hoang phí tình yêu, hoang phí sự hiến tặng và sự tha thứ. Thiên Chúa là Cha mở ra cho chúng ta những con đường mới : con đường của tự do đích thực và sự sống, con đường hiệp thông với tha nhân, con đường tha thứ và lễ hội. Chúng ta có thể lấy lại cách gọi của tổ tiên chúng ta, và nâng cao ý nghĩa của nó từ văn bản này : “Ông Trời tốt lành” !

Một lời cuối. Thiên Chúa “vượt lên trên” cách hành xử thông thường của các người cha trần thế. Thái độ của người cha trong dụ ngôn là điều không thể nghĩ tới vào thời Chúa Giêsu... và ngày nay vẫn còn khó chấp nhận trong xã hội. Thái độ đó vượt lên trên những mẫu hình quan hệ con người mà chúng ta tự nhiên tiếp nhận

và tự động gán cho Thiên Chúa ⁴¹. Dù Kinh Thánh dựa vào các mối quan hệ cha mẹ để nói về Thiên Chúa, nhưng không lấy đó làm mẫu mực. Đúng hơn, Kinh Thánh biến đổi chúng. Có nghĩa là : không phải tình phụ tử hay mẫu tử của con người, như chúng ta thường hiểu và sống trong xã hội, là mô hình để diễn tả Thiên Chúa ; đúng hơn, chính tình phụ tử và mẫu tử của Thiên Chúa trong Kinh Thánh mới phải là một lời chất vấn và một mẫu gương cho chúng ta.

Thiên Chúa không giống như con người. Ngài tốt lành hơn nhiều ⁴².

Thời Gian Suy Niệm

Khi tôi đọc kinh Lạy Cha, tôi đang cầu nguyện với ai ? Tôi có mang trong tâm trí hình ảnh của người Cha trong dụ ngôn không ?

41 Truyền thống vẫn thường xem người cha chủ yếu như một hình ảnh của quyền uy. Đức Giêsu có lòng ghép yếu tố quyền uy khi Người nói về Thiên Chúa như là Cha. Nhưng, đối với Người, tình phụ tử của Thiên Chúa được biểu lộ không phải chủ yếu qua quyền uy, mà qua sự nhân hậu triệt để. Trong dụ ngôn Luca chương 15, quyền uy duy nhất mà người cha tự nhận lấy là quyền uy của lòng trắc ẩn.

42 Theo nghĩa đó, Thiên Chúa là Đấng Khác. Chính sự thiện hảo tuyệt đối của Thiên Chúa là điều làm nên cái mà người ta gọi là “tính Siêu Việt” của Người.

Phần Một
Những Câu Hỏi Đặc Biệt

2.1. Thiên Chúa Trong Thiên Nhiên

Có thể khám phá Thiên Chúa qua thiên nhiên không? Với câu hỏi này, ngày nay ít người sẽ trả lời một cách dứt khoát là không. Tất cả chúng ta, ở những mức độ khác nhau, đều có cảm giác rằng có thể gặp gỡ Thiên Chúa qua con đường của thiên nhiên. Thực tế, phần lớn chúng ta đều có kinh nghiệm đó - đôi khi mơ hồ - nhưng rất thực. Vậy Kinh Thánh nói gì về điều này?

Các tín hữu trong Kinh Thánh cũng đã khám phá Thiên Chúa qua thiên nhiên. Đối với họ, thiên nhiên là một trong những nơi ưu tiên để cảm nhận sự cao cả và quyền năng của Thiên Chúa. Chẳng hạn, trong một Thánh Vịnh, tác giả đã ca ngợi tình yêu của Thiên Chúa qua công trình sáng tạo của Người :

Hãy tạ ơn CHÚA vì Chúa nhân từ,
muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương.
Chỉ có Người làm nên những kỳ công vĩ đại,
muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương,
tầng trời cao, Chúa tạo dựng tài tình,
muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương,
trải mặt đất này trên làn nước bao la,
muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương,
Người làm ra những đền trời to lớn

muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương,
cho thái dương điều khiển ban ngày,
muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương,
đặt trăng sao hướng dẫn ban đêm,
muôn ngàn đời Chúa vẫn trọn tình thương.

(Tv 136, 1.4-9)

Thật vậy, trong một Thánh Vịnh khác, người ta ngạc nhiên rằng Đấng tạo dựng nên những điều vĩ đại như thế lại quan tâm đến con người, một thụ tạo quá đỗi nhỏ bé :

Lạy ĐỨC CHÚA là Chúa chúng con,
lấy lòng thay danh Chúa trên khắp cả địa cầu !
Uy phong Ngài vượt quá trời cao.
Ngắm tàng trời tay Chúa sáng tạo,
muôn trăng sao Chúa đã an bài,
thì con người là chi, mà Chúa cần nhớ đến,
phàm nhân là gì, mà Chúa phải bận tâm ?

(Tv 8, 2.4-5)

Ở những nơi khác trong Kinh Thánh, người ta nhận thấy rằng một số nơi thuận lợi hơn những nơi khác để gặp gỡ Thiên Chúa. Chẳng hạn, sa mạc hay núi non thường xuyên được nhắc đến (đặc biệt trong sách Xuất

Hành).

Tuy nhiên, đừng nhầm lẫn ! Nếu Thiên Chúa có thể được gặp gỡ trong thiên nhiên, thì Thiên Chúa và thiên nhiên vẫn là hai thực tại khác biệt. Chính điều này là điều mà thánh Phaolô trình bày trong thư gửi tín hữu Rôma. Ngài gợi ý rằng Thiên Chúa tự mặc khải qua các công trình của Người (Rm 1, 19-20). Thế nhưng, con người đôi khi đã lầm lạc : họ đã nhầm lẫn Đấng Tạo Hóa với công trình của Người. Họ đã thần thánh hóa mặt trời, mặt trăng, hay như lời Kinh Thánh : “Họ đã đánh đổi vinh quang của Thiên Chúa bất diệt để lấy hình tượng con người hay hư nát, hình chim chóc, thú bốn chân, và loài bò sát. [...] Họ đã thờ lạy và phục vụ loài thọ tạo thay vì Đấng Tạo Hóa, Đấng đáng chúc tụng muôn đời.” (Rm 1, 23.25). Thiên Chúa đã tạo dựng thế giới hữu hình, và Người hiện diện trong thiên nhiên. Nhưng thiên nhiên không phải là Thiên Chúa.

Vì vậy, chúng ta có thể gặp gỡ Thiên Chúa trong thiên nhiên bởi vì thiên nhiên tự nhiên hướng về Đấng đã tạo dựng nó (St 1). Giống như một biển báo giao thông chỉ đường rõ, thiên nhiên hướng lòng ta về với Đấng Tạo Thành và mời gọi ta đến gặp gỡ Người.

Guylain Prince

2.2 Một Dân Tộc Được Thiên Chúa Tuyển Chọn ?

Tại sao Thiên Chúa lại chọn dân tộc Do Thái mà không phải là một dân tộc khác ? Phải chăng nơi dân này có điều gì đó khiến họ sẵn sàng đón nhận lời của Chúa ? Phải chăng dân tộc này có công trạng nào hơn các dân khác ? Thực ra, Kinh Thánh - đặc biệt là trong sách Đệ Nhị Luật - mang dấu ấn của chính những câu hỏi đó. Và câu trả lời vẫn không ngừng làm chúng ta ngạc nhiên...

Dân Do Thái trước hết là một chứng nhân : chứng nhân về sự hiện diện và hành động của Thiên Chúa trong lịch sử của họ. «Chính người đã được cho thấy điều đó, để người nhận biết rằng chính ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa: không có thần nào khác ngoài Người.» (Đnl 4,35). Qua dòng thời gian, Thiên Chúa bày tỏ dung mạo của một vị Thiên Chúa trung tín và luôn hiện diện với dân Người (x. Đnl 9,5). Dân Do Thái là dân “đón nhận” lời loan báo đó ; họ mở lòng ra để tiếp nhận.

Nhưng liệu người ta có thể tìm thấy nơi họ một lý do chính đáng nào cho việc được ưu ái này không ? Kinh Thánh trả lời rất rõ : hoàn toàn không có gì. «Nếu ĐỨC CHÚA đã gắn bó với anh em và đã chọn anh

em, thì không phải vì anh em đông hơn mọi dân tộc khác, anh em là dân ít người nhất.» (Đnl 7,7). «Hãy biết rằng: không phải vì người công chính mà ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của người, ban cho người miền đất tốt đẹp này để làm gia nghiệp, vì người là một dân cứng đầu cứng cổ.» (Đnl 9,6). Sự tuyển chọn Israel không đến từ công trạng của họ.

Thực ra, chỉ có một câu trả lời duy nhất : vì yêu thương. Qua dân Do Thái, ĐỨC CHÚA biểu lộ tình yêu của Ngài đối với toàn thể nhân loại : «Đó là vì ĐỨC CHÚA yêu thương anh em !» (Đnl 7,8; 4,37). Trong Kinh Thánh, tình yêu luôn là một hành động dân thân. Không có bất kỳ lý do nào khác : Thiên Chúa tự mạc khải... hoàn toàn do lòng quảng đại nhưng không !

Guylain Prince

2.3. Thiên Chúa Có Thiên Vị Dân Người Chẳng ?

Trong Kinh Thánh, có chép rằng Thiên Chúa «bảo vệ dân Người». Làm sao để hiểu điều này về Thiên Chúa ? Chẳng phải Người là Thiên Chúa của tất cả mọi người sao ?

Thật vậy, trong Kinh Thánh, ta thường đọc thấy những đoạn khẳng định rằng ĐỨC CHÚA bảo vệ dân của Người (Tv 91,14; Is 31,5, v.v.). Câu hỏi, vì thế, không phải là những khẳng định như thế có phải là một phần trong di sản đức tin của chúng ta không ? - câu trả lời là có - mà là làm sao để giải thích và hiểu những điều đó trong thế giới hôm nay ?

Đức tin của dân Do Thái đã trưởng thành trong dòng lịch sử. Họ trải qua những giai đoạn khủng hoảng cũng như lớn lên. Một trong những bước chuyển quan trọng có thể được tóm lại như sau: từ một Thiên Chúa thiên vị dân Do Thái đến một Thiên Chúa hiện diện với dân Do Thái và với toàn thể nhân loại. Ta hãy xem điều đó diễn ra thế nào.

Dân trong Kinh Thánh, cũng như các dân tộc lân cận thời bấy giờ, tin rằng thần của dân họ can dự vào các cuộc chiến và những cuộc chinh phạt. Khi họ gặp thuận

lợi, họ giải thích : «Thiên Chúa chúng ta nâng đỡ chúng ta; Người mạnh hơn các thần khác.» Khi gặp khó khăn: «Thiên Chúa đang trừng phạt chúng ta.» Cách «giải thích» các biến cố như thế này vẫn còn phổ biến đến tận ngày nay. Khi một điều không hay xảy ra, chẳng phải chúng ta vẫn có lúc thốt lên : «Tôi đã làm gì nên tội với Chúa mà Ngài lại xử với tôi như vậy ?» Thế nhưng, niềm tin của các tín hữu trong Kinh Thánh dần dần hiểu rằng sự việc không hẳn là như thế.

Bước ngoặt quan trọng xảy ra trong thời kỳ Dân Do Thái sống lưu đày, một thử thách rất đau thương : dân bị cai trị bởi một cường quốc ngoại bang, một phần dân cư bị cưỡng bức phải sống xa miền Đất Hứa, mà quê hương đó lại chính là dấu chỉ của lời hứa của Thiên Chúa ! Trong cảnh tha hương ấy, họ kêu than : «ĐỨC CHÚA đã bỏ rơi tôi, Chúa Thượng tôi đã quên tôi !» (Is 49, 14). Sách Gióp cũng phản ánh một cuộc chất vấn đau đớn : người công chính vẫn có thể chịu đau khổ và bất hạnh. Sự dữ có tồn tại, và nó không phải là hình phạt của Thiên Chúa (xem thêm phần «Thiên Chúa gây ra thiên tai ?» tr. 55). Chính Chúa Giêsu đã xác nhận trực giác này, khi Người tách biệt giữa sự dữ xảy đến với con người và tội lỗi (Lc 13,1-4; Ga 9,2-3). Từ từ, một trực giác đã thành hình : Thiên Chúa hiện diện nơi những con người đang chịu đau khổ và bất hạnh; Ngài

không phải là nguyên nhân của đau khổ họ đang phải chịu.

Trong và sau thời kỳ Lưu đày, một suy tư mới đã hình thành trong lòng dân : Thiên Chúa không chỉ là Thiên Chúa của dân Do Thái, nhưng là Đấng Duy Nhất, Đấng Một Không Hai (Đnl 6, 4) ; là Thiên Chúa của toàn thể vũ trụ và của mọi dân tộc (St 1). Thật ra, việc Thiên Chúa tuyển chọn dân Do Thái không phải là một đặc ân - như thể ĐỨC CHÚA thiên vị dân Ngài và làm hại các dân khác. Qua dòng lịch sử của mình, dân Do Thái đã cảm nếm hạnh phúc vì đã được gặp gỡ Thiên Chúa đúng như Ngài là, và được mời gọi làm chứng về Ngài trước các dân tộc. Việc được chọn trong Kinh Thánh không phải là một đặc quyền, mà là một lời mời gọi dân thân phục vụ. Đó là ý nghĩa sâu xa của sự tuyển chọn : được chọn để loan báo cho người khác biết Thiên Chúa là ai, trong chân lý. “Nhờ người, mọi dân tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc” : đó là lời hứa đã được thốt ra với Abraham (St 12, 3).

Lòng nhân hậu mà dân Do Thái cảm nhận nơi Thiên Chúa xuyên suốt lịch sử mình, không hẳn là vì Thiên Chúa chú ý riêng đến họ một cách đặc biệt, nhưng đúng hơn, là kết quả của việc họ nhận ra cách Thiên Chúa hiện diện với toàn thể nhân loại. Dân Do Thái đã hiểu

rõ điều này khi sống cuộc Xuất Hành, Thiên Chúa thực sự hiện diện trong mọi khổ đau của con người (Xh 3, 7-10). Và Thiên Chúa vẫn tiếp tục đánh động và sai đi những con người, nam và nữ, để giải thoát những ai bé mọn. Qua cuộc đời của Chúa Giêsu, ta nhận ra rằng không chỉ có những người bị loại trừ ở Galilê hay Giuđêa mới được Thiên Chúa viếng thăm, nhưng mọi người, ở mọi thời và mọi nơi, là những người bị cô lập, bị xã hội ruồng bỏ, đều được Thiên Chúa đến với họ. Nơi chính con người của Chúa Giêsu, chúng ta nhận ra những nét của một người Cha (Ga 14, 9) đang chịu sự khước từ từ một nhân loại bị tổn thương, một nhân loại vô thức mà vẫn đang đi tìm kiếm Thiên Chúa.

Vì thế, hoàn toàn đúng đắn khi khẳng định rằng Thiên Chúa là Thiên Chúa của “mọi người”, của toàn thể nhân loại. Ở bất cứ nơi đâu có một sự kiếm tìm chân lý đích thực bắt đầu (Ga 3,21), ở bất cứ nơi đâu có một tình yêu chân thành đang được thực thi (1 Ga 4,7), ở đó, Thiên Chúa hiện diện và hành động. Hạnh phúc của chúng ta là được nhận ra Ngài !

Guylain Prince

2.4. Các Thảm Họa Có Phải Do Thiên Chúa Gây Ra ?

Thiên Chúa là “Tình Yêu”. Thế nhưng, người ta vẫn tiếp tục nghe nói rằng các thảm họa thiên nhiên là do Thiên Chúa gây ra. Vậy, nói như thế có đúng không ?

Là những Kitô hữu, chúng ta tuyên xưng rằng Thiên Chúa hiện hữu, và Người đã tạo dựng vũ trụ, hữu hình và vô hình. Như thế, thế giới mà chúng ta biết đến chính là công trình sáng tạo của Thiên Chúa. Chúng ta cũng khẳng định rằng có một mối liên hệ giữa Thiên Chúa và tạo vật, và chúng ta biết rằng Thiên Chúa hiện diện với các thụ tạo của Người. Cho đến đây, tất cả các tín hữu đều đồng thuận. Những khó khăn bắt đầu xuất hiện khi người ta cố gắng xác định bản chất của mối liên hệ ấy, và tìm hiểu cách Thiên Chúa can thiệp vào hoạt động của thế giới này. Liệu các thảm họa tự nhiên có phải là “hành động của Thiên Chúa” như phần lớn các công ty bảo hiểm vẫn tuyên bố ?

Khi phải đối diện với sự vô lý của các thảm họa thiên nhiên và những đau khổ đổ ập xuống trên tạo thành, con người, thuộc mọi nền văn hóa và thời đại, đã luôn tìm kiếm một lời giải thích. Trong thế giới cổ đại, những gì không thể hiểu được hoặc không thể giải thích thì

người ta đem quy chiếu về một thế giới vô hình và siêu việt. Ví dụ, các cơn giận dữ của thiên nhiên được giải thích như là sự trỗi dậy của cơn thịnh nộ của thần Zeus, hoặc là kết quả của cuộc xung đột giữa hai vị thần đối nghịch nhau. Người xưa tìm cách lý giải các hiện tượng tự nhiên bằng cách quy về thế giới thần linh vô hình.

Dân của Kinh Thánh cũng không nằm ngoài quy luật này. Trong Kinh Thánh của chúng ta, các hiện tượng tự nhiên, đặc biệt là những hiện tượng kinh hoàng nhất, được diễn giải như là sự nguyên rủa đến từ Thiên Chúa. Trong một đất nước sa mạc như Palestine, sự thiếu hoặc dư thừa nước hầu như luôn được xem là sự can thiệp trực tiếp của Thiên Chúa : nạn Đại hồng thủy như hình phạt cho sự độc ác (St 6, 5 tt), mưa đá trút xuống người Ai Cập (Xh 9, 18), mưa và sấm sét (1 Sm 12, 18), hạn hán (G 12, 15), v.v. Ngoài ra, ngôn sứ Giêrêmia cũng nói rất rõ : «[Những cơn mưa và mưa rào]... Chúng con đợi chờ Ngài, vì chính Ngài là Đấng làm nên tất cả điều đó.» (Gr 14, 22) Ở những chỗ khác, người ta thấy Thiên Chúa hành động qua gió lốc và bão tố (Ed 13, 13; Tv 107, 25; v.v.). Ngược lại, những điều kiện thuận lợi - mưa đúng mùa, ánh nắng dịu dàng, sương sớm làm tươi mát, sự luân chuyển hài hòa của ngày và mùa - được, đối với dân tộc trong Kinh Thánh, xem là những biểu hiện của lòng nhân lành của Thiên Chúa (Đnl 11, 14;

Tv 133, 3; Kn 7, 17-18; v.v.). Trong Kinh Thánh, có thể nói rằng các hiện tượng tự nhiên được diễn giải như là những hành động của Thiên Chúa.

Còn ngày nay thì sao ? Chúng ta có thể, trong thời đại hôm nay, nói rằng Thiên Chúa trừng phạt qua những thảm họa và ban phúc qua những điều kiện thuận lợi không ? Câu trả lời cho những câu hỏi này thật sự rất khó. Đôi khi, hai thái cực được đưa ra. Thái cực thứ nhất cho rằng Thiên Chúa đã tạo nên một thế giới hoàn toàn tự trị. Một khi đã sáng tạo xong thế giới, Thiên Chúa đã thấy rằng nó “rất tốt đẹp”, và từ đó, Người để cho nó “tự vận hành” theo các quy luật nội tại của nó. Trong cách nhìn này, Thiên Chúa trở thành một “khán giả” của thế giới mà Người đã dựng nên.

Thái cực thứ hai cho rằng Thiên Chúa luôn luôn hành động qua các biến cố tự nhiên, từ những sự kiện nhỏ nhất đến lớn lao nhất. Theo quan điểm này, Thiên Chúa giống như một “người điều khiển rối vô tận”, điều khiển mọi sợi dây của thế giới tạo dựng : không có gì xảy ra mà không nằm dưới quyền kiểm soát của Người; không có sự kiện nào thoát khỏi sự quản trị của Người.

Đức tin Kitô giáo nằm ở một điểm nào đó giữa hai lập trường cực đoan này. Điều mà ngày xưa người ta gọi là “Thiên Chúa Quan phòng” không có nghĩa là

mọi sự việc xảy ra đều là hậu quả trực tiếp của ý muốn Thiên Chúa. Trái lại, điều đó khẳng định rằng Thiên Chúa hiện diện cách chủ động trong một thế giới đang tiến bước, dưới sự hướng dẫn của Người, để đạt tới sự hoàn thiện trọn vẹn. Nói cách khác, thế giới và nhân loại không phải lúc nào cũng vận hành theo đúng ý muốn của Thiên Chúa, nhưng một cách mầu nhiệm và thực sự, Thiên Chúa vẫn hiện diện và hành động trong những gì đang xảy ra.

Vậy, các thảm họa thiên nhiên có phải là “hành động của Thiên Chúa” không ? Chúng ta không còn tin rằng cách nói như vậy là đúng. Tuy nhiên, với tư cách là các Kitô hữu, chúng ta vẫn khẳng định rằng, nơi nào xảy ra thảm họa thiên nhiên, thì nơi đó Thiên Chúa vẫn đang mầu nhiệm hoạt động. Dù bất cứ điều gì xảy ra, Người vẫn nâng đỡ vũ trụ trong tay mình và dẫn nó tới sự hoàn thành viên mãn. Người khơi dậy, nơi những hoàn cảnh ấy, những con người nam nữ được Thần Khí Nước Trời thúc đẩy, hiến dâng đời mình để xoa dịu nỗi khổ đau của những người đang bị thử thách.

Còn về “cách thức” mà sự hiện diện và hoạt động của Người diễn ra - những phương thế ấy - thì chúng ta vẫn chưa nói hết được đâu !

Guylain Prince

2.5. Sự Im Lặng Của Thiên Chúa

Tại sao Thiên Chúa lại dường như im lặng ? Tại sao đôi lúc Người có vẻ như quá xa vời ?

Sự im lặng của Thiên Chúa... Cảm giác rất rõ ràng rằng mình bị Thiên Chúa bỏ rơi. Vực thẳm của đau khổ quá sâu, đến nỗi ngay cả một câu trả lời - dù hợp lý - cũng trở nên vô ích. Tuy nhiên, Kinh Thánh không đưa ra một câu trả lời “soạn sẵn” về sự im lặng của Thiên Chúa. Cùng lắm, Kinh Thánh chỉ trình bày những con người nam nữ đối diện với đau khổ và lên tiếng gọi Chúa.

Giống như các bạn của Gióp, chúng ta cũng thường bị cám dỗ muốn tìm lý do hay “lời giải thích tốt” cho đau khổ của người khác. Ví dụ, Êlifát nói với Gióp : “Phúc cho người bị Thiên Chúa sửa dạy ! Đừng khinh thường lời quở trách của Đấng Toàn Năng.” (G 5, 17). Nơi khác, Xôphar trách móc Gióp rằng : Nếu tai họa giáng xuống Gióp, thì chắc chắn là do tội lỗi của ông ! (G 20, 26-29).

Trong nỗi đau khổ, Gióp đối diện với sự phi lý của cái ác, với khoảng trống, và ông không hề giấu điều đó! Dù bị phán xét nặng nề, ông vẫn tiếp tục nói với Thiên Chúa : “Trong thành phố, người ta than khóc, tiếng rên

rỉ của những người bị thương vang lên, mà Thiên Chúa vẫn làm thinh trước những bất công đó.” (G 24, 12) “Con kêu lên với Ngài, nhưng Ngài không trả lời.” (G 30, 20). Các bạn của Gióp không ngừng cố gắng gán ý nghĩa cho nỗi khổ của ông ; còn Gióp thì thét lên sự phần nộ và bất hiểu của mình trước vẻ vắng bóng của Thiên Chúa. Đến cuối cùng, chính Thiên Chúa mới là Đấng xác nhận rằng chỉ có Gióp... đã nói đúng (G 42, 7). Vậy, chúng ta có cần phải tìm một lời giải thích cho sự im lặng của Thiên Chúa không ?

Sau này, Kinh Thánh giới thiệu với chúng ta Người Công Chính tuyệt hảo : Chúa Giêsu. Thế nhưng, Người không chỉ không được miễn trừ khỏi đau khổ, mà còn chịu chung số phận với những kẻ bị xã hội loại trừ : “Còn chúng ta, là điều phải lẽ [tên trộm nói], chúng ta chịu xứng với việc mình đã làm ; còn người này, chẳng làm điều gì sai.” (Lc 23, 41). Và tiếng kêu lớn : “Lạy Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con ?” (Mt 27, 46).

Thiên Chúa không im lặng ; Thiên Chúa không xa cách. Thật vậy, Thiên Chúa không bao giờ hiện diện gần gũi cho bằng khi Ngài ở với những người đang đau khổ. Ngài đã chứng tỏ điều đó qua cuộc sống và cái chết của Chúa Giêsu, Con của Ngài. Ngài đến gần chúng ta bằng muôn vàn cách, trong đó có những con

người là dấu chỉ của sự hiện diện của Ngài. Tuy nhiên, chúng ta cần nhận ra được sự hiện diện đầy yêu thương của Thiên Chúa (xem chương 3, tr. 70-73).

Sự im lặng của Thiên Chúa, cảm giác bị Ngài bỏ rơi, liệu có một lời giải thích đơn giản trong Kinh Thánh không ? Không, ngược lại ! Trong đó, chúng ta thấy nhiều người nam nữ tiếp nhận điều ấy như một câu hỏi không lời đáp, như một thực tại có chiều sâu chưa thể thấu hết. Có vẻ như cảm giác mãnh liệt - và đau đớn - ấy là một phần của hành trình đức tin. Một điều chắc chắn là, người mang nỗi niềm ấy, hôm qua cũng như hôm nay, không ngừng đặt lại cùng một câu hỏi : “Ai sẽ ban cho tôi một người biết lắng nghe tôi ?” (G 31, 35; 21, 2).

Guylain Prince

Nguồn tham khảo của chúng tôi

Vogels, Walter, Gióp : người đã nói đúng về Thiên Chúa, Đọc Kinh Thánh 104, Paris, Cerf, 1995, 272 trang.

Vogels, Walter, “Gióp đã nói đúng. Một tiếp cận theo cấu trúc học đối với sách Gióp”, trong Nouvelle Revue théologique 102 (1980), tr. 835-852.

Gợi ý của chúng tôi

Prévost, Jean-Pierre, Nói hay nguyên rửa đau khổ?, Montréal, Paulines / Trung tâm mục vụ trong môi trường công nhân, 1997, 72 trang.

3. Gặp Gỡ Một Thiên Chúa Là Cha

Marcel Dumais

Cho đến nay, chúng ta đã tìm hiểu xem Thiên Chúa là ai. Chúng ta đã thấy Ngài dưới hình ảnh của Gia-vê, Đấng đồng hành với chúng ta trong lịch sử và đứng về phía chúng ta để giải thoát chúng ta. Chúng ta đã cảm nhận Ngài cách rõ nét hơn qua khuôn mặt của Người Cha mà Chúa Giêsu mặc khải : một Người Cha đầy yêu thương, cảm thông, rộng lượng và hay tha thứ. Chúng ta biết Ngài là ai (dĩ nhiên là biết ít nhiều...). Nhưng liệu chúng ta có gặp gỡ Ngài không ? Chúng ta có thiết lập một mối quan hệ với Ngài không ? Ngài có thực sự là Một Đấng hiện diện trong cuộc đời chúng ta không ? Đó mới là điều quan trọng nhấ t! Không chỉ là có một quan niệm đúng về Thiên Chúa, dù điều đó cũng quan trọng, vì chúng ta lớn lên trong đức tin khi lớn lên trong sự thật của đức tin. Có một hình ảnh đúng về Thiên Chúa là điều rất tốt, nhưng đó không phải là điều thiết yếu. Điều thiết yếu là đi vào một mối quan hệ sống động với Ngài. Hơn nữa, như bạn biết, trong Kinh Thánh, động từ “biết” thường mang ý nghĩa hiện sinh : nghĩa là “có một kinh nghiệm về”.

Làm sao chúng ta gặp được Thiên Chúa ?

Nhưng trước khi hỏi làm thế nào để gặp Thiên Chúa, chúng ta cần đặt câu hỏi : Chúng ta có được tạo dựng để gặp gỡ Ngài không ? Nếu có, nếu đó là ơn gọi, là sứ mạng của chúng ta : Vậy chúng ta có khả năng để gặp Ngài không ? Nghĩa là : Chúng ta có những gì cần thiết để gặp được Ngài không ?

Sau đây là một trích đoạn từ chương đầu của sách Sáng Thế, các câu 26-27 :

Thiên Chúa phán : “Chúng ta hãy làm ra con người theo hình ảnh chúng ta, giống như chúng ta, để con người làm bá chủ cá biển, chim trời, gia súc, dã thú, tất cả mặt đất và mọi giống vật bò dưới đất.” Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ.

Và sau khi tạo dựng người nam và người nữ, văn bản kết luận ở câu 31 : «*Thiên Chúa thấy mọi sự Ngài đã làm ra : mọi sự đều rất tốt đẹp.*» Sau những bước trước đó như tạo dựng đất, các tinh tú, các loài vật, v.v., văn bản chỉ kết luận đơn giản : «*Và Thiên Chúa thấy điều đó là tốt đẹp.*»

Có thể bạn biết rằng dân tộc Do Thái chỉ hiểu rằng Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa sau khi họ cảm nghiệm được sự hiện diện của Ngài trong lịch sử của họ ⁴³ ! Họ đã từ từ nhận ra rằng Đấng mà họ đã kinh nghiệm tình yêu giải thoát suốt chiều dài lịch sử chính là nguồn gốc của sự hiện hữu của họ. Họ đã cảm nghiệm rằng chính nhờ cùng một tình yêu nhưng đầy nhưng không và quảng đại đó mà Thiên Chúa đã tạo dựng con người và thế giới mà họ đang cư ngụ ⁴⁴. Con người là một loài thụ tạo đặc biệt giữa muôn loài khác : họ được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa (St 1,27). Được tạo dựng theo hình ảnh của Ngài, điều đó có nghĩa là con người được tự do và có trách nhiệm đối với môi trường xung quanh - đối với sinh thái - như phần tiếp theo của sách Sáng Thế đã diễn tả. Nhưng được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa cũng có nghĩa là có thể có một mối tương quan cá vị giữa Đấng Tạo Hóa và thụ tạo duy nhất của Ngài, rằng Đấng ấy có thể nói với họ và họ

43 Các nhà chú giải Kinh Thánh nhấn mạnh rằng trình thuật tạo dựng trong St 1 và những lần nhắc đến nó trong văn học khôn ngoan có nguồn gốc muộn hơn so với toàn bộ Ngũ Thư.

44 Một đoạn văn trong số nhiều đoạn khác : «Đức Chúa, Đấng cứu chuộc người, Đấng đã nắn tạo người từ lòng mẹ, phán thế này: Chính Ta là Đức Chúa, Đấng đã làm nên mọi sự, chỉ một mình Ta đã căng các tầng trời» (Is 44, 24). Đấng Giải Thoát cũng chính là Đấng Tạo Hóa.

có thể đáp lại. Theo hình ảnh của Ngài, điều đó cũng hàm ý rằng ở nơi sâu thẳm nhất của con người - ở nơi sâu thẳm nhất của mỗi người trong chúng ta - có một phản chiếu của Thiên Chúa, một khát vọng thầm kín về Thiên Chúa, như thánh Phaolô đã nói với người dân thành Athènes: Chúng ta được tạo dựng để tìm kiếm Thiên Chúa ⁴⁵.

Từ một người duy nhất, Thiên Chúa đã tạo thành toàn thể nhân loại, để họ ở trên khắp mặt đất ; Ngài đã vạch ra những thời kỳ nhất định và những ranh giới cho nơi ở của họ. Như vậy là để họ tìm kiếm Thiên Chúa; may ra họ dò dẫm mà tìm thấy Người, tuy rằng thực sự Ngài không ở xa mỗi người chúng ta. Thật vậy, chính ở nơi Ngài mà chúng ta sống, cử động và hiện hữu, như một số thi sĩ của quý vị đã nói : “Chúng ta cũng thuộc dòng giống của Ngài.”

Làm sao chúng ta biết Thiên Chúa ? Làm sao chúng ta gặp gỡ Thiên Chúa ? Cách Thiên Chúa can thiệp và tỏ mình ra cho dân Ngài - cho chính chúng ta - kéo

45 Xem Cv 17, 26-28. Phẩm giá con người này hiện diện nơi tất cả mọi con người nhờ vào việc được tạo dựng: người Do Thái, Kitô hữu hay tín đồ của các tôn giáo khác, những người đứng vững với tôn giáo, người vô thần hay cả những kẻ thù của đức tin. Dù bị chà đạp, phẩm giá ấy vẫn không thể bị hủy diệt, vì nó được bén rễ nơi sâu thẳm nhất của bản thể con người.

theo một hệ quả : đó chính là cách mà chúng ta gặp gỡ Ngài. Dựa trên những dữ liệu chính trong hai chương đầu tiên của tôi về mạc khải của Thiên Chúa, tôi sẽ triển khai những khẳng định sau đây : Thiên Chúa cho phép con người gặp gỡ Ngài trong lịch sử cá nhân và cộng đoàn của mình, cách riêng là qua những dấu chỉ và kinh nghiệm đặc biệt (được ghi dấu bằng tình yêu và lòng nhưng không) ; Thiên Chúa vẫn luôn là một mầu nhiệm trong đường lối của Ngài, và cách mà Ngài chọn để đến với từng người trong chúng ta thường là độc nhất vô nhị và không thể đoán trước được.

Thiên Chúa được gặp gỡ trong lịch sử cá nhân của tôi

Tôi xin nhắc lại điều chúng ta đã thấy : Thiên Chúa đã nói và tỏ mình ra một cách từ từ trong lịch sử của dân tộc Do Thái, và trọn vẹn nơi lịch sử của Chúa Giêsu thành Nadarét. Giờ đây tôi muốn thêm điều này : Thiên Chúa vẫn luôn hiện diện trong thế giới và lịch sử của chúng ta... mặc dù bề ngoài có thể đánh lừa. Thật vậy, Chúa Giêsu phục sinh là Emmanuel (x. Mt 1, 23), có nghĩa là, theo tiếng Do Thái, “Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta”; Chúa Giêsu phục sinh không hề rời bỏ thế giới chúng ta, trái lại, Người chính là “Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta” cho đến tận cùng thời gian, theo như

lời hứa của Người được ghi lại trong câu cuối của Tin Mừng Mát-thêu : «Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế.» (Mt 28, 20)

Vậy chúng ta nhận ra Người ở đâu ? Hôm qua cũng như hôm nay, Thiên Chúa muốn được nhận ra trong lịch sử. Chính nơi trung tâm những gì ta đang sống mà chúng ta được mời gọi nhận ra dấu vết của Thiên Chúa. Chính nơi chiều sâu của cái nhân loại mà chúng ta phải khám phá ra điều thiêng liêng. Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô hiện diện trong kinh nghiệm thường nhật và bình thường nhất của chúng ta : công việc, đời sống gia đình, những cuộc gặp gỡ hằng ngày, những dần thân xã hội ⁴⁶. Tóm lại, tất cả những gì làm nên thực tại cụ thể trong lịch sử đời sống mỗi ngày của chúng ta chính là nơi mà, cách dò dẫm, bập bề, chúng ta có thể sống một kinh nghiệm nào đó về Thiên Chúa ⁴⁷.

46 Không phải là chuyện phải lên đường đi tìm kiếm Thiên Chúa, mà là nhận ra rằng Ngài đang hiện diện trong cuộc đời của chúng ta, là mở ra cái nhìn nội tâm của mình. «Thật vậy, Đức Chúa đang ở nơi đây mà con không hề hay biết !» - Giacóp đã thốt lên như thế (St 28, 16).

47 Kinh Thánh trình bày cho chúng ta những biến cố tiêu biểu về cuộc gặp gỡ Thiên Chúa. Đó như là những kiểu mẫu, những hình mẫu về sự hiện diện và hành động của Thiên Chúa trong cuộc đời chúng ta, mà hai câu chuyện sau đây gọi lại.

Tôi xin lấy một ví dụ trong Kinh Thánh : câu chuyện hai lữ khách trên đường Emmau, vào ngày hôm sau sau cái chết của Chúa Giêsu, trở về nhà với vẻ mặt buồn rầu, mang theo hy vọng đã tan biến. Bạn có biết câu chuyện này không ? Nó được kể lại ở phần cuối của Tin Mừng theo thánh Luca (Lc 24, 13-35). Chúa phục sinh đã đến gặp họ trên đường và âm thầm đồng hành với họ. Họ quá bị cuốn vào những gì họ đang sống đến nỗi, như bản văn nói, «mắt họ bị ngăn cản không nhận ra Người» (câu 16). Phần tiếp theo của câu chuyện cho thấy cách mà dần dần họ đã nhận ra Chúa Giêsu. Trước hết, họ phải chấp nhận để cho những ước muốn quá hẹp hòi và vị kỷ của họ bị thách thức - họ đã ngây thơ bày tỏ rằng toàn bộ hy vọng của họ đặt vào việc Đấng Mêsia sẽ là một vị cứu tinh chính trị (câu 21) - và họ cũng phải mở rộng tầm nhìn của những khát vọng ấy bằng cách lắng nghe Lời Kinh Thánh (câu 25-27). Sự quan tâm của người lạ đối với những gì họ đang sống, thái độ lắng nghe của ông, và lời giải thích Kinh Thánh khiến lòng họ bừng cháy (câu 32) đã khiến họ ngỏ lời mời người bạn đồng hành bí ẩn ấy : “Ở lại với chúng tôi” (câu 29). Bạn biết phần còn lại rồi : khi họ cùng ngồi vào bàn, người lạ thực hiện một cử chỉ không thể nhầm lẫn : Người bẻ bánh, như Người đã từng làm bao lần trong đời sống trần thế với các môn đệ. Và lúc ấy,

người lạ trở nên quen thuộc với họ ; “mắt họ mở ra và họ nhận ra Người” (câu 31).

“Ở lại với chúng tôi.” Thật là một lời nguyện tuyệt đẹp ! Có lẽ là lời nguyện duy nhất mà chúng ta có thể thốt lên với Chúa khi chúng ta mệt mỏi, thất vọng hay ngập tràn sầu khổ. Một lời nguyện mà ta có thể lặp lại hàng trăm lần.

Tôi không có ý định ở đây bình giải toàn bộ câu chuyện dài về hành trình Emmau. Nhưng tôi muốn nêu bật hai hoặc ba điểm chạm đến chủ đề của chúng ta (và tôi mời bạn đào sâu hơn bằng cách tự mình đọc lại bản văn).

Câu chuyện Emmau dạy chúng ta rằng có những điều kiện để gặp gỡ Thiên Chúa trong chính cuộc sống của ta. Cần có một tâm hồn rộng mở và một khát vọng sống điều gì đó lớn hơn, một khát vọng mở lòng ra với những giá trị vượt lên trên cái kinh tế hay cái tôi ích kỷ.

Bản văn tuyệt đẹp về hành trình Emmau thực ra là một bản tóm lược, dưới hình thức kể chuyện, của cả một hành trình thiêng liêng. Nó cho thấy những chặng đường khác nhau trong cuộc gặp gỡ từ từ với Chúa. Nó chỉ cho ta những nơi ưu tiên để gặp gỡ Ngài. Qua câu chuyện này, thánh sử Luca nói với các Kitô hữu trong

cộng đoàn của ngài, và cũng đang nói với chúng ta hôm nay : “Anh chị em có đầy đủ mọi điều cần thiết để gặp gỡ Đấng là Thiên-Chúa-ở-cùng-chúng-ta” :

- Người hiện diện trong cuộc sống của anh chị em, Người bước đi trong chính những ưu tư của anh chị em: hãy mở lòng ra để nhận biết sự hiện diện ấy.

- Người hiện diện cách đặc biệt trong Kinh Thánh : hãy đọc Lời Chúa, để cho Lời ấy sưởi ấm lòng anh chị em qua việc suy niệm.

- Người hiện diện, sau cùng, trong việc bẻ bánh, tức là trong Bí tích Thánh Thể : ở đó có một sự hiện diện tròn đầy mà anh chị em sẽ nhận ra nếu đôi mắt đức tin của anh chị em được mở ra.

Ba nơi gặp gỡ Chúa này làm phong phú lẫn nhau : càng được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa và Thánh Thể, tôi càng có khả năng nhận ra sự hiện diện của một Người Đồng Hành đầy huyền nhiệm, Đấng lắng nghe tôi và nâng đỡ tôi giữa những vui buồn hy vọng và thất vọng hằng ngày. Và càng chăm chú nhận ra một Sự Hiện Diện (viết hoa) trong cái bình thường của đời sống mình, thì Lời Kinh Thánh và Thánh Thể lại càng trở nên ý nghĩa, và thật sự trở thành nơi gặp gỡ đích thực ⁴⁸.

48 Việc gặp gỡ Thiên Chúa trong sự cô tịch của cầu nguyện

Khi nhìn lại kinh nghiệm của hai lữ khách trên đường Emmau, tôi ghi nhận rằng những hoàn cảnh của tang thương hay thất bại thường trở thành cơ hội để đào sâu cuộc sống của mình, đi vào tận đáy lòng, đặt lại câu hỏi về ý nghĩa đời sống, và gặp gỡ Thiên Chúa ⁴⁹. Đó chẳng phải cũng là kinh nghiệm của bạn sao ? Khi ta trải qua một cú sốc lớn, ta có thể tìm lại được một sức sống mới, nếu ta dừng lại và lắng nghe một Sự Hiện Diện nơi sâu thẳm của chính mình. “Thiên Chúa thân mật với tôi hơn chính tôi nữa,” thánh Augustinô đã nói như vậy ⁵⁰.

cũng giúp chúng ta nhận ra sự hiện diện của Người nơi người khác cách rõ ràng hơn. Gương mẫu của chúng ta chính là Đức Giêsu đang cầu nguyện, điều thường xuyên được kể lại trong các sách Tin Mừng.

49 Biến cố đau thương của dân Do Thái bị lưu đày tại Babylon đã trở thành cơ hội để họ khám phá lại Thiên Chúa của mình và xây dựng một mối tương quan mới với Ngài. Chính trong thời kỳ lưu đày ấy, những bản văn được coi là đẹp nhất trong Kinh Thánh đã được sáng tác. Gần gũi hơn với chúng ta : biết bao người đã mở lòng ra với câu hỏi về Thiên Chúa vào lúc mất đi một người thân yêu ! (Xem «Thiên Chúa có ưu ái dân của Người không ?» ; «Sự thinh lặng của Thiên Chúa» ; «Thiên Chúa, một vị thẩm phán ?»)

50 Từ câu tiếng La-tinh «Deus intimior intimo meo» : Thiên Chúa ở sâu trong tôi hơn cả chính tôi.

Có một đoạn trong sách các Vua mà tôi rất thích quay lại đọc. Đó là trong sách 1 Các Vua (chương 19, câu 11-13). Đoạn này kể lại điều đã xảy ra với ngôn sứ Êlia, người đã đi bốn mươi ngày trong sa mạc để đến gặp Thiên Chúa trên núi Sinai. Khi tới nơi, ông qua đêm trong một hang đá. Sáng hôm sau, có một tiếng nói nói với ông :

“Hãy ra ngoài và đứng trên núi trước mặt ĐỨC CHÚA. Kia ĐỨC CHÚA đang đi qua.” Gió to bão lớn xé núi non, đập vỡ đá tảng trước nhan ĐỨC CHÚA, nhưng ĐỨC CHÚA không ở trong cơn gió bão. Sau đó là động đất, nhưng ĐỨC CHÚA không ở trong trận động đất. Sau động đất là lửa, nhưng ĐỨC CHÚA cũng không ở trong lửa. Sau lửa có tiếng gió hiu hiu. Vừa nghe tiếng đó, ông Ê-li-a lấy áo choàng che mặt, rồi ra ngoài đứng ở cửa hang. Bấy giờ, có tiếng hỏi ông : “Ê-li-a, ngươi làm gì ở đây ?”

Êlia chạy trốn khỏi đất nước Do Thái vì bị hoàng hậu Giêzabel đe dọa giết. Ông nghi ngờ ơn gọi ngôn sứ của mình và muốn chết. Bị lay chuyển trong đức tin, ông cần được nâng đỡ, cần sống một kinh nghiệm về Thiên Chúa, cần được trấn an về chính Thiên Chúa. Ông đến núi Sinai, nhưng ở đó, ông không sống lại kinh nghiệm gặp gỡ Thiên Chúa mà Môsê đã từng trải qua. Thiên

Chúa không hiện ra trong cơn bão, sấm sét hay chớp sáng, như Người đã từng làm với Môsê tại chính núi Sinai đó. Không có gì là ngoạn mục cả. Thay vào đó, ông phải nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa trong tiếng thì thầm của làn gió nhẹ... Điều này thật giống với cuộc sống của tôi, và có lẽ là của bạn nữa, ít nhất là đối với phần lớn chúng ta, tôi nghĩ vậy. Thiên Chúa không ép mình vào đời ta qua những phép lạ lớn lao hay những thị kiến phi thường. Người đến nhẹ nhàng, như một làn gió mát lành dễ chịu... Nhưng điều kiện là ta phải quyết định bước ra khỏi hang đá của mình, phải mở ra khỏi vỏ bọc khép kín của sự co rút nội tâm, nếu muốn gặp Ngài, nếu muốn cảm nhận làn gió mát ấy...

Để học cách trở về với nội tâm của mình và nhận ra sự hiện diện thân mật của Thiên Chúa, tôi mời bạn suy niệm và cầu nguyện với Thánh Vịnh 139, bắt đầu như sau :

*Lạy CHÚA, Ngài dò xét con và Ngài biết rõ,
biết cả khi con đứng con ngồi.*

*Con nghĩ tưởng gì, Ngài thấu suốt từ xa,
đi lại hay nghỉ ngơi, Chúa đều xem xét,*

mọi nẻo đường con đi, Ngài quen thuộc cả. (c 1-3)

Thiên Chúa được gặp gỡ trong lịch sử tập thể của chúng ta

Ở đây, tôi chỉ đơn giản muốn mở rộng những điều tôi vừa trình bày về cuộc gặp gỡ Thiên Chúa trong đời sống cá nhân sang các biến cố của thế giới chúng ta. Nhiều người cảm thấy khó mà nhận ra Thiên Chúa đang hiện diện trong thế giới này. Người ta chỉ có thể nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa trong thế giới khi có một điều kiện, điều mà thường khi lại không có : đó là tin rằng thế giới của chúng ta vốn căn bản là tốt lành. Và tuy vậy, đó chính là cái nhìn mà Thiên Chúa đã dành cho thế giới. Chúng ta hãy nhớ lại bài tường thuật về công trình tạo dựng trong sách Sáng Thế : «Và Thiên Chúa thấy rằng điều đó là tốt lành... rất tốt lành» (St 1, 10-31). Chính Thiên Chúa mời gọi chúng ta tin rằng thế giới của chúng ta, xét về cốt lõi, là tốt ; tin rằng thật là điều tốt lành khi được sống trong thế giới hôm nay ; tin rằng thật là điều tốt khi được sống, khi được làm người. Đó là điều kiện để khám phá ra rằng Thiên Chúa hiện diện trong thế giới này và rằng Thiên Chúa là Đáng tốt lành ⁵¹.

51 Ngôn ngữ nói về Thiên Chúa đã ghi dấu trong lịch sử Giáo hội của chúng ta phần lớn được hình thành dựa trên các phạm trù đến từ triết học Hy Lạp cổ đại : Hữu thể tối cao, hữu thể bất biến, hành động thuần túy, v.v. Lối giáo huấn này về Thiên

Cái nhìn đầy thiện cảm đối với thế giới, chính là cái nhìn mà chúng ta cần học để nhìn vào người khác, và bắt đầu từ chính bản thân mình. Tôi nghĩ rằng mỗi người trong chúng ta đều tốt hơn cái nhìn mà mình thường dành cho bản thân. Nơi mỗi người, trong mỗi người trong chúng ta, động lực của sự tốt lành và quảng đại mạnh mẽ hơn ích kỷ. Đáng tiếc là, động lực quảng đại ấy, nguồn suối vọt trào từ cốt lõi hiện hữu của chúng ta, lại thường rơi vào trạng thái ngủ mê. Bạn có để ý rằng động lực ấy thường bùng tỉnh trong những thảm họa tập thể không ? Hãy nhớ lại những hành động liên đới tuyệt vời đã thể hiện giữa chúng ta trong các thảm họa gần đây: trận lụt ở Saguenay và sông Rouge tại Manitoba vào các năm 1996 và 1997, cơn bão băng và vụ nổ ở trung tâm tiếp nhận Bonneau tại Montréal năm 1998... Điều tốt đẹp nhất trong mỗi người đã được đánh thức; chỉ có rất ít kẻ lợi dụng bất hạnh của người khác một cách ích kỷ.

Thiên Chúa hiện diện trong lịch sử của chúng ta, nhưng Người đặc biệt gắn bó với tất cả những gì, trong lịch sử của chúng ta, là chuyển động hướng về sự sống, hướng đến một nhân tính sâu sắc hơn ; khi đó, Nước

Chúa khiến cho việc suy tư về sự hiện diện của Thiên Chúa trong lịch sử cá nhân và tập thể của chúng ta trở nên khó khăn hơn.

Thiên Chúa được xây dựng, nghĩa là sự hiệp thông giữa con người với nhau và với Thiên Chúa được dệt nên nhiều hơn một chút. Trong những tình huống mang tính nhân bản, chúng ta có nhiều khả năng hơn để sống một kinh nghiệm thiêng liêng, một kinh nghiệm về Thiên Chúa của Đức Giêsu. Điều này đưa tôi đến điểm thứ ba của mình.

Thiên Chúa được gặp gỡ trong những dấu chỉ và kinh nghiệm đặc biệt

Thật đẹp khi nói rằng Thiên Chúa tự ban mình để được gặp gỡ trong đời sống hằng ngày của chúng ta và trong các biến cố của thế giới. Thật đúng khi nói điều đó, nhưng có lẽ hơi dễ dàng. Thiên Chúa không tự hiển lộ ngay lập tức, như thế, trong thế giới của chúng ta. Ngài không đơn giản chỉ là một thực tại trong cuộc sống hay trong lịch sử của chúng ta. Để gặp được sự hiện diện của Ngài, ta không thể chỉ dừng lại ở bề mặt của sự vật; điều đó, tôi đã nói rồi. Nhưng cần phải nói thêm nữa, vì ngày nay có quá nhiều sự lẫn lộn về Thiên Chúa, đến từ các trào lưu gọi là Tân thời đại. Gần đây, một cuốn sách đã khá phổ biến tại Québec, ngay cả với các nhân viên mục vụ. Tựa đề của nó ? *Tôi là thần linh*. Những trào lưu khác thì nói về một vị thần vũ trụ, một thần năng lượng... Cần phải nói rõ ràng : Nếu Thiên

Chúa hiện diện trong thế giới vũ trụ của chúng ta, đặc biệt là trong tất cả những gì đích thực là con người, thì Ngài không vì thế mà đồng nhất với vũ trụ và với con người (xem “Thiên Chúa trong thiên nhiên”). Nếu Ngài không xa cách với thế giới của chúng ta, thì Ngài cũng không bị đồng hóa với thế giới ấy. Ngày nay cũng như ngày xưa, những thực tại trong thế giới của chúng ta là những trung gian, những dấu chỉ hướng về Thiên Chúa. Chỉ là như thế, nhưng cũng là tất cả như thế !

Tôi cần phải nói rõ hơn. Trong thế giới của chúng ta, có những hành động, những biến cố, đặc biệt biết nói, đặc biệt chỉ dẫn, và thậm chí mang lấy chính Thiên Chúa. Chúng là gì?

Nếu Thiên Chúa là Tình Yêu, thì những dấu chỉ và nơi chốn ưu tiên cho sự hiện diện của Người sẽ thuộc về trật tự của tình yêu. Thật vậy, tình yêu chỉ được nhận biết qua tình yêu. Chính qua tình yêu mà người ta bước vào trong lãnh vực thần linh. Chúng ta hãy lấy hai đoạn trích từ thư thứ nhất của thánh Gioan :

Anh em thân mến, chúng ta hãy yêu thương nhau, vì tình yêu bắt nguồn từ Thiên Chúa. Phàm ai yêu thương, thì đã được Thiên Chúa sinh ra, và người ấy biết Thiên Chúa.

Ai không yêu thương, thì không biết Thiên Chúa, vì Thiên Chúa là tình yêu. [...]

Thiên Chúa chưa ai được chiêm ngưỡng bao giờ. Nếu chúng ta yêu thương nhau, thì Thiên Chúa ở lại trong chúng ta, và tình yêu của Người nơi chúng ta mới nên hoàn hảo. (1 Ga 4, 7-8.12)

Những kinh nghiệm nhân loại của tình yêu đã nhận và đã trao là những nơi chốn ưu tiên để nhận biết Thiên Chúa, để gặp gỡ Thiên Chúa. Nhưng cần phải hiểu rõ về tình yêu, tình yêu đích thực. Đó là một tình yêu thật sự hướng về người khác, là ước muốn chân thành điều thiện cho tha nhân, như chính tình yêu mà Thiên Chúa dành cho chúng ta. Những dấu chỉ tuyệt hảo về Thiên Chúa trong thế giới của chúng ta, những nơi chốn gặp gỡ Ngài, chính là tất cả những hành động được thực hiện trong đường hướng của tình yêu nhưng không của Thiên Chúa dành cho chúng ta. Chúng là tất cả những hành động được đặt trong cùng một dòng chảy với những hành động mà chính Đức Giêsu đã thực hiện trong thế giới của Người, Người là hình ảnh hoàn hảo của Thiên Chúa giữa lòng nhân loại chúng ta : những hành động nâng cao giá trị con người, cảm thông, xoa dịu đau khổ, tha thứ, v.v.⁵² Chúa Giêsu đã gọi các môn

⁵² Suy niệm về tình yêu trọn vẹn và nhưng không mà Đức Giê-

đệ của Người - Người vẫn đang gọi chúng ta hôm nay sống theo cùng một kiểu hành xử như của Người. Người mời gọi chúng ta trở thành, qua những hành động yêu thương nhưng không đối với người khác, những dấu chỉ của Thiên Chúa trong hiện tại của thế giới này.

Nhân loại hôm nay cần hơn bao giờ hết những hành động nhưng không dành cho tha nhân để mở ra trước câu hỏi về sự hiện hữu của Thiên Chúa. Những hành động sẽ là dấu chỉ ấy không thuộc loại kỳ diệu hay phép lạ. Chúng là những hành động bày tỏ điều phi thường trong cái bình thường. Chúng biểu lộ cái “phi thường”, vì các giá trị của sự trao ban nhưng không và sự tha thứ không phải là những giá trị đang được xã hội chúng ta hiện nay tôn vinh. Những hành động ấy đặt ra câu hỏi, đánh thức một vấn nạn : Ai (Cái gì) đang ở phía sau những điều ấy ? ⁵³

su đã biểu lộ, các môn đệ của Người, sau khi Người qua đời, đã có thể nói: trong Người, có điều gì đó hơn cả nhân tính của chúng ta ; Người được cư ngụ bởi một Sự Hiện Diện; trong Người, có Thiên Chúa. Kinh nghiệm sống của họ với Chúa Giêsu xác nhận điều mà chính Người đã tuyên bố về mình : Người là Con của Chúa Cha.

53 Một nhà thần học lớn, Hans Urs von Balthasar, đã viết một cuốn sách với tựa đề đầy ý nghĩa: «Chỉ tình yêu mới đáng được tin». Tình yêu mời gọi đến đức tin và làm cho hành vi tin tưởng trở nên chính đáng.

Vậy thì, chúng ta làm chứng về Thiên Chúa mỗi khi chúng ta thực hiện một hành động thuộc lãnh vực lòng trắc ẩn và sự cho đi vô vị lợi. Tôi xin nói thêm: không chỉ là một “chúng ta” hiểu theo nghĩa cá nhân, tức là từng người trong chúng ta, mà còn là một “chúng ta” tập thể, một “chúng ta” của Giáo hội. Thật vậy, trong câu chuyện được kể lại trong Kinh Thánh - Cựu Ước và Tân Ước - Thiên Chúa đã tự mặc khải mình trước hết qua chúng tá của các cộng đoàn đức tin hấp dẫn bởi chất lượng đời sống của họ : trong dân tộc trung thành với Giao ước đầu tiên ; trong nhóm các môn đệ đầu tiên, những người, dưới sức mạnh của Thánh Thần vào ngày lễ Ngũ Tuần, đã cố gắng sống lý tưởng của “sự hiệp thông huynh đệ” được mô tả ở đầu sách Công vụ Tông đồ (Cv 2, 42-47 ; 4, 32-35) ; trong các cộng đoàn Kitô hữu qua nhiều thế kỷ của lịch sử Giáo hội, những cộng đoàn đã nghiêm túc sống theo Tin Mừng. Còn ngày nay thì sao ? Các cộng đoàn Kitô hữu của chúng ta có phải là những cộng đoàn hấp dẫn bởi chất lượng đời sống và những hành động tràn đầy lòng thương xót không ? Mỗi khi các cộng đoàn Kitô hữu của chúng ta quy tụ lại để cử hành tình yêu nhưng không của Chúa Cha, và mỗi khi họ làm chứng cho Tình yêu ấy bằng thái độ cảm thông và những hành động yêu thương mang lại sự giải thoát, thì người ta có thể hướng ánh mắt về họ để nhận

ra sự hiện diện của Thiên Chúa. Ở đó có một “tiếng thì thầm” về Thiên Chúa khiến người ta khao khát quay về với nguồn mạch ⁵⁴.

Chúng ta lớn lên trong căn tính làm con trai, con gái của Thiên Chúa Cha mỗi lần chúng ta đón nhận tình yêu nhưng không của Ngài và thực hiện một hành động yêu thương vô vị lợi trong cuộc sống. Chúng ta hãy trở lại với dụ ngôn hôm qua (Lc 15, 11-32) và, sau khi đã chiêm ngắm người cha, hãy nhìn đến hai người con mà tự hỏi : Họ có thật sự gặp gỡ cha mình không ? Họ có nhận ra ông là cha không ? Họ đã trải qua một kinh nghiệm lớn, một kinh nghiệm cho phép họ nhìn thấy cha mình là ai. Nhưng trong dụ ngôn, họ có thật sự là con của cha mình không ?

Tôi muốn làm rõ câu hỏi của mình. Chúng ta hiểu rằng, đối với người cha, họ luôn luôn là con của ông. Nhưng còn họ, họ có cư xử như những người con đích thực không ? Để trả lời câu hỏi này cách sâu sắc hơn, ta có thể đặt lại như sau : Theo quan điểm của người cha, điều gì mới thực sự là “trở thành con”, là bước vào một

54 Hãy cùng nhau nhớ lại lời cầu nguyện truyền giáo của Chúa Giêsu : «Xin cho họ nên một, như chúng ta là một [...] để thế gian tin rằng chính Cha đã sai con, và rằng Cha đã yêu thương họ như đã yêu thương con.» (Ga 17, 22-23; xem thêm các câu 11 và 21)

mối tương quan làm con đáp lại tình phụ tử của ông ?

Thiên Chúa được gặp gỡ theo những cách riêng và nhiệm mầu

Dù tôi đã nói nhiều về việc Thiên Chúa tỏ mình và được nhận biết trong lịch sử, tôi cần kết lại bằng một điều: Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô vẫn luôn là một mầu nhiệm, và cách gặp gỡ Người thường không thể đoán trước và có thể làm ta bối rối. Thánh Phaolô, người đã từng được Thiên Chúa chạm đến một cách mãnh liệt, chẳng đã thốt lên trong thư gửi tín hữu Rôma : «Ôi sâu thẳm thay là sự phong phú, khôn ngoan và thông biết của Thiên Chúa ! Các quyết định của Người thật khôn dò, đường lối của Người thật không thể dò thấu !» (Rm 11, 33) ?

Thiên Chúa khác biệt hoàn toàn và vô cùng cao cả hơn mọi dấu chỉ mà chúng ta có về Người, cũng như vượt quá mọi khái niệm và lời lẽ mà chúng ta dùng để diễn tả về Người. Không chỉ đối với những người không tin, mà ngay cả với những người tin như chúng ta, Thiên Chúa vẫn mãi là một mầu nhiệm mà chúng ta không bao giờ khám phá hết, một mầu nhiệm vượt trên chúng ta, nhưng lại ở trong chính thực tại của chúng ta.

Thiên Chúa hiện diện và hành động trong lịch sử của chúng ta, thế nhưng cách Ngài can thiệp vẫn luôn khó đoán và đôi khi khiến ta kinh ngạc. Điều này đã xảy ra từ thời Kinh Thánh. Thiên Chúa đã tỏ mình ra một cách mạnh mẽ trong những hoàn cảnh không ai ngờ tới: khi Môsê đang chăn chiên trên núi Horeb (Xh 3) hay khi Ghêđêôn đang đập lúa trong bồn ép nho (Tl 6), v.v. Ngài chọn, để làm chứng cho sự Hiện diện và Lời của Ngài, những con người không có địa vị : người con út của Giêsê, tên là Đavít (1 Sm 16) ; những nông dân nghèo, như Êlisa (1 V 19, 19-20) hay Amôt (Am 7, 14), là những người sẽ trở thành ngôn sứ của Ngài ; một thiếu nữ bình thường nơi làng quê xa xôi Nadarét, tên là Maria ; và nhất là, con trai của Maria, một người thợ mộc khiêm nhường tên là Giêsu, Đấng sẽ trở thành dấu chỉ lớn lao của Thiên Tính nơi nhân loại. Cuộc đời của Chúa Giêsu cho thấy Thiên Chúa biểu lộ sự hiện diện và tình yêu của Ngài bằng những cách thế bất ngờ nhất, và Ngài được nhận ra bởi những người mà ta nghĩ là rất xa Ngài : những người tội lỗi và những người thu thuế, những cô gái điếm và những người ngoại giáo đối với Thiên Chúa của dân Do Thái, những người không sống đạo.

Sự hiện diện và hành động của Thiên Chúa trong thế giới hôm nay của chúng ta, cũng như trong thế giới ngày xưa, vượt quá mọi sự kiểm soát và nắm bắt.

Thiên Chúa chắc chắn vẫn tiếp tục nói với chúng ta theo cách tương tự như thời Kinh Thánh, bởi vì Thiên Chúa vẫn là Đấng như nhau đối với chúng ta cũng như với các tổ tiên trong đức tin của chúng ta. Tuy nhiên, trong những xã hội và văn hóa của chúng ta ngày nay, vốn khác với những thời đại đã qua, Thiên Chúa chắc chắn đang nói với chúng ta qua những dấu chỉ mới. Với tư cách là những cá nhân và là Giáo Hội, chúng ta được mời gọi lắng nghe và phân định những con đường mà Thiên Chúa dùng để tự mạc khải hôm nay trong thế giới chúng ta.

Tôi ước mong từ tận đáy lòng rằng xác tín sau đây sẽ in sâu trong tâm hồn chúng ta : giống như hai người con trai trong dụ ngôn Luca chương 15, Thiên Chúa đến bước về phía tôi ; Ngài đi tìm kiếm tôi. Ngài định kỳ đặt vào đời tôi những dấu chỉ về sự hiện diện của Ngài, những dấu chỉ riêng biệt, độc nhất đối với tôi. Như các đạo sĩ, tôi không được ngừng là một người tìm kiếm Thiên Chúa, một người hành hương đi tìm Thiên Chúa. Tôi cần phải ngược mắt lên trời, phân định ngôi sao của mình... và đi theo ngôi sao ấy (Mt 2). «Có một ngôi sao

cho bạn ; có một ngôi sao cho mỗi người trong chúng ta.» (Angele Arsenault)

Kết luận

Kết luận của tôi như sau. Một Thiên Chúa chỉ là Tình Yêu thì không thể áp đặt bản thân. Một Thiên Chúa-Tình Yêu chỉ có thể mời gọi một lời đáp trả trong tình yêu. Bởi vì bản chất của tình yêu là phải tự do : là tự hiến một cách tự do và được đón nhận một cách tự do. Tình yêu tự hiến mình gần như trong sự bất lực. Thiên Chúa là Cha yêu thương thì không thể ép buộc. Người tôn trọng tự do của chúng ta để chọn Ngài hay không, như được minh họa rõ nét qua thái độ của Ngài đối với hai người con trai trong dụ ngôn Luca chương 15. Theo nghĩa nào đó, Ngài “bất lực” trước phản hồi của chúng ta ⁵⁵.

Vì vậy, Thiên Chúa là Cha không phải là một sự hiển nhiên có thể áp đặt lên trí khôn chúng ta. Vậy làm sao chúng ta gặp được Ngài ? Sau cùng, cần phải nói rằng : trong đức tin. Đó là lý do tại sao chúng ta nói: «Tôi tin kính Thiên Chúa là Cha...». Cần phải chấp nhận rủi ro của đức tin. Khi đó, mọi thứ dần dần trở nên sáng tỏ.

55 Chính theo nghĩa này mà một số tác giả, đặc biệt là Maurice Zundel, nói đến sự mong manh của Thiên Chúa. (Xem «Những cảm xúc của Thiên Chúa», tr. 99)

Anh chị em biết không, nhiều khi chúng ta xin Thiên Chúa một dấu chỉ để có thể tin vào sự hiện diện của Người. Chúng ta giống như những người đồng thời với Chúa Giêsu, những người đã đòi hỏi Người một dấu từ trời ⁵⁶. Không nên đi tìm dấu chỉ để có thể tin. Trái lại, cần phải tin để có thể thấy các dấu chỉ được trao cho chúng ta. Chính trong đức tin mà các dấu chỉ trở nên thực sự “nói được”. Chính khi dám chấp nhận rủi ro của đức tin và chọn tình yêu, chúng ta mới hiệp thông với Đấng là nguồn cội của sự hiện hữu chúng ta và khám phá điều kỳ diệu: chúng ta được nhận biết là hình ảnh của Người.

Thời Gian Suy Niệm

Tôi gặp Thiên Chúa trong đời mình như thế nào ?

⁵⁶ Mt 12, 38; Lc 11, 16; Ga 6, 30.

4. Trở Thành Con Trai Và Con Gái Của Cha Chúng Ta

Marcel Dumais

Nhận ra Thiên Chúa là Cha, đón nhận tình yêu của Chúa Cha, không có nghĩa là dấn thân vào một cuộc sống dễ dãi, buông thả, hoàn toàn không phải vậy! Đó là một điều vô cùng đòi hỏi ! Tình yêu thì đòi hỏi. Sống theo chiều hướng của tình yêu đòi hỏi nhiều hơn nhiều so với việc chỉ tuân thủ các lề luật hay coi đời sống Kitô hữu là trung thành với các thực hành và giới răn. Nhưng những đòi hỏi này phù hợp với bản chất của chúng ta, với điều tốt đẹp nhất nơi chúng ta. Đó là những đòi hỏi dẫn đến sự sống, đến sự trưởng thành, để chúng ta trở thành chính mình.

Tình yêu thì đòi hỏi ! Có những người từ chối yêu, và thậm chí từ chối được yêu, vì họ cảm thấy rằng điều đó ràng buộc họ. Thế nhưng, họ lại khát khao tình yêu một cách mãnh liệt! Không có tình yêu nào mà không đi kèm với đau khổ (x. những đòi hỏi trong “Thánh thi về tình yêu” nổi tiếng, 1 Cr 13).

Thiên Chúa là Đáng tốt lành, vô cùng tốt lành, nhưng Ngài không phải là một người cha yếu đuối, dễ dãi ! Ngài không thể là Cha của chúng ta nếu chúng ta không

chấp nhận trở thành con trai, con gái của Ngài, nếu chúng ta không cam kết sống như những người con của Ngài. Vậy điều đó có nghĩa gì, trở thành con trai và con gái của Cha chúng ta ? Đó là điều tôi muốn cùng các bạn tìm hiểu qua hai đoạn then chốt của Tin Mừng: một đoạn chúng ta đã xem, dụ ngôn hai người con trai trong Lc 15; và đoạn kia thì mới trong cuốn sách này nhưng cũng rất quen thuộc, lời mời gọi đáp lại điều ác bằng điều thiện và yêu kẻ thù của mình, được đọc trong Bài giảng trên núi ở Mt 5, 38-48.

Hai người con trong dụ ngôn của thánh Luca 15

Trong chương hai, tôi đã thu hút sự chú ý của bạn vào người Cha trong dụ ngôn. Bây giờ là lúc để xem xét hành vi của hai người con : hai người con đó đại diện cho chúng ta, tất cả chúng ta. Đôi khi chúng ta giống người này, đôi khi giống người kia. Chúng ta như vậy cả với tư cách cá nhân và trong tư cách là Giáo Hội... Cách sống và hành xử của người Cha dường như là một lý tưởng. Chúng ta có tin rằng đó là một mẫu gương mà chúng ta, những con người giới hạn và yếu đuối, được mời gọi để noi theo ?

Tôi xin phép quay lại dụ ngôn này, vì nó phong phú đến mức chúng ta không bao giờ có thể khai thác hết ý nghĩa của nó. Thực tế, chúng ta hiểu dụ ngôn này theo

một cách khác nhau, càng sống chúng ta càng đi sâu vào ý nghĩa của nó. Tôi chỉ đơn giản muốn chia sẻ với các bạn một chút về việc tôi đang ở đâu trong suy tư của mình về câu hỏi tôi đã đặt ra ở cuối chương trước. Các bạn biết đó, một dụ ngôn là một ngôn ngữ hình ảnh, biểu tượng, luôn luôn mời gọi chúng ta suy nghĩ. Chúng ta không thể nói : Rõ ràng là Chúa Giêsu muốn nói điều này hay điều kia qua dụ ngôn. Những gợi ý của tôi chỉ nhằm kích thích sự suy tư cá nhân của bạn về dụ ngôn không bao giờ cạn này.

Câu hỏi của tôi là : Hai người con có gặp được cha của họ không ? Họ có nhận ra ông là cha không ? Trong dụ ngôn, họ có thực sự tỏ ra là con trai của cha họ không ? Dụ ngôn cho chúng ta thấy rõ ràng rằng, đối với người cha, họ luôn luôn là con trai của ông, bất kể họ đã làm gì. Nhưng còn họ thì sao, họ có cư xử như những người con đích thực không ? Họ có có một thái độ đáp lại thái độ của người cha dành cho họ không ? Họ có có một mối quan hệ làm con tương ứng với mối quan hệ làm cha của ông không ? Làm con thì tương quan với làm cha.

Trước tiên, hãy xét đến người con cả :

Anh ta cư xử như thế nào ? Anh từ chối vào nhà để cùng chung vui với việc người em trở về. Anh không

tha thứ cho người em, và thậm chí không còn gọi em là “em” nữa : anh nói “thằng con của cha đó” (c. 30). Anh đã cắt đứt mối liên hệ huynh đệ. Anh từ chối công nhận người em là em mình chỉ vì những gì cậu ta đã làm : bỏ nhà ra đi, tiêu xài tài sản “với gái điếm” (chi tiết này do anh tự thêm vào, không có trong đoạn văn trước đó).

Vậy còn mối quan hệ của anh với người cha thì sao? Anh không bao giờ gọi ông là “cha”. Mối quan hệ của anh với cha giống như giữa một người đầy tớ với ông chủ : “ Bao nhiêu năm nay con hầu hạ cha, không hề trái lệnh cha bao giờ ⁵⁷” (c. 29). Anh sống trên bình diện của luật lệ, của các mệnh lệnh do người cha (Thiên Chúa) đặt ra. Anh không sống trong sự tự do của một tình yêu được đón nhận và được chia sẻ. Khi tình yêu của cha anh biểu lộ với những đặc tính đặc biệt của nó là sự nhưng không và tha thứ, thì anh lại lên án. Anh xét đoán cách hành xử của cha một cách nghiêm khắc. Tội của người anh cả không phải là vi phạm các luật lệ; mà là không mở lòng đón nhận tình yêu. Tội lỗi của người anh cả không phải là vi phạm các luật lệ; mà là không mở lòng đón nhận tình yêu.

57 Động từ Hy Lạp *douleuô*, được dịch ở đây là “con hầu hạ cha”, mang nghĩa, tùy theo ngữ cảnh, là phục vụ hoặc làm nô lệ. Có thể nói rằng người con cả sống thân phận làm con như một sự nô lệ.

Sự trở về của người em là cơ hội để bộc lộ người anh cả là ai, hay đúng hơn, là ai anh ta không phải. Người anh cả không thực sự là con, cũng không thực sự là anh: không phải là con của cha mình, cũng không phải là anh của em mình. Hành trình để trở thành người con đích thực sẽ đòi hỏi nơi anh ta rất nhiều : anh ta sẽ phải nhận em mình là em, nghĩa là phải tha thứ cho em, đặc biệt là tha thứ vì em đã được nhận lại cách nhưng không mà không phải lao động hay xứng đáng như anh ta ⁵⁸; anh ta sẽ phải nhận em mình là em để từ đó có thể thực sự nhận cha mình là người cha như ông vốn là. Nhưng nếu anh ta thực hiện được hành trình đó, thì quả là một bước tiến rất lớn ! Liệu anh ta có thực hiện bước đi đó không? Liệu anh ta có đáp lại lời mời của cha mình không ? Kết thúc câu chuyện không được kể rõ. Câu hỏi vẫn để ngỏ. Câu hỏi đó, sau cùng, là dành cho chúng ta, những người đọc. Chúng ta phải trả lời bằng chính đời sống của mình !

58 Tin Mừng theo thánh Mát-thêu cũng chứa đựng một dụ ngôn nói về Thiên Chúa, Đấng đảo ngược những tiêu chuẩn công bằng báo ứng mà chúng ta thường áp dụng một cách tự nhiên cho Thiên Chúa : dụ ngôn về Ông Chủ vườn nho trong Mt 20, 1-15. Ông chủ (tức là Thiên Chúa) ban phát một cách dư dật ngay cả cho những người không xứng đáng. Thái độ này cũng để lại cho chúng ta một câu hỏi : «Mất anh ganh tị vì tôi nhân lành chăng?» (Mt 20, 15)

Còn người em thì sao ?

Với cậu, mọi sự ít rạch ròi hơn. Ban đầu, ta thấy cậu cắt đứt “sự hiện diện cùng với” cha mình (hãy chú ý rằng đây chính là điều mà người cha nhấn mạnh với người anh : “Con à, lúc nào con cũng ở với cha” câu 31). Điều cậu quan tâm là tài sản (“Xin chia cho con phần gia tài” câu 12) và tự do, rời xa cha mình (“Anh ta lên đường đi đến một miền xa” câu 13). Nhưng rồi cậu trải qua một kinh nghiệm đau thương : tất cả những gì mình mong muốn, cậu đều mất, tức là tài sản (“anh ta tiêu hết sạch” câu 14) và tự do (“anh ta phải đi làm thuê cho một người dân” câu 15).

Trong hành trình trở về, hình ảnh mà cậu diễn tả về cha mình vẫn chỉ là một người cung cấp vật chất : “bao nhiêu người làm công của cha ta có dư dật bánh ăn” (câu 17) ; điều này tương ứng với lời yêu cầu ban đầu : “Xin chia cho con phần gia tài” (câu 12). Dĩ nhiên, cậu đã can đảm “hỏi tâm” (câu 17), đứng lên trở về với cha - người mà cậu không ngừng gọi là “cha” (ba lần trong các câu 18 và 21) - và cậu sẵn sàng nhận lỗi, trong một thái độ khiêm nhường và chân thật : “Thưa cha, con đã phạm tội với trời và với cha” (câu 18). Nhưng lời xưng thú đó có vẻ giống như một mưu lược để được ăn ⁵⁹

59 Anh ta, theo một cách nào đó, có một phản xạ sinh tồn. Đó

("[...] ở đây con chết đói mất. [Vậy nên] con sẽ đứng lên, đi về cùng cha và sẽ nói với cha rằng" câu 17). Và khi trở về, cậu đứng ở vị trí nào đối với cha mình ? Cậu nói : "Con không còn đáng gọi là con cha nữa. Xin coi con như một người làm công của cha vậy" (câu 19). Cậu đặt mình trong tương quan công bằng với cha. Khi quay về, cậu vẫn chưa có một hình ảnh đúng đắn về cha mình : là một người cha tha thứ cách nhưng không, không đối xử với con cái theo công trạng... Ngay cả sau khi đã được cha tha thứ nhưng không, cậu vẫn giữ với ông một tương quan trên bình diện công bằng : "Con không còn đáng..." (câu 22). Tóm lại, trong trình thuật, người em vẫn đặt mình trước cha mình trên bình diện của cải và công trạng, chứ không phải trên bình diện của căn tính : một người con xứng với tình cha.

Dĩ nhiên, người con út là người được hưởng nhiều nhất lòng nhân hậu của người cha : anh ta nhận được sự tha thứ ; được phục hồi địa vị và quyền lợi làm con; anh ta trở thành "trung tâm của một bữa tiệc". Nhưng liệu anh ta có nhận ra lòng tốt ấy không ? Liệu sự mặc khải về cách mà cha anh sống vai trò làm cha có là cơ hội để anh thay đổi cái nhìn về cha mình và cách anh tự định vị với cha không ? Chúng ta không biết. Câu hỏi vẫn bỏ ngỏ, như với người anh cả.

là cơ hội cuối cùng mà anh ta có để không chết.

Vậy, rốt cuộc làm con là gì ? Phải chờ đến cuối câu chuyện mới có thể hiểu rõ được. Làm con không được mặc khải thực sự qua hành vi của người em, mà qua hành vi của người cha và hành vi của người anh cả. Vì dụ ngôn này, rốt cuộc, đặt chúng ta trước hai lối hành xử đối lập mà chúng ta phải chọn lựa : cách hành xử của người cha và cách hành xử của người anh. Người nghe phải đưa ra lựa chọn ! Đó là một lựa chọn ủng hộ hay chống lại hình ảnh lòng thương xót mà Chúa Giêsu trình bày về Thiên Chúa. (M. Dumais, *Hiện tại hóa Tân Ước*, Nhà xuất bản Cerf, Paris, 1981, tr. 84)

Người anh cả và người em út, cả hai đều đang trên hành trình để trở thành con. Điều này mang lại niềm an ủi cho chúng ta, bởi vì hai người con ấy đại diện cho chính chúng ta ! Điều này cho thấy tất cả chúng ta đều đang trên hành trình trở thành con trai và con gái, rằng chúng ta gặp khó khăn trong việc tự định vị mình trong một hành trình trưởng thành thiêng liêng thực sự, tức là chuyển từ một đời sống Kitô giáo được hiểu theo góc độ trung thành đạo đức - một đời sống ngay chính, nhưng có thể bị dừng lại và có nguy cơ trì trệ - sang một đời sống Kitô hữu được sống như là sự đáp trả toàn diện con người chúng ta trước một tình yêu đã được lãnh nhận, một tình yêu không ngừng biến đổi chúng ta và đưa chúng ta vào một hành trình trao ban và tha thứ

không bao giờ kết thúc ⁶⁰.

Con đường phải theo để trở thành con trai, con gái của Cha chúng ta là gì ? Con đường đó được giải thích cách rõ ràng đặc biệt trong đoạn văn tuyệt đẹp thuộc Bài giảng trên núi. Chúng ta sẽ cùng nhau nhìn vào phần cuối chương 5 của Tin Mừng theo thánh Mát-thêu, nơi chỉ cho chúng ta cách làm thế nào - tức là cách sống như thế nào - để thực sự trở thành con trai và con gái của Cha.

60 Nhiều tác giả - và nhất là các giảng thuyết viên ! - vẫn tiếp tục xem người con thứ như một ví dụ về sự hoán cải. Đó là vì họ thu hẹp sự hoán cải Kitô giáo thành một sự hoán cải luân lý (việc thú nhận các lỗi lầm luân lý) ; họ đã quên mất điều cốt yếu: đó là sự hoán cải thần đối ! Khi chuẩn bị và thực hiện việc xưng tội của mình («Lạy cha, con đã phạm tội...» các câu 18 và 21), người con thứ đã hiểu sai về tội lỗi của mình. Anh ta sẽ phải nhận ra rằng tội thật sự của anh không phải là việc đã đòi tự do và phung phí gia tài. Mà đúng hơn, đó là việc đã rời xa “sự hiện diện cùng” với cha mình, đã tự tách mình khỏi “vầng hào quang” của lòng nhân hậu và tình yêu của người cha, và cụ thể hơn : là chưa từng nhận ra tình yêu nhưng không mà người cha dành cho mình, và do đó, chưa từng thực sự nhận biết người cha như là một người cha. Tội lỗi căn nguyên này, người con thứ chia sẻ chung với người anh cả của mình.

**«[...] để anh em trở nên con cái của Cha anh em,
Đấng ngự trên trời» (Mt 5, 45)**

Đọc Mt 5, 38-48

“Anh em đã nghe Luật dạy rằng : Mắt đền mắt, răng đền răng.³⁹ Còn Thầy, Thầy bảo anh em : đừng chống cự người ác, trái lại, nếu bị ai vả má bên phải, thì hãy giơ cả má bên trái ra nữa.⁴⁰ Nếu ai muốn kiện anh để lấy áo trong của anh, thì hãy để cho nó lấy cả áo ngoài.⁴¹ Nếu có người bắt anh đi một dặm, thì hãy đi với người ấy hai dặm.⁴² Ai xin, thì hãy cho ; ai muốn vay mượn, thì đừng ngoảnh mặt đi.

⁴³ *“Anh em đã nghe Luật dạy rằng : Hãy yêu đồng loại và hãy ghét kẻ thù.⁴⁴ Còn Thầy, Thầy bảo anh em: hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho những kẻ ngược đãi anh em.⁴⁵ Như vậy, anh em mới được trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời, vì Người cho mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính.⁴⁶ Vì nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì anh em nào có công chi ? Ngay cả những người thu thuế cũng chẳng làm như thế sao ?⁴⁷ Nếu anh em chỉ chào hỏi anh em mình thôi, thì anh em có làm gì lạ thường đâu ? Ngay cả người ngoại cũng chẳng làm như thế sao ?⁴⁸ Vậy anh em hãy nên hoàn thiện, như*

Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện.

«Đề anh em thật sự là con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời», như chúng ta đã nghe trong câu 45 : đó là lý do của tất cả những yêu cầu mà Chúa Giêsu đưa ra trong Bài giảng trên núi. «Anh em hãy nên hoàn thiện như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện» (câu 48) cả một chương trình sống ! Một chương trình bất khả thi ? Điều này cần được giải thích. Tôi xin tóm lược phần bình luận của mình về đoạn văn.

Câu 38-42

Câu 38 : «Mắt đền mắt, răng đền răng». Đó được gọi là “luật báo thù cân xứng”. Trong thời cổ đại, đó là một cách cụ thể để luật pháp nói rằng sự trừng phạt phải tương xứng với tội phạm ; không được vượt quá mức lỗi đã phạm : một lỗi nghiêm trọng như làm hư mất một con mắt phải bị phạt nghiêm khắc ; nhưng nếu chỉ là đâm gãy một cái răng... thì hình phạt phải nhẹ thôi ! Luật này không phải là một biện pháp man rợ, mà đúng hơn được đưa vào để chống lại sự tàn bạo, cụ thể là sự báo thù vô hạn. Luật này là nền tảng của hệ thống pháp luật của dân Do Thái, nhưng cũng có trong Hy Lạp và La Mã cổ đại. Ngày nay, luật này vẫn là nền tảng của các bộ luật hình sự và xã hội tại các quốc gia được gọi là “văn minh”.

Câu 39 : Chúa Giêsu không bãi bỏ luật báo thù trong các bộ luật xã hội, nhưng Người nói : Đối với anh em, là môn đệ của Thầy, sự công bằng báo trả này là chưa đủ; nó không được là tiêu chuẩn cho cách hành xử của anh em. «Phản Thầy, Thầy bảo anh em : đừng chống lại kẻ dữ». Không chỉ là anh em không nên đáp trả người làm hại mình bằng thái độ ác ý, không được trả đũa, mà trái lại, anh em phải đáp lại bằng một cử chỉ tích cực, xây dựng. Không những không được làm điều ác xứng với điều ác người khác gây ra, mà phải lấy điều thiện để đáp lại điều ác. Anh em phải phá vỡ vòng xoáy bạo lực bằng cách đưa vào đó một thái độ nhân hậu và quảng đại. Chúa Giêsu dạy điều này qua năm ví dụ cụ thể từ câu 39 đến 42. Anh em hiểu rằng những ví dụ này không nên hiểu theo nghĩa đen (chẳng hạn như thật sự đưa má còn lại ra), nhưng tính triệt để được diễn tả trong lối nói hình ảnh này thì không được làm nhẹ đi.

Câu 39b : Cái tát vào má phải là một sự xúc phạm nghiêm trọng, đòi bồi thường gấp đôi. Chúa Giêsu đòi hỏi phải đáp lại sự xúc phạm bằng cách đưa cả má còn lại. Ít nhất, đây là một lời mời gọi từ bỏ quyền đòi đền bù theo luật. Nhưng văn bản chắc chắn còn nói nhiều hơn thế. Để hiểu nội dung sâu xa của nó, hãy nhìn vào các ví dụ tiếp theo.

Câu 40 : Trao không chỉ áo khoác, mà cả áo trong có nghĩa là trao đi tất cả những gì mình sở hữu (người nghèo thời đó chỉ có hai món đồ mặc này).

Câu 41 diễn tả sự quảng đại vượt mức tương tự. Đi hai dặm khi chỉ bị buộc đi một dặm nghĩa là vượt qua bốn phần trong cuộc sống, làm hơn cả những gì bị buộc phải làm.

Sự gia tăng dần của lòng quảng đại được diễn tả trong các ví dụ này đạt đến đỉnh cao trong lời mời gọi tổng quát ở câu 42 : *«Ai xin, thì hãy cho ; ai muốn vay mượn, thì đừng ngoảnh mặt đi»*. Tức là : Hãy quảng đại không giới hạn.

Chúa Giêsu muốn nói gì qua những yêu cầu gây ngạc nhiên này ? Chúa Giêsu sử dụng một ngôn ngữ hình ảnh, mạnh mẽ - một ngôn ngữ phóng đại vốn rất phổ biến nơi các luật sĩ thời đó - nhằm truyền đạt một giáo huấn, để diễn tả những đòi hỏi triệt để. Để giúp các môn đệ hiểu được những cách hành xử mà Chúa Cha mong đợi nơi họ trong đời sống hằng ngày, Người đưa ra những ví dụ rất cụ thể, nhưng được chọn một cách cố ý ở giới hạn tận cùng của khả năng, thậm chí là của sự hợp lý (*«đưa cả má còn lại»*, *«nhường luôn cả áo choàng»*). Qua những ví dụ cực đoan này, Chúa Giêsu nói với các môn đệ rằng họ phải sẵn sàng dấn thân cho

đến tận cùng của sự hiến thân nếu hoàn cảnh đòi hỏi như thế.

Ngôn ngữ mà Người chọn khác hẳn với ngôn ngữ của lề luật, vốn đòi phải được tuân theo y nguyên như nó được viết ra. Qua ngôn ngữ phóng đại này, Chúa Giêsu thực hiện một sự đảo lộn hoàn toàn quan điểm đối với mọi nền đạo đức truyền thống. Đạo đức mới của Chúa Giêsu là đạo đức của một tình yêu tuyệt đối và vô điều kiện dành cho tha nhân. Thật vậy, qua những đòi hỏi này, Chúa Giêsu mời gọi chúng ta phải rời khỏi cái tôi của mình và hoàn toàn quy hướng về người khác trong các mối tương quan. Các điều răn bị phá bỏ với tư cách là lề luật, nghĩa là những điều có giới hạn rõ ràng ⁶¹. Những đòi hỏi mới là của tình yêu, nên không có giới hạn. Chúa Giêsu dạy rằng không có giới hạn nào, không có nửa vời nào, không có điều kiện nào được đặt ra khi ta yêu ai đó như Thiên Chúa yêu họ (c. 45).

Thật vậy, những lời mời gọi trong đoạn văn mà chúng ta vừa xem xét sẽ không thể hiểu được nếu không gắn liền với tình yêu dành cho người khác, kể cả kẻ thù, điều

61 Mười điều răn rõ ràng không bị bãi bỏ ; trong hình thức phủ định của chúng (không được giết người, không được trộm cắp...), chúng là những đòi hỏi tối thiểu để sống trong phạm vi của tình yêu.

sẽ được đề cập một cách rõ ràng ở phần cuối của đoạn văn mà ta đã nghe. Việc từ bỏ phản ứng bạo lực bằng bạo lực và thực hiện những hành động nhân hậu nhưng không, chỉ có thể được hiểu như là những biểu hiện của một tình yêu chân thực, trong nỗ lực noi gương sự hoàn hảo của chính Thiên Chúa (câu 48).

Nhưng trước khi xem các câu 43-48, tôi muốn nói một điều gì đó về tác động xã hội của đời sống người môn đệ của Đức Giêsu, tức là những Kitô hữu sống như những người con thật sự của Chúa Cha.

Tác động xã hội của đời sống con cái của Chúa Cha

Qua giáo huấn của mình, Chúa Giêsu nhắm đến cộng đoàn các môn đệ của Người, là chính chúng ta, Giáo hội. Người không nhắm đến các xã hội loài người nói chung. Người không đưa ra những châm ngôn để cai trị thế giới. Người không có ý nói rằng bộ luật dân sự hay hình sự dựa trên luật “mắt đền mắt” cần bị bãi bỏ, điều đó sẽ dẫn đến vô chính phủ. Chúa Giêsu không nói ở cấp độ đó. Nhưng cũng phải nói rằng Chúa Giêsu muốn có một sự biến đổi trong các xã hội, thông qua các môn đệ của Người. Người mời gọi các môn đệ, qua lối sống của họ, góp phần xây dựng một sự thay đổi trong các mối quan hệ trong xã hội, xây dựng những mối quan hệ mà

tình yêu là điều chiếm ưu thế, chứ không phải là sự áp đặt bằng sức mạnh. Lời giảng dạy của Người là một sự phản kháng đối với vòng xoáy bạo lực mà việc áp dụng nghiêm ngặt luật “mắt đền mắt” bởi tất cả mọi người có thể gây ra (Gandhi từng nói : “Mắt đền mắt... và rồi cả thế giới sẽ trở thành mù lòa”). Bằng cách giới thiệu một lối ứng xử mới, Đức Giêsu tạo nên một sự tương phản gây sốc với thế giới vốn bị chi phối bởi sức mạnh; và Người cho thấy, một cách gián tiếp, sự hạn chế và cuối cùng là tính phi nhân hóa của một xã hội hoàn toàn dựa trên luật “mắt đền mắt”. Đồng thời, Người gieo mầm cho một loại hình xã hội mới, mà Người gọi là Nước Thiên Chúa : một xã hội trong đó hòa bình lâu dài và tình yêu đích thực giữa con người với nhau ngự trị.

Sâu xa mà nói, Chúa Giêsu nói rằng ngày càng cần có nhiều người nam và nữ sống như những người con trai, con gái của Chúa Cha, nếu chúng ta muốn các xã hội của mình tồn tại. Và tôi nghĩ rằng ngày càng có nhiều người, kể cả những người không tin vào Thiên Chúa, nhận ra rằng cần phải có những cá nhân và những nhóm người được thúc đẩy không chỉ bởi một lý tưởng về công lý, mà còn bởi một lý tưởng về sự quảng đại, về việc trao ban cách nhưng không và về sự tha thứ, nếu chúng ta muốn các xã hội của mình tồn tại ; bằng không, các quan hệ quyền lực và vòng xoáy bạo lực mà

nó kéo theo sẽ chiếm ưu thế. Tinh thần bất bạo động tích cực mà Chúa Giêsu đề cao chính là cách tốt nhất để giải quyết các xung đột và để ngày càng làm cho xã hội của chúng ta nhân bản hơn (Gandhi đã hiểu được điều đó !). Nhà xã hội học Québec Jacques Godbout đã viết gần đây một quyển sách có tựa đề *Tinh thần của sự trao ban* ⁶². Ông khẳng định rằng, để có một xã hội lành mạnh, cần không chỉ có các quan hệ mang tính thực dụng và pháp lý, mà còn cần các quan hệ mang tính nhưng không, trao ban và tha thứ. Đó cũng chính là điều Chúa Giêsu nói !

Tôi xác tín sâu xa rằng khi chọn sống theo căn tính làm con trai, con gái của Chúa Cha, khi sống các giá trị của sự trao ban và tha thứ, chúng ta đang thực hiện một công trình xã hội. Chúng ta đang góp phần xây dựng thế giới của chúng ta trở nên tốt đẹp hơn, thậm chí chỉ đơn giản là trở nên nhân bản hơn. Chúng ta có quyền tự hào về điều đó ! Qua đó, chúng ta đang thực hiện sứ mạng mà Chúa Giêsu đã trao cho các môn đệ của Người, cho Hội Thánh của Người : «Anh em là muối cho đời! [...] Anh em là ánh sáng cho trần gian» (Mt 5, 13-14). Chúng ta không thể là ánh sáng và là muối nếu chúng ta không có gì khác biệt để trao ban, nếu chúng

62 Montréal, Nhà xuất bản Boréal, 1995 (ấn bản đầu tiên năm 1992).

ta không có gì khác với thứ chủ nghĩa tôn thờ sự độc lập tuyệt đối và chủ nghĩa vị kỷ đang có xu hướng thống trị trong thế giới phương Tây của chúng ta. Thế giới cần Tin Mừng, nó cần Hội Thánh, không chỉ để trở nên thần linh hơn, mà còn để trở nên con người hơn. Nếu Tin Mừng không còn tồn tại, nếu Hội Thánh không còn hiện diện trong xã hội chúng ta để làm chứng cho Tin Mừng, thì thế giới này sẽ là bên thua thiệt !

Các câu 43-48

Ở câu 44, chúng ta đến với lời mời gọi lớn lao của Chúa Giêsu, điều nên là đặc điểm của các môn đệ Người: «Hãy yêu thương kẻ thù». Một số tác giả Do Thái ⁶³ đã công nhận gần đây rằng chưa từng có ai trước Chúa Giêsu đưa ra một mệnh lệnh như vậy, với những lời lẽ mạnh mẽ và tuyệt đối đến thế. Chúng ta hãy xem xét giáo huấn mới mẻ này của Chúa Giêsu qua ba câu hỏi : Kẻ thù mà Chúa Giêsu truyền phải yêu là ai ? Yêu nghĩa là gì ? Tại sao phải yêu kẻ thù ?

Kẻ thù mà chúng ta phải yêu là ai ?

Người ta có thể nghĩ rằng vào thời của Chúa Giêsu, những kẻ thù cần phải yêu trước hết là những kẻ thù của dân tộc, nghĩa là quân đội chiếm đóng Rôma. Khi

63 Đặc biệt là David Flusser và Pinchas Lapide.

thánh Mát-thêu viết Tin Mừng, những kẻ thù cần yêu trước hết và đặc biệt là những người bắt bớ các Kitô hữu, như phần tiếp theo của mệnh lệnh cho thấy : «hãy cầu nguyện cho những ai bắt bớ anh em». Những kẻ thù tôn giáo này, trước tiên, là người Do Thái thuộc về «hội đường» mà Giáo hội của thánh Mát-thêu có những tranh luận đôi đầu, nhưng đó cũng là thế giới dân ngoại đang đàn áp các Kitô hữu (x. Mt 10, 22 ; 24,9 : «anh em sẽ bị mọi dân tộc ghen ghét vì danh Thầy»). Lời mời gọi ở câu 47 không chỉ chào hỏi «anh em» của mình, tức là các thành viên trong cùng cộng đoàn Kitô hữu (x. Mt 18, 15.21 ; 23,8), xác nhận rằng những kẻ thù cần yêu thương trước hết là những người không cùng chia sẻ đức tin.

Nhưng điều răn mới yêu kẻ thù không chỉ liên quan đến những kẻ thù tập thể. Điều đó cũng nhắm đến mọi kẻ thù cá nhân, như được minh họa qua lời yêu cầu không chỉ yêu “những người yêu mến chúng ta” (c. 46). Chúa Giêsu mời gọi vượt qua khuynh hướng tự nhiên của chúng ta là chỉ yêu những ai biểu lộ sự quan tâm và tình cảm với chúng ta. Tình yêu của chúng ta cũng phải hướng đến tất cả những người không yêu chúng ta và thậm chí còn làm hại chúng ta một cách cá nhân.

Yêu có nghĩa là gì ?

Chúa Giêsu không hiểu từ “tình yêu” như cách người ta thường hiểu trong xã hội của chúng ta : trong ngôn ngữ hằng ngày, và đặc biệt là trong các bộ phim, tình yêu là một cảm xúc, một cảm giác dễ chịu dành cho một người nào đó. Đối với Chúa Giêsu, tình yêu là một thái độ được chọn lựa, thể hiện qua những hành động cụ thể : “cầu nguyện cho những người bắt bớ anh em” (c. 44b), “chào hỏi những người không phải là anh em của chúng ta” (c. 47). Yêu kẻ thù, vì thế, là cầu nguyện với Thiên Chúa cho họ và chào hỏi họ, tức là cầu chúc cho họ sự “bình an” của Thiên Chúa (đó là ý nghĩa của lời chào theo tiếng Do Thái : Shalom ! x. Mt 10, 12-13; Lc 10, 5-6). Đối với Chúa Giêsu, “yêu” có nghĩa là mong muốn điều tốt lành và làm việc cho điều tốt lành của mọi người mà chúng ta gặp trong cuộc sống, và cũng cầu nguyện cho họ, đặc biệt là cho những ai đã làm hại chúng ta.

Tôi thêm điều này : Chúa Giêsu nói với chúng ta rằng chúng ta phải yêu thương; nhưng Người không nói cụ thể rằng chúng ta phải làm gì để yêu thương tha nhân một cách đúng đắn, đặc biệt khi người đó là kẻ thù của chúng ta. Chúng ta phải biết phân định trong mọi tình huống, sử dụng sự khôn ngoan... và mọi phương tiện

khác. Hơn nữa, Chúa Giêsu nói với chúng ta đừng trả thù khi có người làm hại chúng ta ; nhưng Người không nói chúng ta phải làm gì khi người khác bị làm hại, như người hàng xóm, người bạn đời... Tình yêu phải được đặt lên hàng đầu : tình yêu dành cho kẻ tấn công, nhưng cũng là tình yêu cho người bị tấn công !

Tại sao phải yêu kẻ thù ?

Tại sao lại là tình yêu vô điều kiện, ngay cả với kẻ thù? Câu trả lời được đưa ra ở câu 45 : “*Hãy yêu kẻ thù của anh em [...] để trở nên con cái của Cha anh em.*” Đây là câu then chốt của Bài giảng trên núi, là câu nêu lý do cho mọi đòi hỏi mà Chúa Giêsu đưa ra. Tuyên bố ở câu 45 được hoàn chỉnh bởi câu 48 : “*Vậy anh em hãy nên hoàn thiện như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện.*” Trong đoạn song song của Tin Mừng theo thánh Luca, Chúa Giêsu nói : “*Hãy có lòng thương xót như Cha anh em là Đấng thương xót.*” (Lc 6, 36) Cần phải hiểu đúng sự hoàn thiện của Chúa Cha mà chúng ta được mời gọi noi theo. Trong Tin Mừng theo thánh Mát-thêu, sự hoàn thiện của Cha không được định nghĩa theo cách trừu tượng. Tất cả những đoạn trong Bài giảng trên núi nói về Chúa Cha đều mô tả những thái độ của Cha, và chính những thái độ này định nghĩa bản chất và sự hoàn hảo của Ngài : ban điều tốt lành

(6, 4.6.18 ; 7, 11) ; biết con người cần gì (6, 8) ; quan tâm đến từng người (6, 32) ; tha thứ (6, 14.15). Thiên Chúa là Cha được định nghĩa bởi tình yêu nhân hậu và tha thứ dành cho tất cả mọi người, kể cả kẻ dữ (xem “Sự tha thứ của Thiên Chúa và bản thể của Người”). Sự hoàn thiện của Chúa Cha chính là tình yêu. Đúc tin vào Thiên Chúa là Cha mở ra một quyền chưa từng có : quyền được yêu thương của mỗi người, ngay cả khi họ cư xử như kẻ thù. Đáp lại tình phụ tử của Thiên Chúa và trở nên con cái đích thực của Chúa Cha nghĩa là xây dựng với mọi người, kể cả với kẻ thù, một mối tương quan yêu thương như vậy.

Vậy tại sao phải yêu cho đến mức tha thứ ? Bởi vì chúng ta phải trở thành chính con người thật của mình: những người con trai và con gái của Thiên Chúa. Nếu chúng ta thật sự muốn lớn lên, muốn trở nên người hơn, thì không còn con đường nào khác ngoài việc sống theo chiều sâu bản thể của mình, được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa⁶⁴. Chúng ta được mời gọi tái hiện trong cuộc sống của mình phẩm chất hiện hữu và hành động của Chúa Cha đối với mọi con người. Tình phụ tử của

64 Tình yêu là con đường duy nhất dẫn đến Thiên Chúa, đến sự sống vĩnh cửu. Nếu chúng ta không đi trên con đường này, chính chúng ta tự xét xử mình, chúng ta chọn ở lại trong sự chết.

Thiên Chúa là nơi mà hai lời mời gọi trở thành một : cư xử như những người con và cư xử như anh chị em. Tình phụ tử phổ quát bao hàm tình con cái phổ quát và tình huynh đệ phổ quát.

Liệu điều đó có khả thi không ?

Nhưng câu hỏi cuối cùng là : Liệu có thể sống như vậy, sống đến mức tha thứ không ? Chẳng phải đó chỉ là một giấc mơ đẹp ? “Yêu kẻ thù là điều thuộc về thần linh hơn là con người,” thánh Bonaventura đã nói như vậy (*Vitis mystica* II, 39). Đúng là như vậy. Những đòi hỏi của Chúa Giêsu chỉ cho chúng ta con đường dẫn đến sự tham dự vào sự sống thần linh mà chúng ta được mời gọi. Đó là một con đường bất khả thi, nếu chúng ta không lưu ý đến hai thực tại sau đây :

Sự hiện diện và sức mạnh của Đức Kitô Phục Sinh

Con người Giêsu, Đấng đã nói trong Bài Giảng Trên Núi : «Còn Thầy, Thầy bảo anh em», chính là Đức Kitô Phục Sinh, Đấng đã nhận được mọi quyền năng sau khi sống lại, là Emmanuel Thiên Chúa ở cùng chúng ta mỗi ngày để giúp chúng ta tuân giữ những điều Người truyền dạy (Mt 28, 18-20 ; 1, 23). Đấng nói «Còn Thầy, Thầy bảo anh em» là Đấng nói với uy quyền và quyền năng thần linh. Là Con Một có mối tương quan độc nhất

với Chúa Cha (Mt 11, 27), Người có thể nói với những ai Người mời gọi vác lấy ách của Người và trở nên môn đệ của Người : «Anh em sẽ tìm được sự nghỉ ngơi cho tâm hồn, vì ách của Thầy thì êm ái và gánh của Thầy thì nhẹ nhàng» (11, 30). Người Kitô hữu, nam cũng như nữ, khi gắn bó trọn vẹn với Tin Mừng, sẽ khám phá ra rằng chính đức tin vào Đức Kitô là nền tảng của luân lý Kitô giáo, và nhờ đó, họ có thể sống theo những đòi hỏi của Tin Mừng.

Vì thế, không phải nhờ sức riêng của con người mà chúng ta được mời gọi sống trọn vẹn con đường yêu thương hôm nay, nhưng là nhờ quyền năng của Chúa Phục Sinh đang hoạt động trong chúng ta.

Sự hiện diện yêu thương của Chúa Cha đi trước chúng ta

Tình yêu của Chúa Cha dành cho chúng ta luôn đi trước tình yêu mà chúng ta dành cho tha nhân, và chính điều đó làm cho tình yêu ấy trở nên khả thi. Ngay sau khi đưa ra những lời mời gọi yêu thương và tha thứ trong Bài Giảng Trên Núi, Chúa Giêsu đã dạy các môn đệ cầu nguyện bằng Kinh Lạy Cha (Mt 6, 9-13). Người mời gọi chúng ta cầu xin với Cha của Người, cũng là Cha của chúng ta, để «triều đại Cha mau đến» và «ý Cha thể hiện» (6, 10). Kinh Lạy Cha nằm ở trung tâm

của Bài Giảng Trên Núi nổi kết lời cầu nguyện với dân thân sống, cầu nguyện với hành động. Việc sống như con cái của Chúa Cha chỉ có thể trở nên hiện thực nếu chúng ta biết cầu nguyện với Ngài. Hãy cầu nguyện Kinh Lạy Cha với trọn niềm tin tưởng rằng tình yêu của Chúa Cha, Đấng luôn đi trước và đồng hành với mọi nỗ lực nhân loại của chúng ta, sẽ nâng đỡ chúng ta trong hành trình sống như con cái yêu dấu của Ngài.

Hãy cầu nguyện Kinh Lạy Cha với hình ảnh Người Cha nhân hậu trong tâm trí. Khi ấy, chúng ta sẽ dễ dàng hơn để thốt lên lời nguyện cầu mà nhiều người vẫn cảm thấy khó nói : «Xin tha tội cho chúng con như chúng con cũng tha cho những người có lỗi với chúng con.» (Mt 6, 12). Tha thứ chính là bông hoa tinh tú của tình yêu : đó chính là hình thức cụ thể mà tình yêu biểu lộ đối với kẻ thù, với những người đã gây tổn thương cho ta. Nhưng tha thứ thì thật khó biết bao ! Bởi tha thứ là hành động mang tính thần linh (xem «Ôn tha thứ của Thiên Chúa và của chúng ta»).

Kết luận : Trở nên con trai, con gái...

Đời sống Kitô hữu mà chúng ta đang sống là một hành trình đang tiếp diễn : hãy yêu kẻ thù «để anh em trở nên con cái của Cha anh em» (5, 45); «Vậy anh em hãy nên

hoàn thiện như Cha trên trời là Đấng hoàn thiện ⁶⁵» (5, 48). Chúng ta dần dần học để noi gương sự hoàn thiện của Chúa Cha và trở nên con trai, con gái thật sự của Ngài qua cách sống và hành động của mình. Trên trần gian này, chúng ta không bao giờ hoàn tất hành trình trở nên con cái của Cha, anh chị em của mọi người.

Gặp gỡ Chúa Cha, đó là cả một chương trình sống! Đó là một dự án cho cả đời người ! Là lý tưởng kéo chúng ta tiến về phía trước. Đó là giấc mơ, là ước mơ về Nước Trời của Chúa Giêsu, một giấc mơ có vẻ viễn vông, nhưng thực ra đang dần trở thành hiện thực trong thế giới này. Và trong niềm tin cũng như hy vọng, chúng ta biết rằng giấc mơ đó sẽ trở thành Hiện Thực vĩnh cửu mai sau, khi bộ mặt của thế gian này qua đi và chúng ta được nhìn thấy dung nhan của Cha.

Thời Gian Suy Niệm

Tôi đang ở đâu trên hành trình trở nên con trai, con gái của Thiên Chúa là Cha tôi ?

65 Bản tiếng La-tinh của Vulgate từ lâu đã in đậm một định hướng cho việc giảng dạy trong Hội Thánh qua cách dịch ở thể mệnh lệnh : Estote perfecti ! (Hãy nên hoàn thiện !).

Lời cuối cùng của tôi là một lời mời gọi mà tôi xin gửi đến từng người trong các bạn, dù bạn ở độ tuổi nào. Tôi được gọi hứng từ một bài hát của John Littleton, người vừa mới qua đời gần đây : “Hãy đi xa hơn nữa ! Hãy đi xa hơn nữa !... Con đường mới chỉ vừa bắt đầu.”

Bạn có thể đào sâu thêm nội dung của các chương bằng cách tham khảo các ấn phẩm sau đây :

Cho các chương 1 và 3: Dumais, Marcel, «Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô ngày nay», trong Kerygma, 24 (1990), tr. 161-179.

Cho chương 2 : Dumais, Marcel, Hiện tại hoá Tân Ước. Từ suy tư đến thực hành, tuyển tập «Lectio Divina» số 107, Paris, Cerf, 1982, chương 3 «Dụ ngôn người cha và hai người con trai (Lc 15, 11-32)», tr. 63-95.

Cho chương 4 : Dumais, Marcel, Bài Giảng Trên Núi (Matthieu 5-7), Cahiers Évangile số 94, Paris, Cerf, 1995, 76 trang.

Phần Hai
Những Câu Hỏi Đặc Biệt

4.1. Các Cảm Xúc Của Thiên Chúa

«Chúng ta có thể nói rằng Thiên Chúa có những cảm xúc (vui mừng, đau buồn, đau khổ, v.v.) không ? Trước tiên, có phải trong Kinh Thánh có những đoạn mà Thiên Chúa được trình bày như là có cảm xúc không ? Câu trả lời rất đơn giản : có ! Có rất nhiều đoạn như thế và không cần phải liệt kê dài dòng. Chỉ cần nêu ra một vài ví dụ : sự hối tiếc (Giôen 2, 13), niềm vui (Sôphônia 3, 17), cơn thịnh nộ (Dân số 22, 22...), nỗi đau (Hôsê 12, 15), nỗi buồn (Tv 78, 41), sự ghen tuông (Đnl 4, 24 ; Xh 34, 14; 20, 5...). Há chẳng có “niềm vui trên trời” vì một người tội lỗi ăn năn sao (Lc 15, 7) ? Bên cạnh đó, chúng ta có thể thêm những trường hợp mà Chúa Giêsu, “hình ảnh của Thiên Chúa vô hình” (Cl 1, 15), được mô tả là đang khóc (Lc 19, 41 ; Ga 11, 35), “chạnh lòng thương” (Lc 7, 13), “hân hoan” (Lc 10, 21), v.v. Sau cùng, chẳng phải còn có một đoạn nói về việc “làm buồn Thánh Thần” (Ep 4, 30) trong khi Ngài kêu lên trong lòng chúng ta... “Abba !” (Gl 4, 6) ? Không còn nghi ngờ gì rằng các tác giả Kinh Thánh mô tả Thiên Chúa có những tình cảm hay “cảm xúc”.

Nhưng liệu chúng ta có nên dừng lại ở đó không ? Chúng tôi tin là không. Thật vậy, câu hỏi này có một phần thứ hai : Thiên Chúa có thực sự sống với những

tình cảm không ? Liệu chúng ta có thể nói rằng Thiên Chúa “trải nghiệm cảm xúc”, như chúng ta nói về một con người? Ở đây, câu trả lời cần được diễn đạt một cách tinh tế. Vì mặc dù Kinh Thánh thường mô tả Thiên Chúa là “yêu thương” hay “nổi giận”, thì đồng thời Kinh Thánh cũng điều chỉnh lại sự cảm dỗ muốn mô tả “trộn vụn Thiên Chúa”. Trong số các ngôn sứ, Isaia là người nhấn mạnh nhất đến “sự thánh thiện của Thiên Chúa”. Điều đó có nghĩa gì ? Đức CHÚA, “Đấng Thánh của Israel”, là Đấng Thánh Ba Lần (Is 6, 3) : là Đấng linh thiêng, hoàn toàn khác biệt, khác xa với những gì người ta tưởng tượng. “Tư tưởng của các người không phải là tư tưởng của Ta, và đường lối của các người không phải là đường lối của Ta - sấm ngôn của ĐỨC CHÚA. Vì trời cao hơn đất bao nhiêu, thì đường lối của Ta cũng cao hơn đường lối của các người, và tư tưởng của Ta cũng cao hơn tư tưởng của các người bấy nhiêu.” (Is 55, 8-9 ; xem thêm Rm 11, 33). Ngôn sứ Isaia như thế đưa ra một lời cảnh báo : Thiên Chúa sẽ luôn vượt trên tất cả những gì ta có thể nắm bắt, vượt trên mọi mô tả mà con người có thể đưa ra về Ngài.

Những ngôn từ có thể đánh lừa. Cũng như chúng ta ngày nay, các tín hữu trong Kinh Thánh cũng phải đối mặt với thách đố khi nói về Thiên Chúa. Họ ý thức rằng những lời nói của họ mô tả một điều gì đó về

Thiên Chúa, mà không hề dám cho rằng mình nói hết về Thiên Chúa. Ngôn từ là điều không thể tránh khỏi ; chúng hướng về một phương diện nào đó. Nhưng thật ảo tưởng nếu nghĩ rằng Thiên Chúa hoàn toàn khớp với những gì ngôn từ mô tả. Khi nói về Thiên Chúa, chúng ta bị “kết án” phải sử dụng ngôn ngữ của mình : chúng ta mô tả Thiên Chúa theo những thái độ và hành vi mà ta quan sát được nơi con người - một số người gọi đó là *nhân hình hóa*. Nhưng “Ta là Thiên Chúa chứ không phải là người”, sách Hôsê viết như thế (Hs 9,11). Vì vậy, có thể nói rằng những “tình cảm” của Thiên Chúa được khám phá trong Kinh Thánh là những hình ảnh gọi lên một thực tại nơi Thiên Chúa hơn là một sự mô tả về “những gì đang diễn ra trong Thiên Chúa” hay bản thể của Người.

Vậy còn nỗi đau khổ của Thiên Chúa thì sao ?

Thần học Tây phương từ lâu đã phát triển một quan niệm về Thiên Chúa là “bất khả cảm” (không xúc động). Nhưng khoảng năm mươi năm trở lại đây, nhiều tác giả đã suy tư về “nỗi đau khổ của Thiên Chúa” (như Maurice Zundel, François Varillon, Dimitri Staniloae...). Dựa vào truyền thống Kinh Thánh và một số ít các văn bản trong di sản Kitô giáo, các tác giả này phát triển cái nhìn về một Thiên Chúa gắn bó với lịch sử dân Ngài

và... “chịu đau khổ”. Không ai trong số họ quên nhấn mạnh rằng ngôn ngữ này dĩ nhiên là không đầy đủ và giới hạn ; tuy nhiên, họ vẫn bảo vệ rằng nơi Thiên Chúa tồn tại một sự đau khổ phát xuất từ tình yêu hoàn hảo của Ngài dành cho nhân loại.

Thiên Chúa đau khổ bởi vì Ngài yêu. Khi để cho thụ tạo của mình được tự do, Ngài mở lòng mình ra cho sự khước từ từ phía thụ tạo ấy. Thập giá không chỉ là sự kết án Chúa Giêsu bởi xã hội thời đó ; nhưng đúng hơn là hình ảnh hoàn hảo của sự từ chối mà chính Chúa Cha cũng phải gánh chịu. Nếu Thiên Chúa “đau khổ”, thì đó là vì Ngài yêu một thụ tạo bất trung với Ngài, và vì thế, chính thụ tạo đó cũng đau khổ. Thiên Chúa “đau khổ” khi thấy con người phải chịu đau khổ.

Guylain Prince

Nguồn tài liệu của chúng tôi

Varillon, François, *Nỗi đau khổ của Thiên Chúa*, Paris, Centurion, 1975, 115 trang.

Staniloae, Dimitri, *Thiên Chúa là Tình Yêu*, «Viễn cảnh Chính thống giáo», số 1, Paris, Labor et Fides, 1980, 122 trang.

Gợi ý của chúng tôi

Prévost, Jean-Pierre, *Đọc các ngôn sứ*, Novalis, Ottawa, 1995, 204 trang. Đặc biệt là các phần nói về Isaia, Giêrêmia và Hôsê.

4.2. Thiên Chúa, một Vị Thẩm Phán ?

Những người lớn tuổi vẫn còn nhớ các bài giảng về phán xét sau cùng, trong đó mô tả những cực hình mà các linh hồn xứng đáng sa hỏa ngục phải chịu. Ngày nay, việc giảng dạy ít khi đề cập đến phán xét sau cùng; người ta thường nghe nói rằng nếu Thiên Chúa là tình yêu, thì cuối cùng Ngài sẽ tha thứ hết mọi lỗi lầm của chúng ta và như vậy thì chẳng có hỏa ngục gì cả. Hai quan điểm này có lẽ cùng mắc một sai lầm : đó là hiểu sai Thiên Chúa-Tình yêu.

Thiên Chúa có công bằng không ? Câu trả lời là : có, Thiên Chúa là Đấng công bằng, và điều đó hoàn toàn không mâu thuẫn với thực tế rằng Ngài là tình yêu, trái lại là khác. Cần phải khẳng định (và rao giảng điều đó): Thiên Chúa là Đấng công bằng và mỗi người sẽ bị xét xử. Nhưng điều đó có nghĩa là gì ? Cần phải cẩn trọng khi áp dụng từ “công bằng” cho Thiên Chúa theo nghĩa thông thường ngày nay : tức là trả cho mỗi người điều họ xứng đáng. Nếu làm vậy, ta sẽ rời xa ý nghĩa kinh thánh. Chúng ta hãy cùng làm rõ.

Xuyên suốt Kinh Thánh, cả Cựu Ước và Tân Ước, đều nói đến sự công chính của Thiên Chúa và việc phán xét. Nhưng ý nghĩa của những từ này thay đổi tùy theo

từng sách trong Kinh Thánh và người ta nhận ra có một sự đào sâu về thực tại mà chúng biểu đạt theo tiến trình mạc khải. Hãy phác thảo vài nét chính yếu.

Trong Cựu Ước

Như đã được nhắc đến trong chương đầu, ý tưởng về công lý báo ứng hiện diện rất rõ trong Cựu Ước : mỗi người nhận được từ Thiên Chúa điều họ đáng nhận. Người lành được hưởng ân huệ của Thiên Chúa ; những kẻ bất trung với Lễ Luật sẽ bị trừng phạt bằng nhiều tai họa khác nhau. Nhưng kinh nghiệm lưu đày tại Babylon, đặc biệt, đã khiến các ngôn sứ và hiền nhân chất vấn hệ thống công lý báo ứng khi áp dụng cho Thiên Chúa. Chúng ta hãy nhấn mạnh hai khía cạnh của sự tiến triển trong suy tư này.

1. Thiên Chúa muốn sự sống cho kẻ tội lỗi, chứ không phải cái chết của họ. Người công chính là người trung thành với Giao ước cùng Thiên Chúa ; người ấy sống trong sự hiệp thông với Thiên Chúa và sẽ được sống. Kẻ tội lỗi là người phá vỡ mỗi dây Giao ước, quay lưng lại với Thiên Chúa và, vì thế, sẽ chết. Nhưng Thiên Chúa không muốn điều bất hạnh ấy : “Ta không vui thích gì cái chết của kẻ gian ác, nhưng là sự hoán cải của kẻ gian ác, để nó thay đổi đường lối và được sống.” (Ed 33, 11) Dân được đặt trước một chọn lựa : sống hay

chết, chúc lành hay nguyên rửa ; nhưng Thiên Chúa không đơn thuần mời gọi họ chọn lựa, mà ra lệnh: “Vây hãy chọn sự sống, để người và dòng dõi người được sống.” (Đnl 30, 19)

2. Công chính đối với Thiên Chúa, trước hết, là trung thành với lời hứa cứu độ của Ngài. Lời hứa cứu độ của Thiên Chúa là nền tảng. Giao ước có thể bị dân phá vỡ, nhưng với Thiên Chúa, giao ước ấy vẫn tồn tại, là vĩnh viễn (x. Gr 31, 31-34). Tha thứ vì thế được bao hàm trong mối tương quan Giao ước, trong mối liên hệ công chính mà Thiên Chúa thiết lập với dân của Ngài (x. Gr 33, 8 ; Ed 16, 60-63). Như vậy, công lý của Thiên Chúa hoàn toàn hướng về ơn cứu độ. Công lý trọn vẹn của Thiên Chúa, sau cùng, chính là lòng thương xót. Đức Chúa “sẽ đứng dậy để tỏ lòng xót thương anh em, vì Đức Chúa là Thiên Chúa công minh ; phúc thay những ai trông cậy vào Người !” (Is 30, 18). Khái niệm công lý cứu độ này sẽ được thánh Phaolô phát triển (x. Rm 1, 16-17 ; 3, 21).

Trong Tân Ước

Ngay từ đầu các sách Tin Mừng, ta nhận thấy một sự khác biệt trong cách nhấn mạnh giữa Cựu Ước và Tân Ước khi so sánh lời rao giảng của Gioan Tẩy Giả và của Chúa Giêsu. Gioan, vị ngôn sứ cuối cùng của Cựu

Ước, nói đến cơn thịnh nộ và cuộc phán xét sắp đến (x. Mt 3, 7-10 ; Lc 3, 7-9). Còn Chúa Giêsu thì loan báo Tin Mừng giải thoát cho mọi người, nói về ân sủng và lòng thương xót của Thiên Chúa (x. Lc 4, 18-19). Tuy nhiên, về phong cách thì đây chỉ là sự khác biệt về cách nhấn mạnh. Sứ điệp về sự phán xét vẫn hiện diện trong lời rao giảng của Chúa Giêsu và được phản ánh qua toàn bộ các sách Tân Ước. Nhân chứng rõ rệt nhất là Tin Mừng theo thánh Mát-thêu. Sách này chứa hơn 60 lần nhắc đến công lý của Thiên Chúa và việc phán xét. Chúng ta hãy xem xét hai bản văn tiêu biểu nhất.

Trong dụ ngôn về ông chủ vườn nho (Mt 20, 1-15), ông chủ (= Thiên Chúa) trả cho những người làm công từ giờ đầu tiên số tiền đã thỏa thuận, điều họ xứng đáng nhận ; đồng thời, ông tỏ ra rộng lượng với những người làm vào giờ cuối bằng cách trả cho họ nhiều hơn mức họ đáng hưởng. Khi những người làm đầu tiên phàn nàn, ông chủ trả lời : “Chẳng lẽ tôi lại không có quyền làm điều tôi muốn với của cải của tôi ? Hay mắt anh xấu vì tôi tốt lành ?” (c.15) Thiên Chúa không bao giờ bất công với thụ tạo của mình, nhưng Ngài giữ quyền tự do để rộng lượng với người Ngài muốn. Thiên Chúa hành động theo những tiêu chuẩn khác với chúng ta. Ngài là Thiên Chúa của tự do và của sự nhưng không, Đáng “làm đảo lộn” quan niệm của ta về công lý. Công lý của

Ngài là sự trao ban nhưng không.

Bản văn quen thuộc về cuộc phán xét cuối cùng trong Tin Mừng theo thánh Mát-thêu (Mt 25, 31-46) dạy chúng ta rằng chúng ta phải chịu trách nhiệm về hành động của mình. Tùy theo việc, trong cuộc sống này, ta mở hay đóng lòng mình đối với những người cần được giúp đỡ (người đói, người xa lạ, người bệnh tật...), ta sẽ được dự phần hoặc không được dự phần vào sự sống viên mãn trong Nước Trời. Nói rằng có một cuộc phán xét, thực chất là nói rằng ta có trách nhiệm với các chọn lựa sống của mình, rằng ta phải trả lễ về điều đó, và ta phải chịu những hậu quả từ đó. Nếu ta hướng đời sống mình theo hướng mở ra với tha nhân - và như vậy là mở ra với Chúa Kitô và với Thiên Chúa, dù ta không ý thức điều đó - thì ta bước vào sự sống của Nước Trời, tức là vào đời sống tương quan và hiệp thông với Thiên Chúa và với tha nhân. Nếu ta chọn sống vị kỷ, khép kín với người khác, không yêu thương, thì ta đang chọn cái chết, tức là sự cô đơn, sự tách biệt, nói cách khác là một đời sống ngoài Nước Trời.

Nói về sự phán xét của Thiên Chúa, là nói rằng Thiên Chúa tôn trọng những chọn lựa của chúng ta. Một Thiên Chúa là Tình Yêu không thể ép buộc chúng ta phải yêu thương và yêu thương tha nhân. Tình yêu không thể

bị áp đặt ; nó đòi hỏi một sự đáp lại tự do trong yêu thương ; nó cần đến hành động cá nhân để đón nhận và đáp lại cách tích cực. Thiên Chúa không thể “cứu độ” chúng ta mà không có chúng ta, không thể làm cho chúng ta sống trong sự hiệp thông với Ngài và với tha nhân nếu đó không phải là sự chọn lựa của chính chúng ta. Nhưng, vào cuối đời sống của một người đã chọn mở ra với tình yêu, sự phán xét của Thiên Chúa sẽ là một sự phán xét cứu độ, nghĩa là Thiên Chúa sẽ dẫn đưa đến sự sống viên mãn điều đã được sống như một mầm mống ngay từ trần gian.

Trong Tin Mừng Gioan, Chúa Giêsu không phải là người xét xử thế gian : “Thiên Chúa đã sai Con của Người đến thế gian, không phải để lên án thế gian, nhưng để thế gian nhờ Con mà được cứu độ” (Ga 3, 17). Sự phán xét ở đây mang một ý nghĩa rất đặc biệt. Nó có nghĩa là sự kết án, đối nghịch với ơn cứu độ. Sự phán xét đó chính là “con người đã chuộng bóng tối hơn ánh sáng, vì các việc họ làm đều xấu” (Ga 3, 19). Chính Tin Mừng Gioan còn nói rằng sự phán xét, hay cuộc phân xử, đang diễn ra ngay bây giờ (Ga 12, 31), rằng chính lúc này chúng ta đang bước vào, hay không bước vào, sự sống đời đời (Ga 3, 36; 5, 24). Cuối cùng, không phải Thiên Chúa xét xử chúng ta, mà chính chúng ta xét xử chính mình, tự chọn bước vào sự sống

hay ở lại trong sự chết.

Trở lại với câu hỏi đặt ra ở đầu khung này : Thiên Chúa có tha thứ cho mọi người, có tuyên bố vô tội cho mọi người không ? Thiên Chúa luôn ban ơn tha thứ của Ngài, nhưng chúng ta luôn được tự do để đón nhận và để được Ngài biến đổi. Dấu chỉ cho thấy chúng ta nói “vâng” với ơn tha thứ của Thiên Chúa chính là sự dần thân của chúng ta trong hành trình yêu thương và tha thứ đối với người thân cận (xem “Ơn tha thứ của Thiên Chúa và con người”).

Nói như vậy rồi, ai có thể dám chắc rằng một người, trong khoảnh khắc chọn lựa cuối cùng, đã thực sự từ chối lời mời gọi yêu thương và tha thứ của Thiên Chúa?

Marcel Dumais

Tài Liệu Tham Khảo

Marguerat, Daniel, Sự phán xét trong Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu, Genève, Labor et Fides, 1981, 598 tr.

Gợi Ý Tham Khảo

Verkindère, Gérard, Công lý trong Cựu Ước, Cahiers Évangile số 105, Paris, Cerf, 1998, 68 tr.

Trong năm 1999 sẽ phát hành một số khác của Cahiers Évangile về Công lý trong Tân Ước.

4.3. Thiên Chúa là Nữ tính ?

Trước hết, trong Kinh Thánh có những hình ảnh nữ tính về Thiên Chúa không ? Câu trả lời là : không có gì nghi ngờ, có ! Về số lượng, chúng không nhiều bằng những hình ảnh khác (như “Thiên Chúa Toàn Năng”, “thành tín”, v.v.), nhưng chắc chắn là có hiện diện. Sau đây là một vài ví dụ. Qua miệng các ngôn sứ, Thiên Chúa nói với dân Ngài :

- “Người đàn bà há quên con thơ của mình, không thương đứa con mình đã mang nặng đẻ đau ? Dù người đàn bà có quên, thì Ta, Ta sẽ không quên người đâu !” (Isaia 49,15)

- “Như người mẹ an ủi con mình, chính Ta sẽ an ủi các người ; tại Giêrusalem, các người sẽ được an ủi.” (Isaia 66,13)

- “[...] như người đàn bà chuyển dạ, Ta rên siết, Ta thở dốc, Ta bị đè nặng trong lòng.” (Isaia 42,14)

Trong Cựu Ước, từ *ruah* được dịch là “gió, hơi thở hoặc thần khí”. Thuật ngữ này thường có giống cái (ngoại trừ khoảng ba mươi lần trong tổng số 389 trường hợp). Điều này có nghĩa là trong ngôn ngữ gốc, cụm từ “Thần Khí của ĐỨC CHÚA” hay chỉ đơn giản là “Thần

Khí” thuộc giống cái (xem chẳng hạn : Is 11, 2 ; Ed 11, 24 ; 37, 9 ; v.v.). Nó ám chỉ sức mạnh hay quyền năng của Ngài.

Trong các tác phẩm của giới hiền triết - tức là truyền thống khôn ngoan (sapientielle) - ta cũng thấy nhiều hình ảnh nữ tính rất thú vị. Chẳng hạn, Đức Khôn Ngoan được nhân cách hóa và trình bày như một người phụ nữ, một người mẹ, một “Quý bà” (trong Châm ngôn 7-9; Sách Khôn Ngoan 7-8). Phần mở đầu của Tin Mừng Gioan (chương 1, câu 1-18) dường như được lấy cảm hứng từ những đoạn này để mô tả Lời của Thiên Chúa, tức Logos, là Chúa Giêsu.

Trong Tân Ước, Chúa Giêsu ví mình như gà mái muốn gom con mình dưới cánh (Mt 23, 37 ; Lc 13, 34). Bởi vì Người bị chỉ trích vì lui tới với những người tội lỗi, nên sau đó Người kể dụ ngôn về một người phụ nữ tìm kiếm một đồng bạc bị mất trong nhà mình, không ngại dọn dẹp tất cả để tìm (Lc 15, 8-9). Như Marcel Dumais đã mô tả rất sâu sắc trong phần chú giải dụ ngôn “người cha và hai người con” (xem chương 2), cụm từ “chạnh lòng thương” hay “động lòng xót thương” (Lc 15, 20 ; xem thêm 10, 33 ; 7,13) gợi lên hình ảnh dạ mẹ, chính nơi cưu mang đứa trẻ.

Trên thực tế, chúng ta nhận thấy rằng những hình ảnh “nữ tính” về Thiên Chúa đã là một phần của di sản đức tin của chúng ta. Tuy nhiên, điều đáng ngạc nhiên là chúng ta lại ít khi nhắc đến chúng để diễn tả mối tương quan với Thiên Chúa hay hình ảnh về Thiên Chúa của chúng ta (cả trên phương diện cá nhân lẫn tập thể). Về điểm này, thật sự cần có một sự suy tư nghiêm túc.

Mặt khác, một câu hỏi căn bản hơn được đặt ra : Thiên Chúa là “cha” nhiều hơn là “mẹ” ? Là “nam” nhiều hơn là “nữ” ? Hay ngược lại ? Với câu hỏi này, có thể có rất nhiều câu trả lời khác nhau. Việc biện minh cho sự ưu tiên của “tình phụ tử” chỉ vì Kinh Thánh - và theo đó là truyền thống Kitô giáo - mô tả Thiên Chúa bằng những hình ảnh nam tính hoặc phụ tử không đủ để kết thúc cuộc tranh luận. Dù sao thì, Kinh Thánh phần lớn được viết và chú giải bởi nam giới. Có thể nào khác được không ? Về mặt lịch sử, có lẽ là không thể. Nhưng chúng ta không nên dừng lại ở đó.

Tất cả mọi người đều thừa nhận một thực tế không thể chối cãi : Thiên Chúa vượt trên mọi hình ảnh được dùng để mô tả Ngài, dù là nam tính hay nữ tính. Thiên Chúa không phải là cha nhiều hơn là mẹ, theo nghĩa chặt chẽ, và cũng không phải là một “Người Nam” hay

“Người Nữ”. Nếu chúng ta nhất quán, thì chẳng phải nên gọi Thiên Chúa là “Ngài” không giới tính, hoặc bằng một đại từ trung lập về giới tính sao ⁶⁶ ? Khôi phục di sản đức tin của chúng ta, tìm lại những đoạn Kinh Thánh bị lãng quên, làm phong phú đức tin của chúng ta bằng những hình ảnh mới, những hình ảnh nói lên về

66 Thật không may, tiếng Pháp buộc phải gán giới tính cho một người hay một vật : hoặc là “giống cái” hoặc là “giống đực”. Chẳng hạn, người ta nói “UNE table” (giống cái) hay “UN téléviseur” (giống đực). Chúng ta cũng không thể nói về “Thiên Chúa” bằng một giống “trung lập”, vì tiếng Pháp không có dạng trung tính cho danh từ như thế. Tuy nhiên, điều này không đúng với tất cả các ngôn ngữ. Ví dụ : trong tiếng Inuktitut (ngôn ngữ của người Inuit hay còn gọi là “Eskimo”), từ “inuk” có nghĩa là một con người. Nếu muốn chỉ rõ giới tính, thì phải thêm từ chỉ “nam” hoặc “nữ”. Điều này cũng tương tự đối với tất cả các loài vật : từ khái quát là vô tính hoặc trung tính, không mặc định là đực hay cái. Mặt khác, trong các ngôn ngữ Kinh Thánh, tức là tiếng Hy Lạp và tiếng Do Thái, đều có một từ chỉ loài người nói chung, khác biệt với “người đàn ông-male”. Cụ thể, trong tiếng Do Thái, từ *adam* và trong tiếng Hy Lạp, từ *anthropos* tương đương với “con người” trong tiếng Pháp. Tuy nhiên, các từ này lại thường được dịch là “homme” (đàn ông), khiến cho một số bản văn quan trọng (chẳng hạn như Sáng Thế 1-3) bị hiểu theo hướng nam giới hóa, tạo ra sự mơ hồ hoặc sai lệch trong cách giải thích.

đẹp và sự cao cả của Thiên Chúa, đó chính là biểu hiện của một đức tin đang sống và chuyển động !

Guylain Prince

Nguồn Tài Liệu Của Chúng Tôi

Đồng tác giả, *Những người phụ nữ cũng đồng hành với Người : Những góc nhìn nữ quyền về Kinh Thánh*, Montréal, Médiaspaul, 1995, 230 trang.

Các số tạp chí Concilium số 163 và 226.

Gợi Ý Tham Khảo

Poudrier, Roger, *Hơi thở sự sống : Chúa Thánh Thần trong Kinh Thánh*, Montréal, Médiaspaul, 1997, 127 trang.

Ramey-Mollenkott, Virginia, *Thiên Chúa dưới hình ảnh nữ tính : Những hình ảnh nữ tính về Thiên Chúa trong Kinh Thánh*, Montréal-Paris, Nhà xuất bản Paulines-Centurion, 1990, 139 trang.

4.4. Tìm Gặp Khuôn Mặt Thật Của Thiên Chúa Ở Đâu ?

Nhân loại có xu hướng chiếu rọi vào Thiên Chúa - hoặc vào các vị thần - những điều sâu thẳm trong chính mình. Đó là một động lực tự nhiên, bình thường, mà dân tộc Israel cũng không ngoại lệ. Thật ra, ở quy mô nhỏ hơn, từng cá nhân chúng ta đều có khuynh hướng chiếu rọi vào Thiên Chúa những hình ảnh của những người có uy quyền - cha, mẹ hay người khác - đã để lại dấu ấn trong cuộc đời ta (xem đầu chương 1, tr. 11). Một khẳng định như vậy có khiến ta buộc phải nhìn nhận rằng Thiên Chúa, Thiên Chúa của người Kitô hữu, chỉ là hình bóng phản chiếu của những điều ta hy vọng, những điều ta ao ước ? Phải chăng Thiên Chúa-Tình Yêu chẳng qua cũng chỉ là một Thiên Chúa theo hình ảnh của ta ? Phải chăng đó chỉ là một “hình ảnh” được tạo ra để an ủi ta trong kiếp sống khốn cùng ? Nếu đúng thế, Thiên Chúa sẽ chẳng là gì khác hơn “thuốc phiện của quần chúng”, như Karl Marx đã nói.

Thật ra, câu hỏi trên giả định hai điều : 1) rằng con người một cách tự nhiên sẽ nghĩ đến một Thiên Chúa-Tình Yêu, và 2) rằng Thiên Chúa không hiện hữu, hoặc ít nhất, nếu có thì Ngài chẳng làm gì ngoài việc nhìn loài người dựng nên muôn hình ảnh thần linh khác

nhau. Khi ấy, người ta cho rằng Thiên Chúa không thể hoặc không muốn can thiệp vào lịch sử con người. Tuy nhiên, đức tin Do Thái-Kitô giáo, từ nền tảng của mình, xác tín rằng Thiên Chúa hiện hữu và Ngài muốn được con người biết đến, rằng Ngài tự mặc khải cho nhân loại. Không có xác tín căn bản này, thì cuộc trao đổi sẽ không thể tiến xa.

Vậy, câu hỏi đặt ra là : đâu là “hình ảnh đích thực” của Thiên Chúa, dưới cái nhìn Kitô giáo ? Câu trả lời thật đơn giản (nhưng không vì thế mà không gây khó khăn !) : chính nơi Thiên Chúa đã tự mặc khải, nghĩa là qua lịch sử của dân Ngài, và sau cùng là qua Con của Ngài. Đó chính là khẳng định trung tâm của Tân Ước. Chúa Giêsu thành Nagiarét, Đấng đã bước đi trên mảnh đất Palestine hơn 2000 năm trước, là “hình ảnh của Thiên Chúa vô hình” (Cl 1, 15) : “Không ai đã từng thấy Thiên Chúa ; chính Con Một là Thiên Chúa, Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, chính Người đã mặc khải cho chúng ta” (Ga 1, 18). Ở chỗ khác, trong Tin Mừng theo thánh Gioan, khi Philipphê thưa : “[...] xin Thầy cho chúng con thấy Chúa Cha, như thế là đủ rồi”, Chúa Giêsu đáp : “Thầy ở với anh em bấy lâu mà anh Philipphê, anh chưa biết Thầy ư ? Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha” (Ga 14, 9). Đối với người Kitô hữu, hình ảnh hoàn hảo nhất về Chúa Cha chính là một con người:

Chúa Giêsu thành Nagiarét. Không có và sẽ không bao giờ có một hình ảnh nào chân thực hơn để diễn tả Thiên Chúa là ai đối với chúng ta.

Thật ra, con người dễ hình dung một Thiên Chúa xác nhận lập trường của mình, một Thiên Chúa xuất hiện như sự biện minh thiêng liêng cho hành động của mình, một Thiên Chúa giữ cho mọi sự ổn định, duy trì hiện trạng. Nhưng ngược lại, làm sao hiểu được một hình ảnh Thiên Chúa luôn khiến ta “bất an”, luôn chất vấn và khuấy động ta ? Một Thiên Chúa như thế không chỉ không còn là “thuốc phiện” của nhân dân, mà còn trở thành “động cơ”, là “nguồn cội” của dân ấy.

Nhìn kỹ lại, có ai cần sáng tạo nên một vị thần dạy ta phải “yêu kẻ thù” và “làm ơn cho kẻ ngược đãi mình”? Một Thiên Chúa-Tình Yêu, nếu được hiểu cho đúng (xem chương 4), thật sự có phải là một Thiên Chúa theo hình ảnh của chính ta ?

Guylain Prince

Gợi Ý Tham Khảo Của Chúng Tôi

Létourneau, Pierre, «Trong mối tương quan với Đấng Phục Sinh : Các tước hiệu của Chúa Giêsu», trong Trên dấu chân Chúa Giêsu : Hành trình lịch sử và Kinh Thánh, Montréal, Médiaspaul, 1998, tr. 129-148.

4.5. Sự Tha Thứ Của Thiên Chúa Và Của Chúng Ta

Lời cầu xin trong Kinh Lạy Cha có ý nghĩa gì : «Xin tha tội cho chúng con, như chúng con cũng tha cho những người có lỗi với chúng con» (Mt 6, 12) ? Rất nhiều người cảm thấy khó khăn khi đọc lời cầu này trong Kinh Lạy Cha, vì, như họ nói, họ không thể tha thứ cho người khác. Chúng ta hãy cố gắng hiểu lời cầu xin này trong Kinh Lạy Cha. Để làm điều đó, ta hãy nhìn lời cầu này dưới ánh sáng của một dụ ngôn trong cùng một Tin Mừng theo thánh Mát-thêu : dụ ngôn hai “con nợ” ở chương 18, các câu 23-35.

Vì thế, Nước Trời cũng giống như chuyện một ông vua kia muốn đòi các đầy tớ của mình thanh toán sổ sách.²⁴ Khi nhà vua vừa bắt đầu, thì người ta dẫn đến một kẻ mắc nợ vua mười ngàn yển vàng.²⁵ Y không có gì để trả, nên tôn chủ ra lệnh bán y cùng tất cả vợ con, tài sản mà trả nợ.²⁶ Bấy giờ, tên đầy tớ ấy sấp mình xuống bái lạy : “Thưa Ngài, xin rộng lòng hoãn lại cho tôi, tôi sẽ lo trả hết.”²⁷ Tôn chủ của tên đầy tớ ấy liền chạnh lòng thương, cho y về và tha luôn món nợ.²⁸ Nhưng vừa ra đến ngoài, tên đầy tớ ấy gặp một người đồng bạn, mắc nợ y một trăm quan tiền. Y liền tóm lấy, bóp cổ mà bảo : “Trả nợ cho tao !”²⁹ Bấy giờ, người đồng bạn sấp

mình xuống năn nỉ : “Thưa anh, xin rộng lòng hoãn lại cho tôi, tôi sẽ lo trả anh.”³⁰ Nhưng y không chịu, cứ tống anh ta vào ngục cho đến khi trả xong nợ.³¹ Thấy sự việc xảy ra như vậy, các đồng bạn của y buồn lắm, mới đi trình bày với tôn chủ đầu đuôi câu chuyện.³² Bấy giờ, tôn chủ cho đòi y đến và bảo : “Tên đây tớ độc ác kia, ta đã tha hết số nợ ấy cho ngươi, vì ngươi đã van xin ta,³³ thì đến lượt ngươi, ngươi không phải thương xót đồng bạn, như chính ta đã thương xót ngươi sao ?”³⁴ Rồi tôn chủ nổi cơn thịnh nộ, trao y cho lính hành hạ, cho đến ngày y trả hết nợ cho ông.³⁵ Ấy vậy, Cha của Thầy ở trên trời cũng sẽ đối xử với anh em như thế, nếu mỗi người trong anh em không hết lòng tha thứ cho anh em mình.”

Một vài hướng suy tư

- Việc tha thứ cho người khác có phải là điều kiện để nhận được ơn tha thứ của Thiên Chúa, hay là hệ quả của ơn tha thứ đó ? Nghĩa là : Chúng ta được mời gọi tha thứ cho người khác để được Thiên Chúa tha thứ, hay là bởi vì chúng ta đã được Thiên Chúa tha thứ ?

- Mức độ tha thứ mà chúng ta cần dành cho người khác có tương xứng với sự tha thứ mà chúng ta nhận được từ Chúa Cha không ? Nói cách khác : chữ «như chúng con cũng tha» trong Kinh Lạy Cha có nghĩa là

«trong cùng một mức độ» hay là «cũng như chúng con, theo khả năng nhân loại của mình...» ?

Sau khi cố gắng trả lời cá nhân những câu hỏi này, chúng ta có thể đọc những gợi ý trả lời sau đây. Chúng ta bắt đầu với câu hỏi thứ hai. Ta hiểu rằng vị vua trong dụ ngôn tượng trưng cho Thiên Chúa (x. c. 35), rằng những đầy tớ đại diện cho chúng ta (x. c. 35 : mỗi người trong anh em không tha thứ cho anh em mình), và rằng việc tha nợ của nhà vua diễn tả sự tha thứ tội lỗi bởi Thiên Chúa là Cha chúng ta. Món nợ được tha bởi nhà vua (Cha trên trời) thì hoàn toàn không thể so sánh với món nợ mà người đầy tớ được mời gọi tha cho người đầy tớ khác (mỗi người với anh em mình, c. 35) : mười ngàn nén bạc so với một trăm đồng bạc (cc. 24 và 28). Ngày nay, ta có thể nói là 60.000.000 ngày công so với 100 ngày công. Không thể so sánh !

Dụ ngôn trong Mt 18 dạy rằng kinh nghiệm được Thiên Chúa tha thứ, là điều đến trước, thông thường làm cho chúng ta có khả năng tha thứ cho người khác, những người đã xúc phạm đến chúng ta («như chính tôi đã thương xót anh» trong 18,33 vừa mang tính nhân quả vừa mang tính so sánh). Nhưng sự tha thứ của Thiên Chúa đặt ra một đòi hỏi ; nó chỉ thực sự được chúng ta đón nhận, chỉ trở nên hiệu quả, khi chúng ta để cho nó

sinh hoa kết quả trong ta bằng cách tha thứ cho người thân cận (18, 35 ; x. 6, 14-15).

Dưới ánh sáng của dụ ngôn Mt 18, ta hiểu rằng sự tha thứ mà Thiên Chúa ban cho chúng ta cách nhưng không đi trước sự tha thứ của chúng ta dành cho người khác. Những tha thứ mà chúng ta trao ban không phải là điều kiện, mà là hệ quả của sự tha thứ mà chúng ta đã nhận được từ Thiên Chúa. Đây là câu trả lời có thể đưa ra cho lời phản đối, một lời phản đối có phần đúng, rằng tha thứ là điều không thể làm được với sức người, rằng điều đó vượt quá khả năng của con người. Sự tha thứ là điều thuộc về Thiên Chúa. Chính nhờ «khả năng» thần linh được đặt trong chúng ta mà chúng ta mới có thể tha thứ cho người khác.

Khi chúng ta cầu nguyện Kinh Lạy Cha, chúng ta mở lòng đón nhận sự tha thứ của Chúa Cha dành cho chúng ta, sự tha thứ ấy làm cho chúng ta trở nên có khả năng tha thứ theo cách nhân loại của mình - và do đó, thường là theo từng giai đoạn - cho những người đã làm hại chúng ta.

Tuy nhiên, lời cầu nguyện của chúng ta với Chúa Cha chỉ thành thật nếu chúng ta dấn thân vào một hành trình tha thứ cho người thân cận đã gây tổn thương cho mình.

Nếu không, chúng ta làm ngưng lại dòng chảy tha thứ của Thiên Chúa trong chúng ta ; chúng ta ngăn cản sự tha thứ của Thiên Chúa hiện thực nơi con người của mình.

Marcel Dumais

4.6. Lời nguyện dâng lên Chúa Cha

«Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con mình ngự vào lòng chúng ta mà kêu lên : ‘Abba, Cha ơi!’», thánh Phaolô nói như vậy (Gl 4,6).

Lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, chúng con thật khó để nhận biết Ngài, gặp gỡ Ngài trong cuộc sống mình, nhận ra Ngài là Cha, gọi Ngài bằng Danh Thánh của Ngài, cầu nguyện với Ngài bằng chính Danh ấy.

Thế nhưng, lạy Chúa là Thiên Chúa chúng con, chính Ngài lại biết hết thấy từng người trong chúng con, Ngài biết từng người qua tên gọi riêng của họ. Chúng con quan trọng với Ngài. Từng người trong chúng con được ghi khắc trong lòng bàn tay của Ngài.

Chúng con khẩn cầu Ngài : Xin sai Thánh Thần của Ngài xuống trên từng người chúng con, mở trí và mở lòng chúng con để chúng con có thể học biết Danh Ngài, nhận biết và hiểu Danh ấy bằng trí óc, nhưng trên hết là bằng trái tim, để chúng con thật sự sống trong Danh Ngài,

Danh mà Ngài đã mặc khải, và đã làm cho chúng con yêu mến nơi Chúa Giêsu Kitô, Con Một của Ngài.

AMEN.

Marcel Dumais

Kết Luận Tổng Quát

Guylain Prince

Kết thúc tập sách này, ta nên ghi nhớ điều gì từ hành trình đã được đề nghị ? Các câu hỏi đã nêu ra trong phần mở đầu, rốt cuộc đi đến đâu ? Trước hết, ta hãy dạo một vòng trong khu vườn của mình : gom góp lại một vài điểm chính từ nội dung đã được triển khai xuyên suốt các trang sách này.

Một trong những yếu tố thiết yếu chắc chắn nằm ở chỗ nội dung đức tin, như được trình bày trong Kinh Thánh, đã được đào sâu theo dòng lịch sử. Dung mạo của Thiên Chúa được làm rõ dần qua nhiều hình ảnh và những ngôn ngữ khác nhau được phát triển trong lịch sử Kinh Thánh. Chúng ta không có chỉ một khuôn mặt của Thiên Chúa, mà là một bức tranh khảm đa dạng, ngày càng phong phú và sáng tỏ hơn cùng với cuộc hành trình của dân được Kinh Thánh kể lại.

Trong truyền thống của chúng ta, chính Thiên Chúa là Đấng khởi sự và tự mạc khải. Con người luôn cố gắng vươn đến Đấng Vô Hình, nhưng nếu có thể đạt đến được, thì đó là vì trước hết Thiên Chúa đã đến gần (Xh 3), đã tỏ ra trung tín và nhân hậu với thụ tạo của Người. Qua dòng mạc khải, Thiên Chúa tự giới thiệu

với nhân loại và nhờ thế đáp lại cơn khát sâu xa luôn ngự trị trong trái tim mỗi người. Khi tự mạc khải, Thiên Chúa trở nên trọn vẹn là Thiên Chúa đối với thụ tạo, đồng thời làm cho con người trở nên trọn vẹn là người. Nội dung của mạc khải là vĩnh cửu ; nhưng hình thức, vì chịu ảnh hưởng bởi văn hóa và thời đại, thì có giới hạn.

Mạc khải đạt đến đỉnh điểm nơi con người Chúa Giêsu : cách Người hành động và rao giảng loan báo một Người Cha mà Người có một tương quan đặc biệt. Người mời gọi các môn đệ bước vào trong tương quan đó. Người Cha mà Chúa Giêsu trình bày vượt xa hình ảnh người cha vốn phổ biến thời bấy giờ. Thực vậy, toàn bộ Kinh Thánh luôn luôn nỗ lực điều chỉnh lại các hình ảnh về Thiên Chúa. Chúa Giêsu trình bày một Người Cha vượt trên hình ảnh người cha thông thường. Ngay khi dùng từ “Abba”, cách gọi riêng tư của Người, Chúa Giêsu liền kể những dụ ngôn liên tục mở rộng ý nghĩa của từ này. Chẳng hạn, trong dụ ngôn “người cha nhân hậu”, Thiên Chúa là “Abba”, nhưng là vị cha chạy ra đón con, ôm lấy anh ta mà không chờ lời giải thích, phục hồi phẩm giá đầy đủ cho anh ta, biểu lộ một “trái tim người mẹ”, v.v. Thiên Chúa là “Cha”, nhưng vẫn là Thiên Chúa, nghĩa là vượt trên mọi cái nhìn hạn hẹp. Ngôn từ và hình ảnh là không thể tránh khỏi, nhưng

trên thực tế, các hình ảnh ấy chỉ dẫn cho chúng ta đến một cách hiện hữu và hành động của Thiên Chúa mà ta không được phép đánh mất.

Nếu Chúa Giêsu cần trọng mô tả Thiên Chúa cho chúng ta như vậy, thì không chỉ là để thông báo về Ngài. “Biết Ngài là đón nhận Ngài”, nói không phải để chơi chữ. Một cái nhìn như thế về Thiên Chúa đánh thức nơi con người những gì tốt đẹp nhất của chính mình. Nhân loại nói chung, và từng người nói riêng, được giải thoát và được xây dựng trong một tương quan với một “Người Cha” như thế. Bởi lẽ, dù dung mạo Thiên Chúa không bao giờ hiện rõ trong ánh sáng trọn vẹn, thì việc chiêm ngắm hình bóng của Ngài - dù mờ nhạt - cũng khơi dậy nơi chúng ta những gì tốt đẹp nhất. Một Người Cha như thế sinh ra những người con gái và những người con trai.

Được chiếu soi bởi mặc khải này, mỗi người trở thành chứng nhân của Chúa Cha : họ được mời gọi làm lộ rõ cho những người xung quanh sự quan tâm đầy yêu thương của Thiên Chúa mà Chúa Giêsu đã mặc khải, dành cho từng người, đặc biệt là những người bé mọn nhất. Việc tuyên xưng một Thiên Chúa là Tình Yêu, có lòng tha thứ vô bờ bến, hoàn toàn đối lập với hình ảnh một “Thiên Chúa màu hồng ngọt ngào” mà trước mặt

Ngài, mọi hành vi vô trách nhiệm - “muốn làm gì thì làm” - đều không mang hậu quả gì. Lỗi chất vấn mà một Thiên Chúa là Tình Yêu đặt ra vượt xa khả năng con người. Chúng ta sẽ không bao giờ là những “người con hoàn tất” của một “Người Cha” như vậy; chúng ta sẽ không bao giờ đạt tới đích. Bài giảng trên núi, bằng những hình ảnh gây sốc và những lời mời gọi cực đoan, không ngừng thôi thúc chúng ta trên con đường yêu thương tha nhân.

Còn những chất vấn hiện nay thì sao ?

Như đã được nêu ra ngay từ đầu, các câu hỏi liên quan đến vai trò người cha nói chung và đến “Thiên Chúa là Cha” nói riêng vẫn là những vấn đề nghiêm túc. Trong phần kết luận này, cần nêu lên một vài định hướng để có thể đón nhận đúng đắn hình ảnh Người Cha trong Kinh Thánh.

Một di sản cần đón nhận trọn vẹn. Hình ảnh “Thiên Chúa là Cha” là một phần trong di sản đức tin của chúng ta với tư cách là Kitô hữu. Có thể ta ước mong một hình ảnh khác, nhưng Thiên Chúa đã mặc khải chính Người như thế cho chúng ta. Dù ngôn ngữ và hình ảnh chịu giới hạn bởi văn hóa của một thời đại nhất định, thì di sản ấy vẫn truyền lại cho chúng ta một Thiên Chúa vượt lên trên tất cả những hình thức qua đó Người đã tỏ

mình. Trong Kinh Thánh, qua lịch sử của một dân tộc, Thiên Chúa đến gặp gỡ chúng ta, và đó chính là vai trò không thể thay thế mà Kinh Thánh sẽ luôn luôn thực hiện. Theo quan điểm của chúng ta, việc loại bỏ một hình ảnh phong phú và đầy chất vấn như “Thiên Chúa là Cha”, vốn được tìm thấy trong lời nói và hành động của Chúa Giêsu, là điều vừa mạo hiểm vừa rất đáng tiếc.

Tuy nhiên, cũng cần phải nhìn nhận rằng truyền thống Kitô giáo của chúng ta không thường xuyên làm nổi bật một số đoạn trong Kinh Thánh mà lẽ ra, bằng những lối diễn tả khác, có thể làm phong phú thêm ngôn ngữ của chúng ta về Thiên Chúa. Rất hiếm khi chúng ta sử dụng những hình ảnh nữ tính mà Kinh Thánh đã có để mô tả Thiên Chúa, và cũng rất ít khi chúng ta giới thiệu những nhân vật nữ vĩ đại trong Kinh Thánh như là những mẫu gương môn đệ dành cho toàn thể dân Thiên Chúa - chứ không chỉ dành riêng cho phụ nữ Kitô hữu. Kinh Thánh còn chứa đựng rất nhiều hình ảnh và cách diễn tả mà ngày nay, chúng ta cần đón nhận và truyền đạt. Những suy tư hiện nay về bản sắc nam và nữ đang thúc đẩy chúng ta trở lại với Kinh Thánh và làm nổi bật những phần mà từ trước đến nay chúng ta thường bỏ quên, thật đáng tiếc.

Một di sản cần được đào sâu, suy niệm và chất vấn. Trong tập sách này, chúng ta đã trình bày ý tưởng rằng dung mạo của Thiên Chúa đã trở nên sâu sắc hơn qua tiến trình biên soạn các sách Kinh Thánh như chúng ta có ngày nay. Tuy nhiên, tiến trình đó không chấm dứt với quyền sách cuối cùng của Kinh Thánh. Trong một chuyển động đi tới đi lui, các tín hữu của mọi thời đại đọc và đọc lại Kinh Thánh, khám phá những biên cương mới, nhận ra những chân trời mới mà trước đây chưa từng thấy. Thế kỷ XX, cách riêng, đã cho thấy rõ những hoàn cảnh lịch sử và văn hóa - điều mà ta gọi là “hoàn cảnh sống” hay *Sitz im Leben* - đã ảnh hưởng đến việc biên soạn các sách Kinh Thánh như thế nào. Giờ đây hơn bao giờ hết, chúng ta có khả năng nhận ra tính phổ quát và vĩnh cửu của mạc khải Thiên Chúa ngay trong những giới hạn văn hóa vốn là một phần của quá trình biên soạn Kinh Thánh. Quả thật, Kinh Thánh mang dấu ấn của thời gian, của thời đại mà nó ra đời! Nhưng Thiên Chúa, Đấng mà Kinh Thánh hướng về, thì vượt trên thời gian và không gian. Thiên Chúa luôn là sự thật ! Thiên Chúa không chỉ là “Thiên Chúa của tổ tiên chúng ta” ; Người cũng là Đấng đang tự tỏ mình hôm nay. Đó là lý do tại sao, để đón nhận đúng đắn Kinh Thánh ngày nay, cần có một lối đọc mang tính phê bình, biết lưu ý đến chiều kích lịch sử của mạc khải.

Một di sản cần được sinh hoa kết quả. Phản ứng của Chúa sẽ như thế nào nếu chúng ta chỉ biết làm “vẹt” những điều trong Thánh Kinh ? Chẳng lẽ Ngài sẽ không trách chúng ta, như trong các dụ ngôn (Mt 25, 14-30; Lc 19, 11-28), vì đã chôn vùi kho báu mà Ngài đã trao cho chúng ta ? Đón nhận một di sản không chỉ là tiếp nhận và giữ gìn. Chúng ta còn phải triển khai nó và giúp nó đạt tới đầy đủ chiều kích. Các hình ảnh trong Kinh Thánh, thay vì là những rào chắn giới hạn sự sáng tạo, thực ra lại là những khoảnh khắc chớp nhoáng của một tiến trình mà chúng ta được mời gọi tiếp tục. Ngôn ngữ Kinh Thánh, được các tín hữu ngày nay đón nhận, cần được hấp thụ, nghiền ngẫm và nhất thiết phải được triển nở thêm. Điều đó thật sự liên quan đến sức sống của chúng ta với tư cách là một dân tộc. Chúng ta chỉ thực sự tiếp nhận những gì mà chúng ta có thể diễn tả lại bằng ngôn ngữ của chính mình. Lấy cảm hứng từ sức sống của Kinh Thánh, chúng ta được mời gọi triển khai những hình ảnh về Thiên Chúa có khả năng nói với những người xung quanh, mời gọi họ một cách quyết liệt đến với một nhân tính sâu xa hơn. Đây không phải là một cuộc tìm kiếm đơn thuần các khái niệm hay hình ảnh, mà là một sự đào sâu tương quan của chúng ta với Thiên Chúa và với người khác. Qua hành trình tìm kiếm này, chúng ta cũng học cách trở nên người hơn khi

sống cùng với Thiên Chúa.

Kể về Thiên Chúa : để cung cấp thông tin về Thiên Chúa và về sự hiện diện tích cực của Người trong lịch sử của chúng ta ư ? Không ! Kể về Thiên Chúa là để nhắc nhở rằng từng người trong chúng ta đều được mời gọi đến gặp gỡ một Thiên Chúa-Tình Yêu... Đáng mà chúng ta vẫn chưa khám phá hết...

MỤC LỤC

Giới Thiệu Chung	5
1. Thiên Chúa Giận Dữ ? Thiên Chúa Tình Yêu ?	13
2. Thiên Chúa, Cha Chúng Ta	37
Phản Một - Những Câu Hỏi Đặc Biệt	66
2.1. Thiên Chúa Trong Thiên Nhiên	67
2.2 Một Dân Tộc Được Thiên Chúa Tuyên Chọn ?	70
2.3. Thiên Chúa Có Thiên Vị Dân Người Chẳng ?	72
2.4. Các Thảm Họa Có Phải	
Do Thiên Chúa Gây Ra ?	76
2.5. Sự Im Lặng Của Thiên Chúa	80
3. Gặp Gỡ Một Thiên Chúa Là Cha	84
4. Trở Thành Con Trai Và Con Gái	
Của Cha Chúng Ta	109
Phản Hai - Những Câu Hỏi Đặc Biệt	136
4.1. Các Cảm Xúc Của Thiên Chúa	137
4.2. Thiên Chúa, một Vị Thẩm Phán ?	142
4.3. Thiên Chúa là Nữ tính ?	150
4.4. Tìm Gặp Khuôn Mặt Thật	
Của Thiên Chúa Ở Đâu ?	156
4.5. Sự Tha Thứ Của Thiên Chúa	
Và Của Chúng Ta	160
4.6. Lời nguyện dâng lên Chúa Cha	165
Kết Luận Tổng Quát	167

